



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

CÔNG BÁO

Tỉnh Đắk Lắk

Số 17+18

Ngày 12 tháng 4 năm 2021

MỤC LỤC

Trích yếu nội dung

Trang

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH

- | | | |
|-----------|--|----|
| 19-3-2021 | Nghị quyết số 01/2021/NQ-HĐND quy định nội dung, mức chi, thời gian hưởng hỗ trợ phục vụ bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu HĐND các cấp nhiệm kỳ 2021 - 2026 trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk. | 3 |
| 19-3-2021 | Nghị quyết số 02/2021/NQ-HĐND về hỗ trợ kinh phí từ ngân sách tỉnh cho Quỹ Bảo trợ trẻ em tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2021 - 2025. | 10 |

VĂN BẢN KHÁC

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH

- | | | |
|-----------|---|----|
| 19-3-2021 | Nghị quyết số 01/NQ-HĐND về việc xác nhận kết quả bầu bổ sung chức danh phó chủ tịch HĐND tỉnh khóa IX, nhiệm kỳ 2016 - 2021. | 15 |
| 19-3-2021 | Nghị quyết số 02/NQ-HĐND về xác nhận kết quả miễn nhiệm thành viên UBND tỉnh khóa IX, nhiệm kỳ 2016 - 2021. | 16 |
| 19-3-2021 | Nghị quyết số 03/NQ-HĐND về xác nhận kết quả bầu bổ sung chức danh Ủy viên UBND tỉnh khóa IX, nhiệm kỳ 2016 - 2021. | 17 |
| 19-3-2021 | Nghị quyết số 04/NQ-HĐND về danh mục lĩnh vực đầu tư, cho vay của quỹ đầu tư phát triển Đắk Lắk giai đoạn 2021 - 2025. | 18 |

19-3-2021	Nghị quyết số 06/NQ-HĐND về phương án phân bổ số vốn chưa thông báo của kế hoạch đầu tư công nguồn vốn ngân sách tỉnh năm 2021.	21
19-3-2021	Nghị quyết số 07/NQ-HĐND điều chỉnh, bổ sung quyết định chủ trương đầu tư một số Dự án trên địa bàn tỉnh.	29
19-3-2021	Nghị quyết số 08/NQ-HĐND quyết định chủ trương đầu tư các Dự án trên địa bàn tỉnh.	37
19-3-2021	Nghị quyết số 09/NQ-HĐND về tiêu chí phân bổ và phương án phân bổ kế hoạch vốn đầu tư phát triển từ nguồn ngân sách tỉnh bố trí đối ứng thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, kế hoạch năm 2021.	116

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

Số: 01/2021/NQ-HĐND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Đắk Lắk, ngày 19 tháng 3 năm 2021

NGHỊ QUYẾT

**Quy định nội dung, mức chi, thời gian hưởng hỗ trợ phục vụ bầu cử
đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp
nhiệm kỳ 2021-2026 trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK
KHÓA IX, KỲ HỌP CHUYÊN ĐỀ**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 102/2020/TT-BTC ngày 23 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026;

Xét Tờ trình số 15/TTr-UBND ngày 04 tháng 3 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc dự thảo Nghị quyết quy định nội dung, mức chi, thời gian hưởng hỗ trợ phục vụ bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026 trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk; Báo cáo thẩm tra số 12/BC-HĐND ngày 17 tháng 3 năm 2021 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định nội dung, mức chi, thời gian hưởng hỗ trợ phục vụ bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026 trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

2. Đối tượng áp dụng

Nghị quyết này áp dụng đối với các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan đến công tác phục vụ bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026 trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

Điều 2. Quy định chung

1. Kinh phí phục vụ cho công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026 do ngân sách Nhà nước đảm bảo theo phân cấp ngân sách hiện hành quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

2. Kinh phí phục vụ cho công tác bầu cử phải được các cơ quan, đơn vị, địa phương quản lý chặt chẽ, chi tiêu theo đúng chế độ, đúng mục đích, có hiệu quả; tận dụng các phương tiện phục vụ các cuộc bầu cử trước đây hiện còn sử dụng được, huy động các phương tiện đang được trang bị ở các cơ quan, đơn vị để phục vụ cho nhiệm vụ bầu cử đảm bảo tiết kiệm chi cho ngân sách nhà nước.

Điều 3. Quy định nội dung, mức chi, thời gian hưởng hỗ trợ cụ thể

1. Nội dung chi

a) Chi xây dựng các văn bản hướng dẫn phục vụ công tác bầu cử; các báo cáo, văn bản liên quan đến công tác bầu cử.

b) Chi in ấn tài liệu, ấn phẩm phục vụ bầu cử:

Chi in ấn: Thẻ cử tri, phiếu bầu cử, nội quy phòng/khu vực bỏ phiếu, các biểu mẫu phục vụ công tác bầu cử, phù hiệu cho nhân viên tổ chức bầu cử; các hồ sơ ứng cử, tiểu sử, các loại danh sách phục vụ công tác bầu cử (danh sách các đơn vị bầu cử, danh sách cử tri, danh sách người ứng cử, người tự ứng cử, người trúng cử); các biên bản liên quan đến bầu cử, giấy chứng nhận đại biểu trúng cử và các loại tài liệu, giấy tờ khác có liên quan phục vụ cho công tác bầu cử.

c) Chi xây dựng, cập nhật, vận hành trang thông tin điện tử về công tác bầu cử của Ủy ban bầu cử tỉnh; chi trang thiết bị phục vụ cơ quan thường trực của Ủy ban bầu cử.

d) Chi cho công tác bảo đảm an ninh, trật tự, thông tin, tuyên truyền, hướng dẫn và vận động bầu cử.

đ) Chi tổ chức các hội nghị: Hội nghị triển khai công tác bầu cử, hội nghị trực tuyến, hội nghị hiệp thương, hội nghị cử tri, hội nghị tiếp xúc cử tri, vận động bầu cử; hội nghị tập huấn, hội nghị giao ban, hội nghị tổng kết, khen thưởng.

e) Chi cho công tác chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát công tác bầu cử:

Chi phương tiện đi lại, công tác phí; chi vận chuyển phiếu bầu, quản lý và kiểm phiếu bầu; chi khác liên quan đến công tác chỉ đạo, kiểm tra, giám sát bầu cử.

g) Chi công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo; giám sát hoạt động khiếu nại, tố cáo về công tác bầu cử.

h) Chi phí hành chính cho công tác bầu cử:

Chi văn phòng phẩm, chi phí hành chính trong đợt bầu cử; chi thông tin liên lạc phục vụ bầu cử; chi thuê hội trường và địa điểm bỏ phiếu; chi trang trí, loa đài, an

ninh, bảo vệ tại các tổ bầu cử; chi làm hòm phiếu bổ sung, khắc dấu của tổ chức bầu cử, bảng niêm yết danh sách bầu cử; chi bồi dưỡng cho những người trực tiếp phục vụ trong đợt bầu cử; chi trực ngoài giờ làm việc, chi khác phục vụ trực tiếp cho công tác bầu cử.

2. Mức chi, thời gian hưởng

a) Chi tổ chức hội nghị, tập huấn:

Chi tổ chức hội nghị thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 30/2017/NQ-HĐND ngày 11 tháng 10 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức chi chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

Chi tổ chức tập huấn cho cán bộ tham gia phục vụ công tác tổ chức bầu cử thực hiện theo quy định tại Thông tư số 36/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức; Quyết định số 323/QĐ-BTC ngày 01 tháng 3 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính đính chính Thông tư số 36/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 3 năm 2018 và Nghị quyết số 10/2018/NQ-HĐND ngày 06 tháng 12 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức chi cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

b) Chi bồi dưỡng các cuộc họp:

- Chi cho người chủ trì các cuộc họp:

+ Cấp tỉnh: 150.000 đồng/người/buổi;

+ Cấp huyện: 100.000 đồng/người/buổi;

+ Cấp xã: 70.000 đồng/người/buổi;

- Chi cho các đại biểu dự họp theo giấy mời:

+ Cấp tỉnh: 100.000 đồng/người/buổi;

+ Cấp huyện: 70.000 đồng/người/buổi;

+ Cấp xã: 50.000 đồng/người/buổi.

- Chi cho các đối tượng phục vụ cuộc họp bằng mức 50% chi cho các đại biểu dự họp theo giấy mời:

c) Chi công tác chỉ đạo, kiểm tra, giám sát bầu cử:

Ngoài chế độ thanh toán công tác phí theo quy định hiện hành, các đoàn công tác được chi như sau:

- Cấp tỉnh:

+ Trưởng đoàn: 150.000 đồng/người/buổi.

+ Thành viên chính thức của đoàn: 100.000 đồng/người/buổi.

+ Cán bộ, công chức, viên chức, lái xe phục vụ đoàn: 70.000 đồng/người /buổi.

- Cấp huyện:

+ Trưởng đoàn: 100.000 đồng/người/buổi.

+ Thành viên chính thức của đoàn: 80.000 đồng/người/buổi.

+ Cán bộ, công chức, viên chức, lái xe phục vụ đoàn: 50.000 đồng/người /buổi.

- Cấp xã:

+ Trưởng đoàn: 70.000 đồng/người/buổi.

+ Thành viên chính thức của đoàn: 50.000 đồng/người/buổi.

+ Cán bộ, công chức phục vụ đoàn: 30.000 đồng/người/buổi.

d) Chi xây dựng báo cáo kết quả kiểm tra, giám sát:

- Báo cáo tổng hợp kết quả của từng đoàn công tác; báo cáo tổng hợp kết quả của đợt kiểm tra, giám sát; báo cáo tổng hợp kết quả bầu cử trình Ủy ban bầu cử tỉnh:

+ Cấp tỉnh: 2.200.000 đồng/báo cáo.

+ Cấp huyện: 1.300.000 đồng/báo cáo.

+ Cấp xã: 1.000.000 đồng/báo cáo.

- Xin ý kiến bằng văn bản các cá nhân, chuyên gia: Thực hiện theo Khoản 2 Điều 14 Nghị Quyết số 524/2012/UBTVQH13 ngày 20/9/2012 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về một số chế độ chi tiêu bảo đảm hoạt động của Quốc hội.

+ Cấp tỉnh: Mức chi từ 100.000 đồng/người/lần đến 300.000 đồng/người/lần, tổng mức chi xin ý kiến tối đa là 600.000 đồng/người/văn bản.

+ Cấp huyện: Mức chi từ 100.000 đồng/người/lần đến 200.000 đồng/người/lần, tổng mức chi xin ý kiến tối đa là 400.000 đồng/người/văn bản.

- Chính lý, hoàn chỉnh báo cáo:

+ Cấp tỉnh: 500.000 đồng/báo cáo.

+ Cấp huyện: 300.000 đồng/báo cáo.

+ Cấp xã: 150.000 đồng/báo cáo.

đ) Chi xây dựng văn bản:

- Chi xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật về bầu cử: Thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 28/2017/NQ-HĐND ngày 11 tháng 10 năm 2017 của Hội đồng Nhân dân tỉnh về quy định mức phân bổ kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

- Chi xây dựng các văn bản về bầu cử ngoài phạm vi điều chỉnh của Nghị quyết số 28/2017/NQ-HĐND ngày 11 tháng 10 năm 2017 của Hội đồng Nhân dân tỉnh (Kế hoạch, thông tri, văn bản chuyên môn hướng dẫn công tác bầu cử, báo cáo sơ kết, tổng kết, biên bản tổng kết cuộc bầu cử) mức chi cụ thể như sau:

+ Xây dựng văn bản (tính cho sản phẩm cuối cùng, bao gồm cả tiếp thu, chỉnh lý).

* Cấp tỉnh: 1.500.000 đồng/văn bản

* Cấp huyện: 1.000.000 đồng/văn bản

* Cấp xã: 500.000 đồng/văn bản

+ Xin ý kiến bằng văn bản các cá nhân, chuyên gia:

* Cấp tỉnh: Mức chi từ 100.000 đồng/người/lần đến 300.000 đồng/người/lần, tổng mức chi xin ý kiến tối đa là 600.000 đồng/người/văn bản

* Cấp huyện: Mức chi từ 70.000 đồng/người/lần đến 150.000 đồng/người/lần, tổng mức chi xin ý kiến tối đa là 450.000 đồng/người/văn bản

* Cấp xã: Mức chi từ 50.000 đồng/người/lần đến 100.000 đồng/người/lần, tổng mức chi xin ý kiến tối đa là 300.000 đồng/người/văn bản

e) Chi bồi dưỡng tham gia phục vụ trong đợt bầu cử:

- Bồi dưỡng theo mức khoán/tháng đối với các đối tượng sau:

+ Chủ tịch, các Phó Chủ tịch Ủy ban bầu cử tỉnh; Trưởng, phó các Tiểu ban Ủy ban bầu cử tỉnh; Trưởng, phó tổ chuyên viên giúp việc Ủy ban bầu cử tỉnh: 2.000.000 đồng/người/tháng;

+ Các thành viên Ủy ban bầu cử tỉnh; các thành viên Tiểu ban của Ủy ban bầu cử tỉnh; các thành viên tổ chuyên viên giúp việc Ủy ban bầu cử tỉnh; các thành viên tổ chuyên viên giúp việc Tiểu ban Ủy ban bầu cử tỉnh; Chủ tịch, các Phó Chủ tịch Ủy ban bầu cử huyện: 1.500.000 đồng/người/tháng;

+ Trưởng, phó các Tiểu ban Ủy ban bầu cử huyện: Trưởng, phó tổ chuyên viên giúp việc Ủy ban bầu cử huyện: 1.200.000 đồng/người/tháng;

+ Các thành viên Ủy ban bầu cử huyện; các thành viên Tiểu ban Ủy ban bầu cử huyện; các thành viên tổ chuyên viên giúp việc Ủy ban bầu cử huyện; Chủ tịch, các Phó Chủ tịch Ủy ban bầu cử xã: 800.000 đồng/người/tháng;

+ Các thành viên Ủy ban bầu cử xã: 500.000 đồng/người/tháng;

- Bồi dưỡng theo mức khoán/tháng đối với Ban Chỉ đạo:

+ Cấp tỉnh: Trưởng Ban Chỉ đạo: 2.000.000 đồng/người/tháng; Phó trưởng Ban Chỉ đạo: 1.500.000 đồng/người/tháng; thành viên Ban Chỉ đạo: 1.200.000 đồng/người/tháng;

+ Cấp huyện: Trưởng Ban Chỉ đạo: 1.500.000 đồng/người/tháng; Phó Trưởng Ban Chỉ đạo: 800.000 đồng/người/tháng; thành viên Ban Chỉ đạo: 400.000 đồng/người/tháng;

+ Cấp xã: Trưởng Ban Chỉ đạo: 800.000 đồng/người/tháng; Phó Trưởng Ban Chỉ đạo: 400.000 đồng/người/tháng; thành viên Ban Chỉ đạo: 200.000 đồng/người/tháng;

Thời gian hưởng các chế độ bồi dưỡng quy định tại điểm e Khoản 2 Điều 3 Nghị quyết này được căn cứ theo quyết định thành lập của cơ quan có thẩm quyền nhưng tối đa không quá 04 tháng. Trường hợp một người tham gia nhiều ban, tổ thì cũng chỉ được hưởng một mức cao nhất.

- Chi bồi dưỡng 70.000 đồng/người/ngày đối với các đối tượng được huy động, trung tập trực tiếp phục vụ công tác bầu cử (*Kể cả người chứng kiến kiểm phiếu*); thời gian hưởng chế độ chi bồi dưỡng không quá 15 ngày (không bao gồm những ngày tham gia đoàn kiểm tra, giám sát; phục vụ trực tiếp dân và giải quyết khiếu nại, tố cáo về bầu cử, ngày trước ngày bầu cử và ngày bầu cử);

Trường hợp thời gian huy động, trung tập trực tiếp phục vụ công tác bầu cử lớn hơn 15 ngày, thực hiện chi bồi dưỡng theo mức chi tối đa 1.500.000đ/người/tháng trên cơ sở quyết định, văn bản huy động, trung tập được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Riêng 02 ngày (ngày trước ngày bầu cử và ngày bầu cử): Chi bồi dưỡng 120.000 đồng/người/ngày, áp dụng đối với tất cả các lực lượng trực tiếp tham gia phục vụ bầu cử.

- Chi bồi dưỡng cho Tổ bầu cử:

+ Viết danh sách cử tri: 7.000 đồng/tờ;

+ Viết thẻ cử tri và đóng dấu: 300 đồng/thẻ;

- Chi bồi dưỡng trực ngoài giờ làm việc: Thực hiện theo chế độ quy định hiện hành của Nhà nước (*từ nguồn kinh phí bầu cử; Ủy ban bầu cử các cấp có kế hoạch phân công cụ thể để làm cơ sở quyết toán kinh phí*).

f) Chi khoán hỗ trợ cước điện thoại di động:

- Chủ tịch, các phó Chủ tịch Ủy ban bầu cử tỉnh; Trưởng, phó Ban Chỉ đạo Ủy ban bầu cử tỉnh; Trưởng, phó các Tiểu ban Ủy ban bầu cử tỉnh; Trưởng, phó tổ chuyên viên giúp việc Ủy ban bầu cử tỉnh: 400.000 đồng/người/tháng;

- Các thành viên Ủy ban bầu cử tỉnh; các thành viên Ban Chỉ đạo Ủy ban bầu cử tỉnh; các thành viên Tiểu ban của Ủy ban bầu cử tỉnh; các thành viên tổ chuyên viên giúp việc Ủy ban bầu cử tỉnh: Chủ tịch, các Phó Chủ tịch Ủy ban bầu cử huyện; Trưởng, phó Ban Chỉ đạo Ủy ban bầu cử huyện: 300.000 đồng/người/tháng;

- Các thành viên Ủy ban bầu cử huyện; các thành viên Ban Chỉ đạo Ủy ban bầu cử huyện; Trưởng, phó các Tiểu ban Ủy ban bầu cử huyện; Trưởng, phó tổ chuyên viên giúp việc Ủy ban bầu cử huyện; Chủ tịch, các Phó Chủ tịch Ủy ban bầu cử xã; Trưởng, phó Ban Chỉ đạo Ủy ban bầu cử xã: 200.000 đồng/người/tháng;

- Các thành viên Tiểu ban Ủy ban bầu cử huyện; các thành viên tổ chuyên viên giúp việc Ủy ban bầu cử huyện; các thành viên Ban chỉ đạo Ủy ban bầu cử xã; các thành viên Ủy ban bầu cử xã: 150.000 đồng/người/tháng;

Thời gian hưởng hỗ trợ cước điện thoại di động trên căn cứ theo Quyết định thành lập nhưng tối đa không quá 04 tháng. Trường hợp một người tham gia nhiều ban, tổ thì cũng chỉ được hưởng một mức cao nhất.

g) Chi tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo về bầu cử:

- Người được giao trực tiếp công dân: 80.000 đồng/người/buổi;

- Người phục vụ trực tiếp việc tiếp công dân: 60.000 đồng/người/buổi;

- Người phục vụ gián tiếp việc tiếp công dân: 50.000 đồng/người/buổi;

h) Các nội dung chi khác:

Các nội dung chi khác, như: Chi đóng hòm phiếu; chi khắc dấu; chi bảng niêm yết danh sách bầu cử; chi công tác tuyên truyền, in ấn; chi thiết bị phục vụ Văn phòng Ủy ban bầu cử và các khoản chi phát sinh thực tế chưa được quy định về nội dung và mức chi tại Nghị quyết này thì thực hiện theo các quy định của pháp luật hiện hành, thanh toán theo thực tế, chứng từ chi hợp pháp, hợp lệ trên cơ sở dự toán đã được phê duyệt.

Điều 4. Lập, chấp hành dự toán và quyết toán kinh phí

Việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bầu cử thực hiện theo quy định của Luật ngân sách nhà nước và Thông tư số 102/2020/TT-BTC ngày 23 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026;

Điều 5. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này theo đúng quy định của pháp luật.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh có trách nhiệm kiểm tra, giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

3. Đối với các nội dung, khối lượng công việc của các cơ quan, đơn vị, địa phương đã triển khai thực hiện trước khi Nghị quyết này có hiệu lực; các cơ quan, đơn vị, địa phương căn cứ quy định tại Nghị quyết này và chứng từ chi tiêu thực tế, hợp pháp, hợp lệ để quyết toán kinh phí theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước. Trong quá trình thực hiện nếu các văn bản dẫn chiếu tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản mới thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

Điều 6. Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk Khóa IX, Kỳ họp Chuyên đề thông qua ngày 19 tháng 3 năm 2021 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 28 tháng 3 năm 2021./.

CHỦ TỊCH

Y Biêr Niê

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 02/2021/NQ-HĐND

Đắk Lắk, ngày 19 tháng 3 năm 2021

NGHỊ QUYẾT
Về hỗ trợ kinh phí từ ngân sách tỉnh
cho Quỹ Bảo trợ trẻ em tỉnh Đắk Lắk, giai đoạn 2021-2025

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK
KHÓA IX, KỲ HỌP CHUYÊN ĐỀ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015;

Căn cứ Thông tư số 87/2008/TT-BTC ngày 08 tháng 10 năm 2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý và sử dụng Quỹ Bảo trợ trẻ em;

Xét Tờ trình số 17/TTr-UBND ngày 05 tháng 3 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh, về việc về việc đề nghị thông qua Nghị quyết về hỗ trợ kinh phí từ ngân sách tỉnh cho Quỹ Bảo trợ trẻ em tỉnh Đắk Lắk, giai đoạn 2021-2025; Báo cáo thẩm tra số 19/BC-HĐND ngày 18 tháng 3 năm 2021 của Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại Kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Hỗ trợ kinh phí từ ngân sách tỉnh cho Quỹ Bảo trợ trẻ em tỉnh Đắk Lắk, giai đoạn 2021-2025 với những nội dung sau:

1. Mục tiêu

Hỗ trợ kinh phí từ ngân sách tỉnh để tổ chức phẫu thuật cho trẻ em khuyết tật, trẻ em bị bệnh hiểm nghèo, đặc biệt là trẻ em bị bệnh tim bẩm sinh nặng, giúp các em hoà nhập cộng đồng.

2. Đơn vị thực hiện

Quỹ Bảo trợ trẻ em tỉnh Đắk Lắk (thuộc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội) trực tiếp quản lý, sử dụng kinh phí được hỗ trợ theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

3. Đối tượng thụ hưởng

Hỗ trợ khoảng 5.450 trẻ em thuộc các đối tượng hộ nghèo, cận nghèo, thuộc diện hưởng trợ cấp bảo trợ xã hội theo quy định của pháp luật được tư vấn khám sàng lọc tầm soát bệnh, chỉ định và hỗ trợ phẫu thuật, bao gồm:

a) Khoảng 5.000 trẻ em được khám sàng lọc, phân loại bệnh tư vấn sức khỏe.

- b) Khoảng 100 trẻ em bị bệnh tim bẩm sinh.
- c) Khoảng 100 trẻ em bị dị tật vận động.
- d) Khoảng 100 trẻ em bị các dị tật về mắt.
- e) Khoảng 150 trẻ em bị sứt môi - hở hàm ếch.

4. Kinh phí thực hiện

- a) Nguồn kinh phí do Ngân sách tỉnh hỗ trợ là 3.811.250.000 đồng.
- b) Nguồn kinh phí vận động là 6.700.000.000 đồng.

5. Phương thức thực hiện

Theo Thông tư số 87/2008/TT-BTC ngày 08 tháng 10 năm 2008 của Bộ Trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn và quản lý sử dụng Quỹ Bảo trợ trẻ em.

6. Định mức hỗ trợ và thời gian thực hiện

- a) Kinh phí hỗ trợ từ Ngân sách tỉnh theo từng năm

- Năm 2021 hỗ trợ: 708.250.000 đồng.
- Năm 2022 hỗ trợ: 827.000.000 đồng.
- Năm 2023 hỗ trợ: 833.250.000 đồng.
- Năm 2024 hỗ trợ: 739.500.000 đồng.
- Năm 2025 hỗ trợ: 703.250.000 đồng.

- b) Kinh phí Ngân sách tỉnh hỗ trợ từng hoạt động

- Hoạt động truyền thông, khảo sát, khám sàng lọc: 826.250.000 đồng.
- Hỗ trợ cho trẻ em trước và sau phẫu thuật: 1.035.000.000 đồng.
- Định mức kinh phí phẫu thuật cho trẻ em: 1.950.000.000 đồng.
- + Phẫu thuật tim bẩm sinh: 19.500.000 đồng/trường hợp.

+ Phẫu thuật các bệnh: Mắt, dị tật hàm ếch, dị tật vận động (do Quỹ Bảo trợ trẻ em vận động nguồn lực thực hiện).

- c) Thời gian thực hiện: Từ năm 2021-2025(Chi tiết tại các Phụ lục kèm theo).

Điều 2.Hội đồng nhân dân tỉnh giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết và báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh tại các Kỳ họp của Hội đồng nhân dân tỉnh.

Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết.

Điều 3. Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk Khoá IX, Kỳ họp Chuyên đề thông qua ngày 19 tháng 3 năm 2021 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 4 năm 2021./.

CHỦ TỊCH

Y Biêr Niêr

Phụ lục I

TỔNG HỢP KINH PHÍ TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG HỖ TRỢ PHẪU THUẬT VÀ PHỤC HỒI CHỨC NĂNG CHO TRẺ EM

(Kèm theo Nghị quyết số 02/2021/NQ-HĐND ngày 19 tháng 3 năm 2021 của HĐND tỉnh)

ĐVT: đồng

STT	Nội dung hoạt động	Tổng kinh phí	Chia theo năm									
			Nguồn ngân sách tỉnh hỗ trợ					Nguồn vận động				
			Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025
I	Công tác truyền thông, khảo sát khám sàng lọc (chi tiết phụ lục 3)	826,250,000	111,250,000	230,000,000	236,250,000	142,500,000	106,250,000	-	-	-	-	-
II	Các chi phí hỗ trợ trẻ em (chi tiết phụ lục 2)	9,685,000,000	597,000,000	597,000,000	597,000,000	597,000,000	597,000,000	1,340,000,000	1,340,000,000	1,340,000,000	1,340,000,000	1,340,000,000
1	Hỗ trợ chi phí cho trẻ em trước và sau phẫu thuật	1,035,000,000	207,000,000	207,000,000	207,000,000	207,000,000	207,000,000	-	-	-	-	-
2	Hỗ trợ chi phí phẫu thuật các loại bệnh	8,650,000,000	390,000,000	390,000,000	390,000,000	390,000,000	390,000,000	1,340,000,000	1,340,000,000	1,340,000,000	1,340,000,000	1,340,000,000
	Tổng cộng	10,511,250,000	708,250,000	827,000,000	833,250,000	739,500,000	703,250,000	1,340,000,000	1,340,000,000	1,340,000,000	1,340,000,000	1,340,000,000
					3,811,250,000					6,700,000,000		

Phụ lục II
KINH PHÍ HỖ TRỢ CHO TRẺ EM PHẪU THUẬT VÀ ĐIỀU TRỊ CÁC LOẠI BỆNH
(Kèm theo Nghị quyết số 02/2021/NQ-HĐND ngày 19 tháng 3 năm 2021 của HĐND tỉnh)

ĐTV: đồng

STT	Nội dung hỗ trợ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Tổng kinh phí	Ngân sách địa phương	Nguồn vận động
1	Chi phí cho trẻ em trước và sau phẫu thuật				1,035,000,000	1,035,000,000	-
1.1	Hỗ trợ chi phí đi lại cho trẻ em thuộc hộ nghèo, cận nghèo đi khám tầm soát tại tỉnh Đắk Lắk	Em	1,000	150,000	150,000,000	150,000,000	-
1.2	Hỗ trợ chi phí đi lại phẫu thuật tại Tp.HCM (đi và về)	Em	450	500,000	225,000,000	225,000,000	-
1.3	Hỗ trợ chi phí nằm viện phẫu thuật cho trẻ em bị bệnh tim (50.000đ/ngày x 15ngày)	Em	100	750,000	75,000,000	75,000,000	-
1.4	Thăm hỏi trẻ em sau phẫu thuật	Em	450	300,000	135,000,000	135,000,000	-
1.5	Hỗ trợ tái khám sau phẫu thuật cho trẻ em	Em	450	1,000,000	450,000,000	450,000,000	-
2	Hỗ trợ chi phí phẫu thuật		450	83,000,000	8,650,000,000	1,950,000,000	6,700,000,000
2.1	Phẫu thuật tim bẩm sinh (NSĐU: 30%)	Ca	100	65,000,000	6,500,000,000	1,950,000,000	4,550,000,000
2.2	Phẫu thuật mắt (NSĐU: 0%)	Ca	100	6,000,000	600,000,000	-	600,000,000
2.3	Phẫu thuật dị tật vận động (NSĐU: 0%)	Ca	100	5,000,000	500,000,000	-	500,000,000
2.4	Phẫu thuật các bệnh về hàm mặt (NSĐU: 0%)	Ca	150	7,000,000	1,050,000,000	-	1,050,000,000
	Tổng cộng				9,685,000,000	2,985,000,000	6,700,000,000

Phụ lục III**KINH PHÍ THỰC HIỆN CÔNG TÁC TRUYỀN THÔNG, KHẢO SÁT, KHÁM SÀNG LỌC CÁC LOẠI BỆNH***(Kèm theo Nghị quyết số 02/2021/NQ-HĐND ngày 19 tháng 3 năm 2021 của HĐND tỉnh)**ĐVT: đồng*

STT	Nội dung hoạt động	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Ngân sách địa phương hỗ trợ
1	Điều tra khảo sát, lập hồ sơ ban đầu, đánh giá				151,500,000	151,500,000
1.1	Tập huấn hướng dẫn sử dụng phiếu khảo sát, điều tra	Đợt	2	60,000,000	120,000,000	120,000,000
1.2	Xử lý dữ liệu và nhập dữ liệu	Hồ sơ	450	10,000	4,500,000	4,500,000
1.3	Hỗ trợ cán bộ khảo sát, lập hồ sơ ban đầu, hỗ trợ xăng xe cộng tác viên	Trẻ em	450	60,000	27,000,000	27,000,000
2	Tuyên truyền, băng rôn, tờ rơi, panô, apphich, video, phóng sự	Năm	5	70,000,000	350,000,000	350,000,000
3	Khám sàng lọc chuẩn đoán phẫu thuật				311,250,000	311,250,000
3.1	Khám chỉ định phẫu thuật (1 năm 4 lần x 5 năm = 20 lần)	Lượt	20	15,000,000	300,000,000	300,000,000
3.2	Hồ sơ phẫu thuật cho trẻ em (mỗi em 4 bộ, mỗi bộ 4 tờ = 1.800 bộ) và cước phí gửi vận động	Em	450	25,000	11,250,000	11,250,000
4	Quản lý dự án				13,500,000	13,500,000
-	Kiểm tra đánh giá sau phẫu thuật	Phiếu/Trẻ em	450	30,000	13,500,000	13,500,000
	Tổng cộng				826,250,000	826,250,000

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 01/NQ-HĐND

Đắk Lắk, ngày 19 tháng 3 năm 2021

NGHỊ QUYẾT

**Về việc xác nhận kết quả bầu cử bổ sung chức danh
Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh khóa IX, nhiệm kỳ 2016 - 2021**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK
KHÓA IX, KỲ HỌP CHUYÊN ĐỀ**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Xét Tờ trình số 130/TTr-HĐND ngày 17 tháng 3 năm 2021 của Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh, về việc giới thiệu nhân sự bầu cử bổ sung chức danh Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh khóa IX, nhiệm kỳ 2016 - 2021;

Căn cứ kết quả bầu cử tại Biên bản kiểm phiếu bầu cử bổ sung chức danh Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh khóa IX, nhiệm kỳ 2016 - 2021,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Xác nhận kết quả bầu cử bổ sung chức danh Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh khóa IX, nhiệm kỳ 2016 – 2021 đối với ông Y Vinh Tơ, Ủy viên dự khuyết Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Bí thư Thị ủy Buôn Hồ.

Điều 2. Hội đồng nhân dân tỉnh giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh hoàn tất thủ tục, trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội phê chuẩn theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk khóa IX, Kỳ họp Chuyên đề thông qua ngày 19 tháng 3 năm 2021 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 19 tháng 3 năm 2021./.

CHỦ TỊCH

Y Biêr Niê

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

Số: 02/NQ-HĐND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Đắk Lắk, ngày 19 tháng 3 năm 2021

NGHỊ QUYẾT

**Về việc xác nhận kết quả miễn nhiệm thành viên
Ủy ban nhân dân tỉnh khóa IX, nhiệm kỳ 2016 - 2021**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK
KHÓA IX, KỲ HỌP CHUYÊN ĐỀ**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương, ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương, ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 08/2016/NĐ-CP ngày 25 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ quy định số lượng Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân và quy trình, thủ tục bầu, từ chức, miễn nhiệm, bãi nhiệm, điều động, cách chức thành viên Ủy ban nhân dân; Nghị định số 69/2020/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2016/NĐ-CP ngày 25 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ quy định số lượng Phó Chủ tịch UBND và quy trình, thủ tục bầu, từ chức, miễn nhiệm, bãi nhiệm, điều động, cách chức thành viên UBND;

Xét Tờ trình số 23/TTr-UBND ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, về việc đề nghị miễn nhiệm Ủy viên Ủy ban nhân dân tỉnh khóa IX, nhiệm kỳ 2016 - 2021;

Căn cứ kết quả miễn nhiệm Ủy viên Ủy ban nhân dân tỉnh khóa IX, nhiệm kỳ 2016 - 2021,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Xác nhận kết quả miễn nhiệm Ủy viên Ủy ban nhân dân tỉnh khóa IX, nhiệm kỳ 2016 - 2021 đối với Thiếu tướng Lê Văn Tuyến, lý do: đã chuyển công tác khác.

Điều 2. Hội đồng nhân dân tỉnh giao Ủy ban nhân dân tỉnh hoàn tất thủ tục miễn nhiệm theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk khóa IX, Kỳ họp Chuyên đề thông qua ngày 19 tháng 3 năm 2021 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 19 tháng 3 năm 2021./.

CHỦ TỊCH

Y Biêr Niê

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

Số: 03/NQ-HĐND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Đắk Lắk, ngày 19 tháng 3 năm 2021

NGHỊ QUYẾT

**Về việc xác nhận kết quả bầu bổ sung chức danh
Ủy viên Ủy ban nhân dân tỉnh khóa IX, nhiệm kỳ 2016 - 2021**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK
KHÓA IX, KỲ HỌP CHUYÊN ĐỀ**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương, ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương, ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 08/2016/NĐ-CP ngày 25 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ quy định số lượng Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân và quy trình, thủ tục bầu, từ chức, miễn nhiệm, bãi nhiệm, điều động, cách chức thành viên Ủy ban nhân dân; Nghị định số 69/2020/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2016/NĐ-CP ngày 25 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ quy định số lượng Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân và quy trình, thủ tục bầu, từ chức, miễn nhiệm, bãi nhiệm, điều động, cách chức thành viên Ủy ban nhân dân;

Xét Tờ trình số 24/TTr-UBND, ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk về việc giới thiệu nhân sự bầu bổ sung Ủy viên Ủy ban nhân dân tỉnh khóa IX, nhiệm kỳ 2016 - 2021;

Căn cứ kết quả bầu cử tại Biên bản kiểm phiếu bầu cử bổ sung Ủy viên Ủy ban nhân dân tỉnh khóa IX, nhiệm kỳ 2016 – 2021,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Xác nhận kết quả bầu bổ sung chức danh Ủy viên Ủy ban nhân dân tỉnh khóa IX, nhiệm kỳ 2016 - 2021 đối với Đại tá Lê Vinh Quy, Giám đốc Công an tỉnh.

Điều 2. Hội đồng nhân dân tỉnh giao Ủy ban nhân dân tỉnh hoàn tất thủ tục bổ sung Ủy viên UBND tỉnh theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk khóa IX, Kỳ họp Chuyên đề thông qua ngày 19 tháng 3 năm 2021 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 19 tháng 3 năm 2021./.

CHỦ TỊCH

Y Biêr Niê

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

Số: 04/NQ-HĐND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Đắk Lắk, ngày 19 tháng 3 năm 2021

**NGHỊ QUYẾT
Về danh mục lĩnh vực đầu tư, cho vay
của Quỹ Đầu tư phát triển Đắk Lắk giai đoạn 2021 - 2025****HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK
KHÓA IX, KỲ HỌP CHUYÊN ĐỀ**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 147/2020/NĐ-CP ngày 18 ngày 12 tháng 2020 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Quỹ đầu tư phát triển địa phương;

Xét Tờ trình số 16/TTr-UBND ngày 05 tháng 3 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh về danh mục lĩnh vực đầu tư, cho vay của Quỹ Đầu tư phát triển Đắk Lắk giai đoạn 2021 - 2025; Báo cáo thẩm tra số 11/BC-HĐND ngày 17 tháng 3 năm 2021 của Ban Kinh tế - Ngân sách của Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua danh mục lĩnh vực đầu tư, cho vay của Quỹ Đầu tư phát triển Đắk Lắk giai đoạn 2021 - 2025 như sau:

STT	Lĩnh vực
I	Giáo dục, dạy nghề
1	Các dự án khuyến khích xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề
II	Y tế
1	Các dự án khuyến khích xã hội hóa trong lĩnh vực y tế
III	Công nghiệp
1	Phát triển hạ tầng khu công nghiệp, cụm công nghiệp
2	Dự án công nghiệp phụ trợ
3	Cơ khí chế tạo phục vụ sản xuất, chế biến trong công nghiệp, nông nghiệp
4	Công nghiệp chế biến sản phẩm nông nghiệp

5	Sản xuất vật liệu xây dựng mới, thân thiện với môi trường
IV	Nông nghiệp
1	Đầu tư phát triển nông nghiệp theo hướng chất lượng cao, bền vững
2	Ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất, bảo quản và chế biến nông sản
V	Môi trường
1	Thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải, chất thải, nước thải tập trung
2	Hỏa táng, điện táng
3	Sản xuất, cung cấp nước sạch
4	Di chuyển, sắp xếp, hiện đại hóa các khu nghĩa trang
VI	Phát triển năng lượng
1	Phát triển điện năng lượng mặt trời, điện gió, điện sinh khối
2	Sản xuất năng lượng sạch từ việc tiêu huỷ chất thải ô nhiễm môi trường
3	Phát triển, cải tạo, nâng cấp hệ thống truyền tải, phân phối điện
VII	Nhà ở
1	Đầu tư xây dựng nhà ở xã hội, nhà ở cho công nhân, ký túc xá sinh viên
2	Phát triển nhà ở tại đô thị, nông thôn
VIII	Văn hóa, Thể thao
1	Các dự án khuyến khích xã hội hóa trong lĩnh vực văn hóa, thể thao
IX	Du lịch
1	Đầu tư phát triển khu, điểm du lịch theo hướng chất lượng cao
2	Đầu tư phát triển khu, điểm du lịch sinh thái, kết hợp với nông, lâm nghiệp, cảnh quan thiên nhiên, cộng đồng và bản sắc văn hóa của các dân tộc trên địa bàn tỉnh
X	Giao thông
1	Xây dựng trung tâm sát hạch giấy phép lái xe, trung tâm đăng kiểm
2	Phát triển hệ thống phương tiện vận tải hành khách công cộng
3	Phát triển kết cấu hạ tầng giao thông
XI	Khoa học công nghệ
1	Đầu tư xây dựng khu công nghệ cao
2	Sản xuất phần mềm
3	Đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng công nghệ - thông tin
XII	Thương mại
1	Đầu tư xây dựng Trung tâm thương mại, siêu thị, chợ đầu mối
2	Đầu tư xây dựng cơ sở bảo quản, lưu trữ, trung chuyển hàng hóa tập trung, quy mô lớn

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh căn cứ danh mục lĩnh vực đầu tư, cho vay tại Điều 1 Nghị quyết này, tình hình thực tế của địa phương và quy mô hoạt động của Quỹ Đầu tư phát triển Đắk Lắk, triển khai thực hiện theo đúng quy định tại Nghị định số 147/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ.

Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết.

Điều 3. Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk khóa IX, Kỳ họp Chuyên đề thông qua ngày 19 tháng 3 năm 2021 và có hiệu lực kể từ ngày 19 tháng 3 năm 2021./.

CHỦ TỊCH

Y Biêr Niê

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 06/NQ-HĐND

Đắk Lắk, ngày 19 tháng 3 năm 2021

NGHỊ QUYẾT

Về Tiêu chí phân bổ và phương án phân bổ kế hoạch vốn đầu tư phát triển từ nguồn ngân sách tỉnh bố trí đối ứng thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, kế hoạch năm 2021

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK
KHÓA IX, KỲ HỌP CHUYÊN ĐỀ**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Xét Tờ trình số 22/TTr-UBND ngày 10 tháng 3 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh đề nghị ban hành Nghị quyết về Tiêu chí phân bổ và phương án phân bổ kế hoạch vốn đầu tư phát triển từ nguồn ngân sách tỉnh bố trí đối ứng thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, kế hoạch năm 2021; Báo cáo thẩm tra số 14/BC-HĐND ngày 17 tháng 03 năm 2021 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua tiêu chí phân bổ vốn từ nguồn ngân sách tỉnh và ngân sách Trung ương kế hoạch năm 2021 bố trí thực hiện các dự án theo cơ chế đầu tư thông thường và phương án phân bổ 180.000 triệu đồng kế hoạch vốn đầu tư phát triển từ nguồn ngân sách tỉnh bố trí đối ứng thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, kế hoạch năm 2021 (*Nghị quyết số 32/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh về kế hoạch xây dựng cơ bản năm 2021*), cụ thể như sau:

1. Tiêu chí phân bổ vốn từ nguồn ngân sách tỉnh và ngân sách Trung ương kế hoạch năm 2021 bố trí thực hiện các dự án theo cơ chế đầu tư thông thường:

Phân bổ cho các huyện, thị xã, thành phố (gọi chung là huyện) để thực hiện các dự án đầu tư theo cơ chế thông thường trên cơ sở đưa ra các tiêu chí để tính điểm, bao gồm:

1.1. Tiêu chí chính:

- Tiêu chí về số km giao thông đường xã cần cải tạo, nâng cấp hoặc xây dựng mới theo quy hoạch còn thiếu để đạt chuẩn nông thôn mới;

- Tiêu chí về nhu cầu vốn đầu tư cải tạo, nâng cấp các hồ đập có dung tích chứa

dưới 500.000 m³;

- Tiêu chí về nhu cầu vốn đầu tư cải tạo, nâng cấp hoặc xây dựng mới các công trình nước sinh hoạt tập trung khu vực nông thôn;

- Tiêu chí về số xã trên địa bàn đến hết năm 2020 cơ bản chưa được bố trí đủ vốn đầu tư để đạt chuẩn nông thôn mới;

- Tiêu chí về số tổng nguồn thu sử dụng đất năm 2021 của cấp huyện.

1.2. Tiêu chí bổ sung:

- Tiêu chí cho 05 huyện nghèo;

- Tiêu chí cho 02 huyện cận nghèo thuộc Nhóm IV trong Nghị quyết số 22/2020/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh về phân cấp, cơ cấu nguồn vốn đầu tư xây dựng trường học và cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk, giai đoạn 2021-2025;

- Tiêu chí cho thị xã Buôn Hồ để thực hiện Nghị quyết số 09-NQ/TU ngày 08 tháng 12 năm 2017 của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ về tiếp tục xây dựng, phát triển thị xã Buôn Hồ giai đoạn đến năm 2020 và định hướng đến năm 2025 (để xây dựng xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao);

- Tiêu chí cho thành phố Buôn Ma Thuột để thực hiện Kết luận số 67/KL-TW ngày 16 tháng 12 năm 2019 của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển thành phố Buôn Ma Thuột đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 (để xây dựng xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao).

2. Phương án phân bổ 180.000 triệu đồng kế hoạch vốn đầu tư phát triển từ nguồn ngân sách tỉnh bố trí đối ứng thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, kế hoạch năm 2021:

2.1. Bố trí đủ phần vốn còn thiếu cho các dự án đã phê duyệt quyết toán, dự án hoàn thành và dự án chuyển tiếp theo tiến độ là 9.864 triệu đồng.

2.2. Bố trí khen thưởng cho các xã đạt chuẩn nông thôn mới trong giai đoạn 2016-2020 đã đủ điều kiện để khen thưởng theo quy định (1.000 triệu đồng/xã) là 10.000 triệu đồng.

2.3. Bố trí để khởi công mới các dự án đầu tư theo cơ chế đầu tư thông thường thuộc các lĩnh vực giao thông, thủy lợi, cấp nước sinh hoạt tập trung,... trên địa bàn 15 huyện, thị xã, thành phố là 160.136 triệu đồng, cụ thể:

- Thống nhất bố trí tối thiểu 65% tổng vốn ngân sách tỉnh và ngân sách Trung ương kế hoạch năm 2021 của Chương trình và tổng mức vốn từ nguồn ngân sách tỉnh và ngân sách Trung ương, giai đoạn 2021-2023 là 700.000 triệu đồng để đầu tư các dự án theo cơ chế thông thường thuộc các lĩnh vực giao thông, thủy lợi, cấp nước sinh hoạt tập trung,... để tạo liên kết xã, nhằm thúc đẩy phát triển sản xuất, nâng cao đời sống cho người dân khu vực nông thôn.

- Phân bổ 160.136 triệu đồng từ nguồn ngân sách tỉnh đối ứng kế hoạch năm 2021 cho 15 huyện, thị xã, thành phố để khởi công mới 82 dự án đầu tư trong năm 2021.

(Chi tiết tại Phụ lục I, II, III và IV kèm theo)

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết và báo cáo kết quả thực hiện tại các Kỳ họp của Hội đồng nhân dân tỉnh.

Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết.

Điều 3. Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk khoá IX, Kỳ họp Chuyên đề thông qua ngày 19 tháng 3 năm 2021 và có hiệu lực kể từ ngày 19 tháng 3 năm 2021./.

CHỦ TỊCH

Y Biêr Niê

PHỤ LỤC
PHƯƠNG ÁN BỐ TRÍ VỐN TỪ NGUỒN THÔNG BÁO SAU
KẾ HOẠCH NGÂN SÁCH TỈNH NĂM 2021

(Kèm theo Nghị quyết số 06/NQ-HĐND ngày 19/3/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Cơ quan đề xuất	Số văn bản đề xuất (ngày, tháng, năm)	Tổng mức đầu tư dự kiến (NSTW, NST)	Bố trí vốn thông báo sau năm 2021	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8
	TỔNG CỘNG					423,600	
A	Bố trí vốn điều lệ cho Quỹ bảo lãnh tín dụng cho doanh nghiệp nhỏ và vừa Đắk Lắk					100,000	
B	Bố trí vốn chuẩn bị đầu tư				6,903,014	323,600	
I	Lĩnh vực giao thông				888,950	30,000	
1	Cải tạo, nâng cấp Tỉnh lộ 9, đoạn Km0+00 - Km20+300	Huyện Krông Pắc và huyện Krông Bông	Sở Giao thông vận tải	Tờ trình số 444/TTr-SGTVT, 19/3/2020	190,000	6,000	
2	Cải tạo, nâng cấp Tỉnh lộ 13, đoạn Km6+840 - Km26+300	Huyện M'Drắk	Sở Giao thông vận tải	Tờ trình số 1023/TTr-SGTVT, ngày 27/5/2020	225,000	8,000	
3	Nâng cấp, mở rộng Tỉnh lộ 2 đoạn Km6+431 - Km22+550	Huyện Krông Ana	Sở Giao thông vận tải	Tờ trình số 467/TTr-SGTVT, 12/3/2021	320,000	10,000	
4	Các trục đường khu trung tâm hành chính (D6 và N16), huyện Krông Búk	Xã Chư Kbo, huyện Krông Búk	UBND huyện Krông Búk	Tờ trình số 22/TTr-UBND ngày 25/02/2021	46,000	2,000	
5	Cầu Hàm Long, xã Xuân Phú, huyện Ea Kar	Xã Xuân Phú, huyện Ea Kar	UBND huyện Ea Kar	Tờ trình số 16/TTr-UBND, 29/01/2021	29,950	2,000	
6	Đường giao thông phía tây Quốc lộ 14 (đoạn từ Quốc lộ 14 thuộc phường Đạt Hiếu đến suối A Jun, phường Thống Nhất), thị xã Buôn Hồ	Thị xã Buôn Hồ	UBND thị xã Buôn Hồ	Tờ trình số 56/TTr-UBND, 31/3/2020;	78,000	2,000	
II	Lĩnh vực thủy lợi				164,000	5,000	
1	Hệ thống trạm bơm và công trình thủy lợi Dư Kmăl, xã Dư Kmăl huyện Krông Ana	Xã Dư Kmăl	UBND huyện Krông Ana	55/TTr-UBND ngày 27/3/2020	164,000	5,000	
III	Lĩnh vực Y tế (TPBMT và TX Buôn Hồ)				1,133,692	35,000	
1	Nâng cấp Khoa ung bướu thành Trung tâm Ung bướu thuộc Bệnh viện đa khoa vùng Tây Nguyên	184 đường Trần Quý Cáp, Phường Tự An, TP BMT	Sở Y tế	Tờ trình số 49/TTr-SYT ngày 03/3/2020	630,292	20,000	
2	Bệnh viện đa khoa thị xã Buôn Hồ	Phường Đoàn Kết TX Buôn Hồ	Sở Y tế	Tờ trình số 05/TTr-SYT ngày 13/01/2021	503,400	15,000	
IV	Lĩnh vực Hạ tầng khu, điểm du lịch				189,914	9,000	
1	Xây dựng cơ sở hạ tầng khu vực trung tâm điểm du lịch hồ Lắk	Thị trấn Liên Sơn, H Lắk	UBND huyện Lắk	Tờ trình số 521/TTr-UBND ngày 28/12/2020	130,071	5,000	

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Cơ quan đề xuất	Số văn bản đề xuất (ngày, tháng, năm)	Tổng mức đầu tư dự kiến (NSTW, NST)	Bố trí vốn thông báo sau năm 2021	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8
2	Nâng cấp vỉa hè, hệ thống điện bờ hồ và trung tâm huyện phục vụ du lịch hồ Lắk	Thị trấn Liên Sơn, H Lắk	UBND huyện Lắk	Tờ trình số 528/TTr-UBND ngày 30/12/2020	29,850	2,000	
3	Đường ven hồ Lắk đoạn quanh điểm du lịch buôn Jun, thị trấn Liên Sơn	Thị trấn Liên Sơn, H Lắk	UBND huyện Lắk	Tờ trình số 522/TTr-UBND ngày 28/12/2020	29,993	2,000	
V	Lĩnh vực Giao thông phục vụ du lịch				125,000	6,000	
1	Nâng cấp, mở rộng đường giao thông vào khu du lịch cụm thác Dray Sáp Thượng và Dray Nur, xã Dray Sáp, huyện Krông Ana	Xã Dray Sáp, H Krông Ana	UBND huyện Krông Ana	Tờ trình số 21/TTr-UBND ngày 16/03/2021	100,000	4,000	
2	Đường GT trục chính vào khu du lịch sinh thái Buôn Đôn, xã Krông Na	Xã Krông Na, H Buôn Đôn	UBND huyện Buôn Đôn	Tờ trình số 21/TTr-UBND ngày 23/02/2021	25,000	2,000	
VI	Lĩnh vực nước sạch Môi trường				180,000	8,000	
1	Hệ thống cấp nước liên xã Cư Króa, xã Cư M'ta, xã Krông Jing và thị trấn M'Drăk, huyện M'Drăk	3 xã : Cư Króa, Cư M'ta, Krông Jing và thị trấn M'Drăk	UBND huyện M'Drăk	Tờ trình số 09/TTr-UBND ngày 26/01/2021	90,000	4,000	
2	Hệ thống cấp nước cho thị trấn Liên Sơn và các xã Đăk Liêng, Đăk Nuê, huyện Lắk	Thị trấn Liên Sơn và các xã Đăk Liêng, Đăk Nuê	UBND huyện Lắk	Tờ trình số 09/TTr-UBND ngày 22/01/2021	90,000	4,000	
VII	Lĩnh vực Điện				29,624	2,600	
1	Hệ thống điện chiếu sáng công cộng các tuyến đường thị xã Buôn Hồ	Thị xã Buôn Hồ	UBND thị xã Buôn Hồ	Tờ trình số 74/TTr-UBND, 31/3/2020	29,624	2,600	
VIII	Lĩnh vực Thông tin truyền thông				330,000	13,000	
1	Dự án Xây dựng hạ tầng chuyển đổi số tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2021 - 2025 và định hướng đến năm 2030	TP BMT	Sở TT&TT	BC số 28/BC-STTTT ngày 25/02/2021	330,000	13,000	
IX	Sắp xếp, ổn định dân cư				166,167	7,000	
1	Dự án di dân khẩn cấp vùng lũ ống, lũ quét sạt lở đất cụm dân cư lưu vực xã lũ hồ Ea Súp hạ, thị trấn Ea Súp	Thôn 3,4,5,6,7 thị trấn Ea Súp, huyện Ea Súp	UBND huyện Ea Súp	NQ số 33/NQ-HĐND ngày 09/12/2020	102,365	4,000	
2	Dự án di dân khẩn cấp vùng lũ ống, lũ quét, sạt lở đất cụm dân cư thôn 4, thôn 7, thôn 8, thôn 9, thôn 10 và thôn 12 xã Ya Tờ Mốt, huyện Ea Súp	Thôn 4,7,8,9,10,12 xã Ya Tờ Mốt, huyện Ea Súp	UBND huyện Ea Súp	NQ số 26/NQ-HĐND ngày 08/7/2020; Quyết định số 113/QĐ-UBND ngày 18/01/2021	63,802	3,000	
X	Các DA bổ sung				2,502,900	108,000	
1	Đường giao thông từ trung tâm xã Ia Lơi đi Làng Thanh niên lập nghiệp xã Ia Lốp, huyện Ea Súp (từ Km 9+00-Km11+050)	huyện Ea Súp	UBND huyện Ea Súp	Tờ trình số 70/TTr-UBND, 26/3/2020	29,000	2,000	
2	Đường liên huyện Ea H'leo - Krông Năng (Đoạn từ xã Diê Yang, xã Ea Hiao, huyện Ea H'leo đi xã Ea Tân huyện Krông Năng)	Xã Ea Hiao, huyện Ea H'leo	UBND huyện Ea H'leo	Tờ trình số 218/TTr-UBND, 20/4/2020	75,000	3,000	

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Cơ quan đề xuất	Số văn bản đề xuất (ngày, tháng, năm)	Tổng mức đầu tư dự kiến (NSTW, NST)	Bố trí vốn thông báo sau năm 2021	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8
3	Cải tạo, nâng cấp Tỉnh lộ 12, đoạn Km15+500 - Km31+000	Huyện Krông Bông	Sở Giao thông vận tải	Tờ trình số 765/TTr-SGTVT, 27/4/2020	100,000	4,000	
4	Đường giao thông nông thôn liên xã từ buôn Kram xã Ea Tiêu đến thôn Cao Thắng xã Ea Kao	Xã Ea Tiêu, huyện Cư Kuin và xã Ea Kao, TP Buôn Ma Thuột	UBND huyện Cư Kuin	Tờ trình số 94/TTr-UBND, 30/3/2020;	21,000	2,000	
5	Đường giao thông trục chính vào Khu công nghiệp Hòa Phú	Buôn Ma Thuột	Ban QLDA ĐTXDCT Dân dụng và Công nghiệp tỉnh	173/TTr-BDDCN ngày 05/11/2020	70,000	3,000	
6	Đường giao thông liên huyện Krông Năng đi Ea H'leo	Xã Ea Hồ, Ea Toh, Dliêya và Ea Tân, huyện Krông Năng	UBND huyện Krông Năng	Tờ trình số 29/TTr-UBND, 22/02/2021	150,000	6,000	
7	Trường THPT Dân tộc nội trú Đam San (giai đoạn 2)	Xã Ea Blang, TX Buôn Hồ	Sở GD&ĐT	Tờ trình số 62/TTr-SGDĐT, 08/4/2020	104,000	4,000	
8	Đầu tư xây dựng và chỉnh trang đô thị khu Trung tâm văn hóa tỉnh	TP BMT	Ban QLDA ĐTXD DD&CN tỉnh		230,000	9,000	
9	Đường vào khu dân dân, tái định cư (Buôn Ea Chôr, Buôn Kiêu, Buôn Hằng Năm), xã Yang Mao, huyện Krông Bông	Xã Yang Mao, huyện Krông Bông	UBND H. Krông Bông	Tờ trình số 220/TTr-UBND, 15/6/2020	29,900	2,000	
10	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông liên huyện Cư M'gar - Ea Súp	Huyện Cư M'gar và huyện Ea Súp	UBND huyện Cư M'gar	Tờ trình số 630/TTr-UBND, 30/12/2020	190,000	6,000	
11	Đường giao thông từ xã Bình Thuận, thị xã Buôn Hồ đi Km111+950 quốc lộ 26, xã Ea Phê, huyện Krông Pắc	Xã Bình Thuận, thị xã Buôn Hồ và xã Ea Phê, huyện Krông Pắc	UBND thị xã Buôn Hồ	Tờ trình số 18/TTr-UBND, 25/02/2021	79,000	3,000	
12	Đường giao thông từ Quốc lộ 26 đi xã Ea Ô, huyện Ea Kar kết nối trung tâm xã Vụ Bón, huyện Krông Pắc	Xã Ea Kmút - Ea Ô, huyện Ea Kar và xã Vụ Bón, huyện Krông Pắc	UBND huyện Ea Kar	Tờ trình số 50/TTr-UBND, 25/2/2020	200,000	8,000	
13	Đường giao thông nối từ ngã ba Quảng Đại, xã Ea Rôk đi Quốc lộ 14C, huyện Ea Súp	huyện Ea Súp	UBND huyện Ea Súp	Tờ trình số 57/TTr-UBND, 09/03/2021	100,000	4,000	
14	Hệ thống thủy lợi huyện Buôn Đôn, tỉnh Đắk Lắk	huyện Buôn Đôn	UBND huyện Buôn Đôn	Tờ trình số 24/TTr-UBND, 25/02/2021	320,000	13,000	Chỉ phân bổ vốn chuẩn bị đầu tư sau khi hoàn thiện hồ sơ, thủ tục và được HĐND tỉnh quyết định chủ trương đầu tư dự án theo quy định
15	Nâng cấp đường cơ động vào biên giới, các đồn đồn biên phòng 735, 737 thuộc BCH Bộ đội biên phòng tỉnh Đắk Lắk	Ea Súp	BCHBĐBP	Tờ trình số 664/TTr-BCH, 08/3/2021	60,000	2,000	

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Cơ quan đề xuất	Số văn bản đề xuất (ngày, tháng, năm)	Tổng mức đầu tư dự kiến (NSTW, NST)	Bố trí vốn thông báo sau năm 2021	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8
16	Hồ chứa nước Ea Khít, xã Ea Bhốk, huyện Cư Kuin	xã Ea Bhốk, huyện Cư Kuin	UBND huyện Cư Kuin	Tờ trình số 169/TTr-UBND, 27/5/2020	100,000	4,000	
17	Công trình cấp nước liên xã Ea Đar - Thị trấn Ea Knốp, huyện Ea Kar	Huyện Ea Kar	UBND huyện Ea Kar	Tờ trình số 294/TTr-UBND, 30/3/2020	90,000	4,000	
18	Đường giao thông liên huyện Cư M'gar - thị xã Buôn Hồ	Thị trấn Quảng Phú, xã Ea Đơng, xã Cuôr Đăng, huyện Cư M'gar; TX Buôn Hồ	UBND huyện Cư M'gar	Tờ trình số 130/TTr-UBND, 30/3/2020	70,000	3,000	Chỉ được triển khai bước lập Báo cáo nghiên cứu khả thi khi được Bộ Giao thông vận tải có văn bản thống nhất cho phép đầu nối vào đường Cao tốc Hồ Chí Minh.
19	Hệ thống kênh và CTTK có F tưới < 150 ha (địa bàn tỉnh Đắk Lắk) thuộc dự án Công trình thủy lợi hồ chứa nước Ia Mơr giai đoạn 2	huyện Ea Súp	Ban QLDA ĐTXDCT GT&NNPINT	Tờ trình số 59/TTr-SNN, 13/3/2021	114,000	4,000	
20	Đường giao thông liên huyện Cư M'gar - huyện Ea H'leo (đoạn xã Ea K'pam đi xã Ea Kuêh, huyện Cư M'gar)	Xã Ea K'pam và xã Ea Tir, huyện Cư M'gar	UBND huyện Cư M'gar	Tờ trình số 352/TTr-UBND, 14/8/2020	140,000	4,000	
21	Xây dựng hệ thống tường rào bảo vệ kho vũ khí đạn thuộc Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Đắk Lắk.	Krông Pắc	BCHQS tỉnh	Tờ trình số 2288/TTr-UBND, 25/12/2019	10,000	7,000	
22	Đường từ xã Krông Ana-khu vực đồn biên phòng 749 ra biên giới, huyện Buôn Đôn	Buôn Đôn	BCHBĐBP	Tờ trình số 685/TTr-BCH, 09/3/2021	81,000	5,000	
23	Đường giao thông từ Ea Hô đi Tam Giang, huyện Krông Năng	Krông Năng	UBND huyện Krông Năng	175/BC-UBND ngày 31/3/2020	140,000	6,000	
XI	Các DA do TP Buôn Ma Thuột đề xuất				1,192,767	100,000	
1	Đường Tôn Đức Thắng (đoạn từ đường Nguyễn Đình Chiểu đến đường Trần Khánh Dư và đoạn từ đường Phan Trọng Tuệ đến đường Lê Quý Đôn), thành phố Buôn Ma Thuột	TP Buôn Ma Thuột	UBND thành phố Buôn Ma Thuột	Tờ trình số 258/TTr-UBND, 16/11/2020	565,000	30,000	
2	Đường Nguyễn Tri Phương nối dài đến đường Vành đai phía Tây, thành phố Buôn Ma Thuột	TP Buôn Ma Thuột	UBND thành phố Buôn Ma Thuột	Tờ trình số 258/TTr-UBND, 16/11/2020	110,000	15,000	
3	Đường Nguyễn Đình Chiểu nối dài, thành phố Buôn Ma Thuột	TP Buôn Ma Thuột	UBND thành phố Buôn Ma Thuột	Tờ trình số 258/TTr-UBND, 16/11/2020	280,767	15,000	
4	Trục đường số 14 thuộc quy hoạch phân khu 1/2000 khu đô thị mới đồi thủy văn (đoạn từ cuối đường Ama Khê đến đường Đông Tây), thành phố Buôn Ma Thuột	TP Buôn Ma Thuột	UBND thành phố Buôn Ma Thuột	Tờ trình số 258/TTr-UBND, 16/11/2020	180,000	15,000	

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Cơ quan đề xuất	Số văn bản đề xuất (ngày, tháng, năm)	Tổng mức đầu tư dự kiến (NSTW, NST)	Bố trí vốn thông báo sau năm 2021	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8
5	Cải tạo, nâng cấp đường Trần Phú, thành phố Buôn Ma Thuột (Đoạn nối dài)	TP Buôn Ma Thuột	UBND thành phố Buôn Ma Thuột	Tờ trình số 258/TTr-UBND, 16/11/2020	37,000	15,000	
6	Cải tạo, nâng cấp Hệ thống điện chiếu sáng công cộng tại một số tuyến trạm trên địa bàn thành phố	TP Buôn Ma Thuột	UBND thành phố Buôn Ma Thuột	Báo cáo số 194/BC-UBND, 08/6/2020	20,000	10,000	

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

Số: 07/NQ-HĐND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Đắk Lắk, ngày 19 tháng 3 năm 2021

NGHỊ QUYẾT

**Điều chỉnh, bổ sung quyết định chủ trương đầu tư
một số Dự án trên địa bàn tỉnh**

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK KHÓA IX, KỲ HỌP CHUYÊN ĐỀ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 42/2017/NĐ-CP ngày 05 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 68/2019/NĐ-CP ngày 14 tháng 8 năm 2019 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Xét Tờ trình số 25/TTr-UBND ngày 15 tháng 3 năm 2021 về quyết định chủ trương đầu tư và điều chỉnh, bổ sung Quyết định chủ trương đầu tư các Dự án trên địa bàn tỉnh; Báo cáo thẩm tra số 15/BC-HĐND ngày 17 tháng 3 năm 2021 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Điều chỉnh, bổ sung chủ trương đầu tư một số Dự án nhóm B, nhóm C sử dụng vốn ngân sách Trung ương và ngân sách địa phương giai đoạn 2016-2020, bao gồm:

1. Dự án Thủy lợi Ea Gir, xã Ea Sin, huyện Krông Búk.
2. Dự án Ổn định dân di cư tự do thôn Ea Rốt, xã Cư Pui, huyện Krông Bông.

3. Dự án Nâng cấp đoạn đường kết nối đường Trần Quý Cáp (đoạn từ nút giao ngã 3 đường Trần Quý Cáp - đường Mai Thị Lựu đến đường Lê Duẩn).

(Chi tiết tại các Phụ lục kèm theo)

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết, báo cáo kết quả thực hiện tại các Kỳ họp của Hội đồng nhân dân tỉnh.

Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết.

Điều 3. Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk khoá IX, Kỳ họp Chuyên đề thông qua ngày 19 tháng 3 năm 2021 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 19 tháng 3 năm 2021./.

CHỦ TỊCH

Y Biêr Niê

Phụ lục I.1**Dự án Thủy lợi Ea Gir, xã Ea Sin, huyện Krông Búk**

(Kèm theo Nghị quyết số 07/NQ-HĐND ngày 19/3/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk)

I. Nội dung đã được phê duyệt:

1. Tổng mức đầu tư: 14.000.000.000 đồng (Mười bốn tỷ đồng), trong đó:

- Chi phí xây dựng : 9.600.000.000 đồng;
- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng : 1.000.000.000 đồng;
- Chi phí khác : 127.000.000 đồng;
- Chi phí đền bù GPMB : 2.000.000.000 đồng;
- Chi phí dự phòng : 1.273.000.000 đồng.

2. Nguồn vốn đầu tư: Ngân sách tỉnh.

- Giai đoạn 2019-2020: 8.000.000.000 đồng.
- Giai đoạn sau năm 2020: 6.000.000.000 đồng.

II. Nội dung đề nghị điều chỉnh, bổ sung:

1. Điều chỉnh tổng mức đầu tư: 14.800.000.000 đồng (Mười bốn tỷ, tám trăm triệu đồng), trong đó:

- Chi phí xây dựng : 8.010.128.000 đồng;
- Chi phí quản lý dự án : 248.955.000 đồng;
- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng : 992.862.000 đồng;
- Chi phí khác : 806.842.000 đồng;
- Chi phí đền bù GPMB : 4.722.734.000 đồng;
- Chi phí dự phòng : 18.479.000 đồng.

2. Điều chỉnh nguồn vốn đầu tư: Ngân sách tỉnh.

- Giai đoạn 2019-2020: 8.000.000.000 đồng.
- Giai đoạn sau năm 2020: 6.800.000.000 đồng./.

Phụ lục I.2**Dự án Ổn định dân di cư tự do thôn Ea Rốt, xã Cư Pui, huyện Krông Bông**

(Kèm theo Nghị quyết số 07/NQ-HĐND ngày 19/3/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk)

I. Nội dung đã được phê duyệt:**1. Quy mô đầu tư:**

Cầu thôn Ea Lang: Cầu bê tông cốt thép dự ứng lực 03 nhịp x 33,0m. Bề rộng cầu $B_{\text{cầu}}=7,5\text{m}$; $K=6,5\text{m}$.

2. Cơ cấu chi phí trong tổng mức đầu tư được phê duyệt: 156.900.000.000 đồng (*Một trăm năm mươi sáu tỷ, chín trăm triệu đồng chẵn*), trong đó:

- Chi phí công tác chuẩn bị đầu tư	:	10.000.000.000	đồng;
- Chi phí xây dựng	:	111.612.854.000	đồng;
- Chi phí quản lý dự án	:	1.477.244.000	đồng;
- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng	:	7.549.108.000	đồng;
- Chi phí khác	:	3.979.559.000	đồng;
- Chi phí hỗ trợ	:	8.017.599.000	đồng;
- Chi phí dự phòng	:	14.263.636.000	đồng.

II. Nội dung đề nghị điều chỉnh, bổ sung:**1. Điều chỉnh, bổ sung quy mô đầu tư:**

- Cầu thôn Ea Lang: Cầu bê tông cốt thép dự ứng lực 05 nhịp x 33,0m. Bề rộng cầu $B_{\text{cầu}}=8,5\text{m}$; $K=7,5\text{m}$.

- Bổ sung hỗ trợ chi phí theo Quyết định số 1776/QĐ-TTg ngày 21/11/2012 của Thủ tướng Chính phủ và Thông tư số 03/2014/TT-BNNPTNT ngày 25/01/2014 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Khai hoang di dời nhà ở, phát triển sản xuất, đào tạo nghề...).

2. Điều chỉnh cơ cấu chi phí trong tổng mức đầu tư được phê duyệt: 156.900.000.000 đồng (*Một trăm năm mươi sáu tỷ, chín trăm triệu đồng chẵn*), trong đó:

- Chi phí bồi thường, GPMB	:	5.860.905.000	đồng;
- Chi phí xây dựng	:	125.610.106.000	đồng;
- Chi phí thiết bị	:	393.961.000	đồng;
- Chi phí quản lý dự án	:	2.153.938.000	đồng;

-
- | | | | |
|----------------------------------|---|----------------|---------|
| - Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng | : | 8.314.460.000 | đồng; |
| - Chi phí khác | : | 2.125.148.000 | đồng; |
| - Chi phí hỗ trợ | : | 2.210.000.000 | đồng; |
| - Chi phí dự phòng | : | 10.231.482.000 | đồng./. |

Phụ lục I.3**Dự án Nâng cấp đoạn đường kết nối đường Trần Quý Cáp (đoạn từ nút giao ngã 3 đường Trần Quý Cáp -đường Mai Thị Lựu đến đường Lê Duẩn)**

(Kèm theo Nghị quyết số 07/NQ-HĐND ngày 19/3/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk)

I. Nội dung đã được phê duyệt:**1. Quy mô đầu tư chủ yếu:**

- + Chiều dài tuyến đường: 1.635.64 m;
- + Loại công trình: Công trình giao thông (Nhóm C).
- + Cấp công trình: Cấp III.
- + Phân loại đường phố: Đường phố khu vực (Đường phố gom).
- + Cấp kỹ thuật của đường đô thị: Cấp 40.
- + Vận tốc thiết kế: $V_{tk} = 40 \text{ Km/h}$ (Giai đoạn 1).
- + Mặt đường: Xây dựng mặt đường cấp cao chủ yếu loại A1.
- + Mô đun đàn hồi yêu cầu: $E_{yc} > 155 \text{ Mpa}$.
- + Hệ thống thoát nước: Thiết kế hệ thống thoát nước dọc đô thị.
- + Tải trọng thiết kế:

Hạng mục công trình	Tải trọng thiết kế	Ghi chú
Nền, mặt đường	Trục xe 100 kN	Theo 22 TCN 211_06
Cống thoát nước qua đường	HL_93	Theo 22 TCN 272_05
Hệ thống thoát nước dọc (dưới lòng đường)	HL_93	Theo 22 TCN 272_05

- + Nút giao thông cùng mức.

- + Mặt cắt ngang đường: Có các mặt cắt ngang đường kèm theo.

+ Mặt cắt ngang đường Trần Quý Cáp: Căn cứ Công văn số 417/UBND- CN, ngày 27/1/2010 của UBND tỉnh Đắk Lắk về việc chỉ giới đường Mai Thị Lựu, Trần Quý Cáp và nghiên cứu đường vành đai phía Đông thành phố Buôn Ma Thuột ($B_{xd} = 30\text{m} = 6\text{m}$ Vĩa hè x 2 bên + 18m Mặt đường).

+ Mặt cắt ngang đường Y Nuê: Căn cứ Quyết định số 06/2010/QĐ-UBND ngày 08/02/2010 của UBND tỉnh Đắk Lắk, về việc Ban hành quy định chỉ giới đường đỏ, kích thước mặt cắt ngang quy hoạch một số tuyến đường giao thông đô thị tại thành phố Buôn Ma Thuột; ($B_{xd} = 18\text{m} = 3.75\text{m}$ Vĩa hè x 2 bên ± 10.5m Mặt đường).

- Do tính chất về nguồn kinh phí có hạn và để giảm thiểu khối lượng đền bù, giải phóng mặt bằng, nên lựa chọn quy mô đầu tư xây dựng giai đoạn 1 này như sau:

TT	Chỉ mục	ĐVT	Kích thước
1	- Chiều rộng nền đường $B_{nền}$	m	11
2	- Chiều rộng mặt đường $B_{mặt}$	m	10.5
3	- Vĩa hè B_{vh} (đầu tư giai đoạn sau)	m	Không xây dựng

+ Kết cấu mặt đường gồm 02 loại: Bê tông nhựa và bê tông xi măng.

+ Công trình thoát nước: Xây dựng hệ thống thoát nước dọc khép kín bằng bê tông và bê tông cốt thép; Tải trọng thiết kế HL₉₃.

* Đối với đoạn tuyến từ Km3+942.33 - Km5+077.20: Chưa có hệ thống thoát nước mưa, xây dựng mới hệ thống thoát nước.

* Đối với đoạn tuyến từ Km5+077.20 - Km5+189.93 ($L_d = 112.73$ m): Thuộc phạm vi đường hai đầu cầu và phạm vi Cầu Y Nuê đã được thi công xong (các hạng mục đường hai đầu Cầu Y Nuê như nền móng, mặt đường BTN rộng 10.5 m, hệ thống thoát nước đã hoàn thiện - phạm vi này không thiết kế).

Đối với đoạn tuyến từ Km5+189.93 - Km5+577.97: Chưa có hệ thống thoát nước mưa, xây dựng mới hệ thống thoát nước.

+ Hệ thống công thoát nước mưa khẩu độ thoát nước: Ø60, Ø80, Ø100 & Ø120cm; được thiết kế với quy mô vĩnh cửu.

+ Hệ thống báo hiệu đường bộ và an toàn giao thông: Tổ chức giao thông bằng vạch sơn, biển báo hiệu đường bộ theo QCVN 41:2016/BGTVT.

+ Bổ sung hạng mục trồng hoa, cây cảnh, cỏ thảm trên dải phân cách: Đoạn lý trình (đã được thi công) từ Km0+00 -:- Km3+942.33 ($\sum L_d = 3942.33$ m).

2. Tổng mức đầu tư dự án: 47.968.869.000 đồng (Bốn mươi bảy tỷ, chín trăm sáu mươi tám triệu, tám trăm sáu mươi chín ngàn đồng).

3. Địa điểm thực hiện dự án: Phường Tự An và phường Ea Tam, thành phố Buôn Ma Thuột.

II. Nội dung đề nghị điều chỉnh, bổ sung:

1. Điều chỉnh, bổ sung quy mô đầu tư:

* Bổ sung thêm đoạn tuyến kết nối từ Cầu Y Nuê đến đường Mai Thị Lựu (thuộc đường Y Nuê) gồm: Nền móng, mặt đường, công trình thoát nước, hệ thống an toàn giao thông và bổ sung thêm hạng mục cấp nước tưới cây cảnh, cỏ thảm trên dải phân cách đoạn đường Trần Quý Cáp đã thi công.

- Tổng chiều dài tuyến là $L = 464,99$ m.

- Hình thức xây dựng: Nâng cấp, mở rộng.

- Cấp hạng kỹ thuật:

- + Loại, cấp công trình : Công trình giao thông đô thị, cấp III.
- + Phân loại đường : Đường phố khu vực (Đường phố gom);
- + Cấp kỹ thuật của đường đô thị: Cấp 40.
- + Vận tốc thiết kế : $V_{tk}=40\text{km/h}$ (Giai đoạn 1).
- + Loại mặt đường : Cấp cao A1 (mặt đường bê tông xi măng).

(-) Mặt cắt ngang đường Y Nuê:

Chỉ giới xây dựng (m)	Mặt cắt quy hoạch đường Y Nuê (m)		
	Via hè (bên trái)	Mặt đường	Via hè (bên phải)
18	5,0	8,0	5,0

* Quy mô đầu tư Giai đoạn 1: Căn cứ hiện trạng công trình và do tính chất về nguồn kinh phí có hạn, để giảm thiểu khối lượng đền bù, giải phóng mặt bằng, nên lựa chọn quy mô đầu tư xây dựng đoạn từ cầu Y Nuê đến đường Mai Thị Lựu (Đường Y Nuê; từ lý trình Km0+00 - Km0+464,99) trong giai đoạn này như sau:

- Đoạn từ cầu Y Nuê đến đường Mai Thị Lựu (Đường Y Nuê; từ lý trình Km0+00 :- Km0+464,99; $L_d=464,99\text{m}$);

- Bề rộng nền đường: $B_{nền} = 8,5\text{m}$.

- Bề rộng mặt đường: $B_{mặt} = 8,0\text{m}$, trong đó: Phần mặt bê tông nhựa $B_{mặt BTN} = 7,5\text{m}$, phần gờ bó vỉa bê tông 2 bên $0,25\text{m} \times 2\text{bên} = 0,5\text{m}$.

- Vía hè: Không xây dựng (Đầu tư giai đoạn sau).

- Công trình thoát nước.

- Hệ thống báo hiệu đường bộ và an toàn giao thông.

- Bổ sung hạng mục cấp nước tưới cây cảnh, cỏ thảm trên dải phân cách đoạn đường Trần Quý Cáp, lý trình (đã được thi công) từ Km0+00 - Km3+942.33 ($\sum L_d = 3942,33\text{ m}$).

2. Điều chỉnh tổng mức đầu tư: 51.808.129.000 đồng (Năm mươi một tỷ, tám trăm lẻ tám triệu, một trăm hai mươi chín nghìn đồng), tăng 3.839.260.000 đồng so với tổng mức đầu tư đã được phê duyệt.

3. Điều chỉnh, bổ sung địa điểm thực hiện dự án:

Bổ sung chiều dài tuyến là $L = 464,99\text{m}$, có vị trí điểm đầu và cuối như sau:

+ Điểm đầu: Tại lý trình Km0+00 (trùng với Đ8 tại lý trình Km5+078.95) của dự án (Nút giao Ngã ba đường Trần Quý Cáp – Y Nuê), thuộc phường Ea Tam, thành phố Buôn Ma Thuột.

+ Điểm cuối: Km0+464.99 (CT) giao với đường Mai Thị Lựu, thuộc phường Tự An, thành phố Buôn Ma Thuột./.

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 08/NQ-HĐND

Đắk Lắk, ngày 19 tháng 3 năm 2021

NGHỊ QUYẾT

Quyết định chủ trương đầu tư các Dự án trên địa bàn tỉnh

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK
KHÓA IX, KỲ HỌP CHUYÊN ĐỀ**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 42/2017/NĐ-CP ngày 05 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 68/2019/NĐ-CP ngày 14 tháng 8 năm 2019 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Xét Tờ trình số 25/TTr-UBND ngày 15 tháng 3 năm 2021 về quyết định chủ trương đầu tư và điều chỉnh, bổ sung Quyết định chủ trương đầu tư các Dự án trên địa bàn tỉnh; Báo cáo thẩm tra số 15/BC-HĐND ngày 17 tháng 3 năm 2021 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Quyết định chủ trương đầu tư các Dự án trên địa bàn tỉnh, gồm:

I. Quyết định chủ trương đầu tư các Dự án nhóm B, nhóm C sử dụng vốn ngân sách Trung ương và ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025, bao gồm:

1. Dự án Đường giao thông trực chính vào Khu công nghiệp Hòa Phú.
2. Dự án Cải tạo, nâng cấp Tỉnh lộ 9, đoạn Km0+00 - Km20+300.
3. Dự án Cải tạo, nâng cấp Tỉnh lộ 13, đoạn Km6+840 - Km25+00.

4. Dự án Nâng cấp, mở rộng Tỉnh lộ 2 đoạn Km6+431 - Km22+550.
5. Dự án Cải tạo, nâng cấp Tỉnh lộ 12, đoạn Km15+500 - Km31+00.
6. Dự án Nâng cấp Khoa Ung bướu thành Trung tâm Ung bướu thuộc Bệnh viện Đa khoa vùng Tây Nguyên.
7. Dự án Bệnh viện Đa khoa thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk.
8. Dự án Trường THPT Dân tộc nội trú Đam San (giai đoạn 2).
9. Dự án Các trục đường khu Trung tâm hành chính (D6 và N16), huyện Krông Búk.
10. Dự án Đường liên huyện Ea H'leo - Krông Năng (Đoạn từ xã Dliê Yang, xã Ea Hiao, huyện Ea H'leo đi xã Ea Tân huyện Krông Năng).
11. Dự án Cầu Hàm Long, xã Xuân Phú, huyện Ea Kar.
12. Dự án Công trình cấp nước liên xã Ea Đar - thị trấn Ea Knốp, huyện Ea Kar.
13. Dự án Đường giao thông từ Quốc lộ 26 đi xã Ea Ô, huyện Ea Kar kết nối trung tâm xã Vụ Bôn, huyện Krông Pắc.
14. Dự án Đường vào khu giãn dân, tái định cư (Buôn Ea Chôr, Buôn Kiêu, Buôn Hằng Năm), xã Yang Mao, huyện Krông Bông.
15. Dự án Hệ thống trạm bơm và công trình thủy lợi Dur Kmăl, xã Dur Kmăl, huyện Krông Ana.
16. Dự án Nâng cấp, mở rộng đường giao thông vào khu du lịch cụm thác Dray Sáp Thượng và Dray Nur, xã Dray Sáp, huyện Krông Ana.
17. Dự án Đường giao thông phía Tây Quốc lộ 14 (đoạn từ Quốc lộ 14 thuộc phường Đát Hiếu đến suối A Jun, phường Thống Nhất), thị xã Buôn Hồ - giai đoạn 1.
18. Dự án Đường giao thông từ xã Bình Thuận, thị xã Buôn Hồ đi Km111+950 Quốc lộ 26, xã Ea Phê, huyện Krông Pắc.
19. Dự án Hệ thống điện chiếu sáng công cộng các tuyến đường thị xã Buôn Hồ.
20. Dự án Đường giao thông trục chính vào khu du lịch sinh thái Buôn Đôn, xã Krông Na.
21. Dự án Xây dựng cơ sở hạ tầng khu vực trung tâm điểm du lịch hồ Lắk.
22. Dự án Hệ thống cấp nước cho thị trấn Liên Sơn và các xã Đắk Liêng, xã Đắk Nuê, huyện Lắk.
23. Dự án Nâng cấp vỉa hè, hệ thống điện bờ hồ và Trung tâm huyện phục vụ du lịch hồ Lắk.
24. Dự án Đường ven hồ Lắk đoạn quanh điểm du lịch buôn Jun, thị trấn Liên Sơn, huyện Lắk.

25. Dự án Hệ thống cấp nước liên xã Cư Króa, xã Cư M'ta, xã Krông Jing và thị trấn M'Drắk, huyện M'Drắk.

26. Dự án Đường giao thông nông thôn liên xã từ buôn Kram, xã Ea Tiêu đến thôn Cao Thắng xã Ea Kao.

27. Dự án Hồ chứa nước Ea Khít, xã Ea Bhók, huyện Cư Kuin.

28. Dự án Đường giao thông liên huyện Krông Năng đi Ea H'leo.

29. Dự án Đường giao thông từ Ea Hồ đi Tam Giang, huyện Krông Năng.

30. Dự án Đường giao thông nối từ ngã ba Quảng Đại, xã Ea Rók đi Quốc lộ 14C, huyện Ea Súp.

31. Dự án Đường giao thông từ Trung tâm xã Ia Jloi đi Làng Thanh niên lập nghiệp xã Ia Lốp, huyện Ea Súp (từ Km 9+00 - Km11+50).

32. Dự án Cải tạo, nâng cấp đường giao thông liên huyện Cư M'gar - Ea Súp.

33. Dự án Đường giao thông liên huyện Cư M'gar - thị xã Buôn Hồ *(Chỉ được triển khai bước lập Báo cáo nghiên cứu khả thi khi được Bộ Giao thông vận tải có văn bản thống nhất cho phép đầu nối vào đường quy hoạch theo quy định).*

34. Dự án Đường giao thông liên huyện Cư M'gar - huyện Ea H'leo (đoạn từ xã Ea K'pam đi xã Ea Kuếh, huyện Cư M'gar).

35. Dự án Nâng cấp đường cơ động vào biên giới, các Đồn Biên phòng 735, 737 thuộc Bộ Chỉ huy Bộ đội biên phòng tỉnh Đắk Lắk.

36. Dự án Đường từ xã Krông Ana - khu vực Đồn Biên phòng 749 ra biên giới, huyện Buôn Đôn.

37. Dự án Xây dựng hệ thống tường rào bảo vệ Kho Vũ khí - Dạn, thuộc Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Đắk Lắk.

38. Dự án Hệ thống kênh và công trình trên kênh có F tưới < 150 ha (địa bàn tỉnh Đắk Lắk) thuộc dự án Công trình thủy lợi Hồ chứa nước Ia Mor - giai đoạn 2.

39. Dự án Đường Tôn Đức Thắng (đoạn từ đường Nguyễn Đình Chiểu đến đường Trần Khánh Dư và đoạn từ đường Phan Trọng Tuệ đến đường Lê Quý Đôn), thành phố Buôn Ma Thuột.

40. Dự án Đường Nguyễn Tri Phương nối dài đến đường vành đai phía Tây, thành phố Buôn Ma Thuột.

41. Dự án Đường Nguyễn Đình Chiểu nối dài, thành phố Buôn Ma Thuột.

42. Dự án Trục đường số 14 thuộc quy hoạch phân khu 1/2000 khu đô thị mới Đồi Thủy Văn (đoạn từ cuối đường Ama Khê đến đường Đông Tây), thành phố Buôn Ma Thuột.

43. Dự án Cải tạo, nâng cấp đường Trần Phú, thành phố Buôn Ma Thuột (đoạn nối dài).

44. Dự án Cải tạo, nâng cấp Hệ thống điện chiếu sáng công cộng tại một số tuyến trạm trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột.

45. Dự án Xây dựng hạ tầng chuyên đổi số tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2021-2025 và định hướng đến năm 2030.

II. Quyết định chủ trương đầu tư các Dự án tạo nguồn thu ngân sách từ quỹ đất của tỉnh, bao gồm:

1. Hạ tầng kỹ thuật Khu đất đường Thủ Khoa Huân, thành phố Buôn Ma Thuột (phía Tây).

2. Hạ tầng kỹ thuật Khu đất đường Thủ Khoa Huân, thành phố Buôn Ma Thuột (phía Đông).

3. Hạ tầng kỹ thuật Khu ở mới thuộc thị trấn Ea Pôk, huyện Cư M'gar, tỉnh Đắk Lắk (giai đoạn 3).

(Chi tiết tại các Phụ lục kèm theo)

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết, báo cáo kết quả thực hiện tại các Kỳ họp của Hội đồng nhân dân tỉnh.

Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết.

Điều 3. Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk khoá IX, Kỳ họp Chuyên đề thông qua ngày 19 tháng 3 năm 2021 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 19 tháng 3 năm 2021./.

CHỦ TỊCH

Y Biêr Niê

Phụ lục I**Quyết định chủ trương đầu tư các Dự án nhóm B, nhóm C sử dụng vốn ngân sách Trung ương và ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025**

(Kèm theo Nghị quyết số 08/NQ-HĐND ngày 19/3/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk)

STT	Tên dự án	Dự kiến tổng mức đầu tư (đồng)	Ghi chú	Số báo cáo thẩm định
1	Đường giao thông trục chính vào Khu công nghiệp Hòa Phú	70,000,000,000	Chi tiết tại Phụ lục I.1	
2	Cải tạo, nâng cấp Tỉnh lộ 9, đoạn Km0+00 - Km20+300	190,000,000,000	Chi tiết tại Phụ lục I.2	
3	Cải tạo, nâng cấp Tỉnh lộ 13, đoạn Km6+840 - Km25+00	225,000,000,000	Chi tiết tại Phụ lục I.3	
4	Nâng cấp, mở rộng Tỉnh lộ 2 đoạn Km6+431 - Km22+550	320,000,000,000	Chi tiết tại Phụ lục I.4	
5	Cải tạo, nâng cấp Tỉnh lộ 12, đoạn Km15+500 - Km31+00	100,000,000,000	Chi tiết tại Phụ lục I.5	
6	Nâng cấp Khoa Ung bướu thành Trung tâm Ung bướu thuộc Bệnh viện Đa khoa vùng Tây Nguyên	630,292,000,000	Chi tiết tại Phụ lục I.6	
7	Bệnh viện Đa khoa thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk	503,400,000,000	Chi tiết tại Phụ lục I.7	
8	Trường THPT Dân tộc nội trú Đam San (giai đoạn 2)	104,000,000,000	Chi tiết tại Phụ lục I.8	
9	Các trục đường khu trung tâm hành chính (D6 và N16), huyện Krông Búk	46,000,000,000	Chi tiết tại Phụ lục I.9	
10	Đường liên huyện Ea H'leo - Krông Năng (Đoạn từ xã Dliê Yang, xã Ea Hiao, huyện Ea H'leo đi xã Ea Tân huyện Krông Năng)	75,000,000,000	Chi tiết tại Phụ lục I.10	
11	Cầu Hàm Long, xã Xuân Phú, huyện Ea Kar	29,950,000,000	Chi tiết tại Phụ lục I.11	
12	Công trình cấp nước liên xã Ea Đar - thị trấn Ea Knốp, huyện Ea Kar	90,000,000,000	Chi tiết tại Phụ lục I.12	

STT	Tên dự án	Dự kiến tổng mức đầu tư (đồng)	Ghi chú	Số báo cáo thẩm định
13	Đường giao thông từ Quốc lộ 26 đi xã Ea Ô, huyện Ea Kar kết nối trung tâm xã Vụ Bản, huyện Krông Pắc	200,000,000,000	Chi tiết tại Phụ lục I.13	
14	Đường vào khu giãn dân, tái định cư (Buôn Ea Chôr, Buôn Kiều, Buôn Hằng Năm), xã Yang Mao, huyện Krông Bông	29,900,000,000	Chi tiết tại Phụ lục I.14	
15	Hệ thống trạm bơm và công trình thủy lợi Dur Kmăl, xã Dur Kmăl, huyện Krông Ana	164,000,000,000	Chi tiết tại Phụ lục I.15	
16	Nâng cấp, mở rộng đường giao thông vào khu du lịch cụm thác Dray Sáp Thượng và Dray Nur, xã Dray Sáp, huyện Krông Ana	100,000,000,000	Chi tiết tại Phụ lục I.16	
17	Đường giao thông phía Tây Quốc lộ 14 (đoạn từ Quốc lộ 14 thuộc phường Đạt Hiếu đến suối A Jun, phường Thống Nhất), thị xã Buôn Hồ - giai đoạn 1	78,000,000,000	Chi tiết tại Phụ lục I.17	
18	Đường giao thông từ xã Bình Thuận, thị xã Buôn Hồ đi Km111+950 Quốc lộ 26, xã Ea Phê, huyện Krông Pắc	79,000,000,000	Chi tiết tại Phụ lục I.18	
19	Hệ thống điện chiếu sáng công cộng các tuyến đường thị xã Buôn Hồ	29,623,537,000	Chi tiết tại Phụ lục I.19	
20	Đường giao thông trục chính vào khu du lịch sinh thái Buôn Đôn, xã Krông Na	25,000,000,000	Chi tiết tại Phụ lục I.20	
21	Xây dựng cơ sở hạ tầng khu vực trung tâm điểm du lịch hồ Lắk	130,071,000,000	Chi tiết tại Phụ lục I.21	
22	Hệ thống cấp nước cho thị trấn Liên Sơn và các xã Đăk Liêng, xã Đăk Nuê, huyện Lắk	90,000,000,000	Chi tiết tại Phụ lục I.22	
23	Nâng cấp vỉa hè, hệ thống điện bờ hồ và trung tâm huyện phục vụ du lịch hồ Lắk	29,850,000,000	Chi tiết tại Phụ lục I.23	
24	Đường ven hồ Lắk đoạn quanh điểm du lịch buôn Jun, thị trấn Liên Sơn, huyện Lắk	29,993,000,000	Chi tiết tại Phụ lục I.24	
25	Hệ thống cấp nước liên xã Cư Króa, xã Cư M'ta, xã Krông Jing và thị trấn M'Drăk, huyện M'Drăk	90,000,000,000	Chi tiết tại Phụ lục I.25	

STT	Tên dự án	Dự kiến tổng mức đầu tư (đồng)	Ghi chú	Số báo cáo thẩm định
26	Đường giao thông nông thôn liên xã từ buôn Kram, xã Ea Tiêu đến thôn Cao Thắng xã Ea Kao	21,000,000,000	Chi tiết tại Phụ lục I.26	
27	Hồ chứa nước Ea Khít, xã Ea Bhók, huyện Cư Kuin	100,000,000,000	Chi tiết tại Phụ lục I.27	
28	Đường giao thông liên huyện Krông Năng đi Ea H'leo	150,000,000,000	Chi tiết tại Phụ lục I.28	
29	Đường giao thông từ Ea Hồ đi Tam Giang, huyện Krông Năng	140,000,000,000	Chi tiết tại Phụ lục I.29	
30	Đường giao thông nối từ ngã ba Quảng Đại, xã Ea Rók đi Quốc lộ 14C, huyện Ea Súp	100,000,000,000	Chi tiết tại Phụ lục I.30	
31	Đường giao thông từ trung tâm xã Ia Jloi đi Làng Thanh niên lập nghiệp xã Ia Lốp, huyện Ea Súp (từ Km 9+00-Km11+050)	29,000,000,000	Chi tiết tại Phụ lục I.31	
32	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông liên huyện Cư M'gar - Ea Súp	190,000,000,000	Chi tiết tại Phụ lục I.32	
33	Đường giao thông liên huyện Cư M'gar - thị xã Buôn Hồ	70,000,000,000	Chi tiết tại Phụ lục I.33	
34	Đường giao thông liên huyện Cư M'gar - huyện Ea H'leo (đoạn từ xã Ea K'pam đi xã Ea Kuếch, huyện Cư M'gar)	140,000,000,000	Chi tiết tại Phụ lục I.34	
35	Nâng cấp đường cơ động vào biên giới, các Đồn Biên phòng 735, 737 thuộc Bộ Chỉ huy Bộ đội biên phòng tỉnh Đắk Lắk	60,000,000,000	Chi tiết tại Phụ lục I.35	
36	Đường từ xã Krông Ana - khu vực Đồn Biên phòng 749 ra biên giới, huyện Buôn Đôn	81,000,000,000	Chi tiết tại Phụ lục I.36	
37	Xây dựng hệ thống tường rào bảo vệ Kho Vũ khí - Dạn, thuộc Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Đắk Lắk	10,000,000,000	Chi tiết tại Phụ lục I.37	
38	Hệ thống kênh và công trình trên kênh có F tưới < 150 ha (địa bàn tỉnh Đắk Lắk) thuộc dự án Công trình thủy lợi Hồ chứa nước Ia Mờ - giai đoạn 2	114,000,000,000	Chi tiết tại Phụ lục I.38	

STT	Tên dự án	Dự kiến tổng mức đầu tư (đồng)	Ghi chú	Số báo cáo thẩm định
39	Đường Tôn Đức Thắng (đoạn từ đường Nguyễn Đình Chiểu đến đường Trần Khánh Dư và đoạn từ đường Phan Trọng Tuệ đến đường Lê Quý Đôn), thành phố Buôn Ma Thuột	565,000,000,000	Chi tiết tại Phụ lục I.39	
40	Đường Nguyễn Tri Phương nối dài đến đường vành đai phía Tây, thành phố Buôn Ma Thuột	110,000,000,000	Chi tiết tại Phụ lục I.40	
41	Đường Nguyễn Đình Chiểu nối dài, thành phố Buôn Ma Thuột	280,767,000,000	Chi tiết tại Phụ lục I.41	
42	Trục đường số 14 thuộc quy hoạch phân khu 1/2000 khu đô thị mới Đồi Thủy Văn (đoạn từ cuối đường Ama Khê đến đường Đông Tây), thành phố Buôn Ma Thuột	180,000,000,000	Chi tiết tại Phụ lục I.42	
43	Cải tạo, nâng cấp đường Trần Phú, thành phố Buôn Ma Thuột (đoạn nối dài)	37,000,000,000	Chi tiết tại Phụ lục I.43	
44	Cải tạo, nâng cấp Hệ thống điện chiếu sáng công cộng tại một số tuyến trạm trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột	20,000,000,000	Chi tiết tại Phụ lục I.44	
45	Xây dựng hạ tầng chuyển đổi số tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2021-2025 và định hướng đến năm 2030	330,000,000,000	Chi tiết tại Phụ lục I.45	

Phụ lục I.1**Dự án Đường giao thông trực chính vào Khu công nghiệp Hòa Phú**

(Kèm theo Nghị quyết số 08/NQ-HĐND ngày 19/3/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk)

1. Mục tiêu đầu tư:

- Giải quyết được vấn đề về giao thông hiện nay trong khu công nghiệp và khu vực thủy điện Buôn Kốp.

- Tạo điều kiện, tạo hấp dẫn cho các dự án phát triển hạ tầng kỹ thuật, kinh tế xã hội khác, thu hút các nhà đầu tư vào khu công nghiệp.

- Từng bước hình thành khu đô thị dịch vụ mới hiện đại - đô thị xanh, văn minh.

2. Nội dung và quy mô đầu tư:

- Cấp thiết kế: Công trình cấp III.

- Tổng chiều dài tuyến: $L = 2,163\text{km}$.

- Đoạn $\text{Km}0+0 \div \text{Km}0+750$:

+ Bề rộng mặt đường: $B_m = 7,5 \times 2 = 15\text{m}$.

+ Bề rộng dải phân cách: 8m.

+ Bề rộng vỉa hè: 0m.

- Đoạn $\text{Km}0+750 \div \text{Km}2+163$:

+ Bề rộng mặt đường: $B_m = 5,5\text{m}$.

+ Bề rộng vỉa hè: $1 \times 2 = 2\text{m}$

- Kết cấu mặt đường:

+ Đoạn $\text{Km}0+0 \div \text{Km}0+750$: Mặt đường bê tông xi măng.

+ Đoạn $\text{Km}0+750 \div \text{Km}2+163$: Mặt đường bê tông nhựa nóng.

- Hệ thống thoát nước: Đoạn từ $\text{Km}0+0 \div \text{Km}0+750$ công trình được thiết kế hoàn chỉnh thoát nước theo quy mô đường đô thị; Đoạn $\text{Km}0+750 \div \text{Km}2+163$ thiết kế thoát nước theo địa hình.

- Hệ thống an toàn giao thông.

3. Dự án nhóm: Nhóm C

4. Tổng mức đầu tư dự án: 70.000.000.000 đồng (Bảy mươi tỷ đồng).

5. Nguồn vốn đầu tư: Ngân sách tỉnh

6. Khả năng cân đối vốn: Không quá 03 (ba) năm kể từ năm bố trí vốn để khởi công.

7. Thời gian thực hiện dự án: Khởi công trong giai đoạn 2021-2025.

8. Địa điểm thực hiện dự án: Xã Hòa Phú, thành phố Buôn Ma Thuột./.

Phụ lục I.2

Dự án Cải tạo, nâng cấp Tỉnh lộ 9, đoạn Km0+00 - Km20+300

(Kèm theo Nghị quyết số 08/NQ-HĐND ngày 19/3/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk)

1. Mục tiêu đầu tư:

- Từng bước xây dựng hoàn chỉnh hệ thống đường giao thông theo quy hoạch chung của huyện cũng như của tỉnh.
- Đáp ứng nhu cầu về giao thông trong khu vực, phục vụ tốt việc đi lại và giao lưu của nhân dân trong vùng cũng như nhân dân 02 huyện.
- Nhằm đầu tư hoàn chỉnh Tỉnh lộ 9, phát triển đồng bộ hệ thống hạ tầng giao thông, đáp ứng nhu cầu vận tải ở từng thời kỳ, góp phần phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh trong khu vực.

2. Nội dung và quy mô đầu tư:

- Tổng chiều dài tuyến khoảng: $L = 20,3 \text{ km}$.
- Cấp công trình: Cấp III.
- Đoạn: Km0+00 - Km1+450 (đoạn qua trung tâm thị trấn Phước An, $L=1.450\text{m}$ (giai đoạn 1)); đoạn Km6+200 - Km7+200 (thuộc địa phận trung tâm xã Tân Tiến, $L=1.000\text{m}$), đoạn Km14+300 - Km15+300 (thuộc địa phận trung tâm xã Dang Kang, $L=1.000\text{m}$); đoạn Km18+300 - Km19+300 (thuộc trung tâm xã Cư Kty, $L=1.000\text{m}$): Thiết kế theo quy mô đường cấp III miền núi.
 - + Bề rộng nền đường: $B_n = 9\text{m}$;
 - + Bề rộng mặt đường: $B_m = 6\text{m}$;
 - + Bề rộng lề đường: $B_l = 1,5\text{m} \times 2\text{bên}$, trong đó: Bề rộng lề gia cố: $B_{lgc} = 1\text{m} \times 2\text{bên}$, kết cấu lề gia cố giống kết cấu mặt đường; lề không gia cố: $B_{lkgc} = 0,5\text{m} \times 2\text{bên}$, gia cố bằng đất cấp 3.
- Các đoạn còn lại: Thiết kế theo tiêu chuẩn đường cấp IV miền núi.
 - + Bề rộng nền đường: $B_n = 7,5 \text{ m},;$
 - + Bề rộng mặt đường: $B_m = 5,5\text{m}$;
 - + Bề rộng lề đường: $B_l = 1,0\text{m} \times 2 \text{ bên}$, gia cố bằng đất cấp 3.
- Kết cấu mặt đường cho toàn tuyến: Kết cấu áo đường cấp cao A1 (BTN và BTXM), mô đun đàn hồi yêu cầu tối thiểu $E_{yc} \geq 133 \text{ Mpa}$ (đối với mặt đường BTN).
- Nút giao: Trên toàn tuyến thiết kế nút giao thông thường cùng mức.
- Cầu: Hệ thống cầu trên tuyến còn tốt nên giữ nguyên.
- Công trình thoát nước.
- Hệ thống an toàn giao thông theo quy định.

3. Nhóm dự án: Nhóm B.

4. Tổng mức đầu tư dự án: 190.000.000.000 đồng (*Một trăm chín mươi tỷ đồng*).

5. Nguồn vốn đầu tư:

- Ngân sách Trung ương: 184.000.000.000 đồng.

- Ngân sách tỉnh: 6.000.000.000 đồng.

6. Khả năng cân đối vốn: Không quá 04 (bốn) năm kể từ năm bố trí vốn để khởi công.

7. Thời gian thực hiện dự án: Khởi công trong giai đoạn 2021-2025.

8. Địa điểm thực hiện dự án: Huyện Krông Pắc và huyện Krông Bông, tỉnh Đắk Lắk./.

Phụ lục I.3**Dự án Cải tạo, nâng cấp Tỉnh lộ 13 đoạn Km6+840 - Km25+00**

(Kèm theo Nghị quyết số 08/NQ-HĐND ngày 19/3/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk)

1. Mục tiêu đầu tư:

- Từng bước xây dựng hoàn chỉnh hệ thống đường giao thông theo quy hoạch chung của huyện cũng như của tỉnh.
- Đáp ứng nhu cầu về giao thông trong khu vực, phục vụ tốt việc đi lại và giao lưu của nhân dân trong vùng cũng như nhân dân trên địa bàn huyện.
- Nhằm đầu tư đồng bộ hoàn chỉnh Tỉnh lộ 13, phát triển đồng bộ hệ thống hạ tầng giao thông, đáp ứng nhu cầu vận tải ở từng thời kỳ, góp phần phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh trong khu vực.

2. Nội dung và quy mô đầu tư:

- Cấp công trình: Cấp III.
- Tốc độ thiết kế: $V_{tk} = 40\text{km/h}$.
- Thiết kế theo tiêu chuẩn: Đường cấp IV miền núi:
 - + Bề rộng nền đường: $B_n = 7,5\text{m}$;
 - + Bề rộng mặt đường: $B_m = 5,5\text{m}$;
 - + Bề rộng lề đường: $B_l = 1,0\text{m} \times 2\text{bên}$.
- Kết cấu áo đường cấp cao A1 (bê tông nhựa và bê tông xi măng), mô đun đàn hồi yêu cầu tối thiểu $E_{yc} \geq 133\text{Mpa}$ (đối với mặt đường bê tông nhựa).
- Nút giao: Trên toàn tuyến thiết kế nút giao thông thường cùng mức.
- Công trình thoát nước: Vĩnh cửu, bằng bê tông cốt thép, bê tông cốt thép dự ứng lực; khổ cầu $K=9\text{m}$; tải trọng thiết kế cầu, cống: HL93; tần suất thiết kế $P=4\%$ (đối với cống, cầu nhỏ); $P=1\%$ (đối với cầu trung).
- Hệ thống an toàn giao thông theo quy định.

3. Nhóm dự án: Nhóm B.

4. Tổng mức đầu tư dự án: 225.000.000.000 đồng (Hai trăm hai mươi lăm tỷ đồng).

5. Nguồn vốn đầu tư:

- Ngân sách Trung ương: 217.000.000.000 đồng.
- Ngân sách tỉnh: 8.000.000.000 đồng.

6. Khả năng cân đối vốn: Không quá 04 (bốn) năm kể từ năm bố trí vốn để khởi công.

7. Thời gian thực hiện dự án: Khởi công trong giai đoạn 2021-2025.

8. Địa điểm thực hiện dự án: Đoạn tuyến đầu tư đi qua địa phận 03 xã, gồm: Krông Jing, Ea Lai, Cư Prao thuộc huyện M'Drắk, tỉnh Đắk Lắk./.

Phụ lục I.4**Dự án Nâng cấp, mở rộng Tỉnh lộ 2 đoạn Km6+431 - Km22+550**

(Kèm theo Nghị quyết số 08/NQ-HĐND ngày 19/3/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk)

1. Mục tiêu đầu tư:

- Đầu tư xây dựng công trình nhằm đáp ứng nhu cầu vận tải, phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của huyện Krông Ana nói riêng và cả tỉnh Đắk Lắk nói chung, từng bước thực hiện Quy hoạch phát triển giao thông vận tải tỉnh Đắk Lắk đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030; đồng thời, giảm tai nạn giao thông và giảm ô nhiễm môi trường trong địa bàn huyện Krông Ana.

- Đáp ứng nhu cầu vận chuyển hàng hóa và giao lưu văn hoá của nhân dân trong vùng. Góp phần đảm bảo an ninh quốc phòng trong địa bàn huyện Krông Ana và các khu vực lân cận.

- Góp phần thực hiện hoàn thành mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng - an ninh.

2. Nội dung và quy mô đầu tư:

- Tổng chiều dài tuyến khoảng: $L = 16,12 \text{ km}$.

- Cấp công trình: Cấp III.

- Mặt cắt ngang đối với đoạn Km6+431 - Km20+080, quy mô đường cấp III - miền núi ($V_{tk}=60\text{Km/h}$):

+ Bề rộng nền đường: $B_{nền} = 9\text{m}$;

+ Bề rộng mặt đường: $B_{mặt} = 6\text{m}$;

+ Bề rộng lề đường: $B_{lề} = 1,5\text{m} \times 2\text{bên} = 3\text{m}$;

+ Bề rộng gia cố: $B_{giacố} = 1\text{m} \times 2\text{bên} = 2\text{m}$.

- Mặt cắt ngang đối với đoạn Km20+080 - Km22+550, quy mô đường đô thị cấp 50 ($V_{tk}=50\text{Km/h}$):

+ Chỉ giới xây dựng: $B = 26\text{m}$;

+ Bề rộng mặt đường: $B_{mặt} = 14\text{m}$;

+ Vĩa hè: $B_{viahè} = 6\text{m} \times 2 \text{ bên}$.

- Kết cấu mặt đường cấp cao A1 (bê tông nhựa và bê tông xi măng), có mô đun đàn hồi tối thiểu $E_{yc} \geq 147\text{Mpa}$ đối với đoạn Km6+431-Km20+080 và có mô đun đàn hồi tối thiểu $E_{yc} \geq 155\text{Mpa}$ đối với đoạn nội thị trấn Buôn Trấp (Km20+080 - Km22+550).

- Công trình thoát nước: Tải trọng thiết kế cầu, cống: HL93; tần suất thiết kế $P=4\%$ (đối với cống, cầu nhỏ); $P=1\%$ (đối với cầu trung).

- Nút giao thông và đường giao dân sinh.

- Công trình phòng hộ và an toàn giao thông theo quy định.

3. Nhóm dự án: Nhóm B.

4. Tổng mức đầu tư dự án: 320.000.000.000 đồng (*Ba trăm hai mươi tỷ đồng*).

5. Nguồn vốn đầu tư:

- Ngân sách Trung ương: 310.000.000.000 đồng.

- Ngân sách tỉnh: 10.000.000.000 đồng.

6. Khả năng cân đối vốn: Không quá 04 (bốn) năm kể từ năm bố trí vốn để khởi công.

7. Thời gian thực hiện dự án: Khởi công trong giai đoạn 2021-2025.

8. Địa điểm thực hiện dự án: Thuộc địa phận huyện Krông Ana, tỉnh Đắk Lắk./.

Phụ lục I.5**Dự án Cải tạo, nâng cấp Tỉnh lộ 12 đoạn Km15+500 - Km31+00**

(Kèm theo Nghị quyết số 08/NQ-HĐND ngày 19/3/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk)

1. Mục tiêu đầu tư:

- Từng bước xây dựng hoàn chỉnh hệ thống đường giao thông theo quy hoạch chung của huyện cũng như của tỉnh.
- Đáp ứng nhu cầu về giao thông trong khu vực, phục vụ tốt việc đi lại và giao lưu của nhân dân trong vùng cũng như nhân dân huyện.
- Nhằm đầu tư hoàn chỉnh Tỉnh lộ 12, phát triển đồng bộ hệ thống hạ tầng giao thông, đáp ứng nhu cầu vận tải ở từng thời kỳ, góp phần phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh trong khu vực.

2. Nội dung và quy mô đầu tư:

- Cấp công trình: Cấp III.
- Cấp thiết kế: Cấp IV miền núi (riêng các đoạn đi qua trung tâm xã: Cấp III miền núi).
- Tốc độ thiết kế: $V_{tk} = 40\text{km/h}$.
- Đoạn qua trung tâm các xã thiết kế theo quy mô đường cấp III miền núi:
 - + Bề rộng nền đường: $B_n = 9\text{m}$;
 - + Bề rộng mặt đường: $B_m = 6\text{m}$;
 - + Bề rộng lề đường gia cố: $B_{lgc} = 1,0\text{m} \times 2\text{bên}$;
 - + Bề rộng lề đường không gia cố: $B_{lkgc} = 0,5\text{m} \times 2\text{bên}$.
- Các đoạn còn lại: Thiết kế theo tiêu chuẩn đường cấp IV miền núi:
 - + Bề rộng nền đường: $B_n = 7,5\text{ m}$;
 - + Bề rộng mặt đường: $B_m = 5,5\text{ m}$;
 - + Bề rộng lề gia cố $B_{lgc} = 0,5\text{m} \times 2\text{bên}$;
 - + Bề rộng lề đất: $B_l = 0,5\text{m} \times 2\text{bên}$.
- Kết cấu mặt đường cấp cao A1, $E_{yc} \geq 133\text{Mpa}$.
- Nút giao: Trên toàn tuyến thiết kế nút giao thông thường cùng mức.
- Công trình thoát nước.
- Hệ thống an toàn giao thông theo quy định.

3. Nhóm dự án: Nhóm B.

4. Tổng mức đầu tư dự án: 100.000.000.000 đồng (Một trăm tỷ đồng).

5. Nguồn vốn đầu tư:

- Ngân sách Trung ương: 96.000.000.000 đồng.

- Ngân sách tỉnh: 4.000.000.000 đồng.

6. Khả năng cân đối vốn: Không quá 04 (bốn) năm kể từ năm bố trí vốn để khởi công.

7. Thời gian thực hiện dự án: Khởi công trong giai đoạn 2021-2025.

8. Địa điểm thực hiện dự án: Thuộc địa phận huyện Krông Bông, tỉnh Đắk Lắk./.

Phụ lục I.6**Dự án Nâng cấp Khoa Ung bướu thành Trung tâm Ung bướu thuộc Bệnh viện Đa khoa vùng Tây Nguyên**

(Kèm theo Nghị quyết số 08/NQ-HĐND ngày 19/3/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk)

1. Mục tiêu đầu tư: Đáp ứng nhu cầu khám, điều trị Ung bướu cho nhân dân trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk và các tỉnh lân cận. Từng bước nâng cao chất lượng dịch vụ khám chữa bệnh cho người dân, giảm tải cho các bệnh viện ung bướu tuyến Trung ương.

2. Quy mô đầu tư: 400 giường bệnh

a) Phần xây dựng:

- Trung tâm ung bướu: Nhà xây cấp II, chiều cao 06 tầng và 01 tầng hầm.

+ Phòng điều trị phóng xạ: Toàn bộ kết cấu bao che (tường, trần, nền) bê tông cốt thép dày 1.000 mm và được dát chì. Hệ thống cửa dạng cánh trượt tự động có các lớp chống phóng xạ và lắp hệ thống đèn cảnh báo phóng xạ khi đang làm việc.

+ Các phòng điều trị hoá: Kết cấu chống các tia phóng xạ phát tán ra bên ngoài, các cửa sổ làm bằng kính chì chuyên dụng.

+ Thiết bị kèm xây lắp: Hệ thống khí y tế, hệ thống điều hòa không khí, hệ thống báo gọi y tá, hệ thống mạng, thang máy.

- Nhà cầu nối: Nhà xây cấp III, chiều cao 3 tầng;

- Hệ thống xử lý nước thải: Bể xử lý nước thải; Bể trung chuyển xử lý nước giặt tẩy 2 bể; Nhà điều hành: Nhà xây cấp III, chiều cao 1 tầng.

b) Phần thiết bị:

+ Thiết bị cho Trung tâm Ung bướu;

+ Thiết bị Khoa kiểm soát nhiễm khuẩn.

3. Dự án nhóm: Nhóm B.

4. Tổng mức đầu tư dự án: 630.292.000.000 đồng (*Sáu trăm ba mươi tỷ, hai trăm chín mươi hai triệu đồng*).

5. Nguồn vốn đầu tư:

- Ngân sách Trung ương: 610.292.000.000 đồng.

- Ngân sách tỉnh: 20.000.000.000 đồng.

6. Khả năng cân đối vốn: Không quá 4 (bốn) năm kể từ năm bố trí vốn để khởi công.

7. Thời gian thực hiện dự án: Khởi công trong giai đoạn 2021-2025.

8. Địa điểm thực hiện dự án: Số 184 đường Trần Quý Cáp, phường Tự An, thành phố Buôn Ma Thuột (*Lô số 21 trong khuôn viên Bệnh viện Đa khoa vùng Tây Nguyên hiện đang sử dụng*)./.

Phụ lục I.7**Dự án Bệnh viện Đa khoa thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk**

(Kèm theo Nghị quyết số 08/NQ-HĐND ngày 19/3/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk)

1. Mục tiêu đầu tư:

- Đáp ứng nhu cầu khám, chữa bệnh và chăm sóc sức khỏe cho nhân dân tại thị xã Buôn Hồ và các huyện lân cận.
- Từng bước nâng cao chất lượng dịch vụ khám chữa bệnh cho người dân, giảm tải cho các bệnh viện tuyến trên.
- Đáp ứng nhu cầu phát triển không gian đô thị cũng như phát triển kinh tế - xã hội của địa phương trong giai đoạn tới.

2. Quy mô đầu tư: 500 giường bệnh**a) Công trình chính:**

- Khám đa khoa, điều trị ngoại trú: Nhà xây cấp II, chiều cao 05 tầng;
- Khu kỹ thuật nghiệp vụ: Nhà xây cấp II, chiều cao 05 tầng;
- Khu điều trị nội trú - Khoa nội: Nhà xây cấp II, chiều cao 04 tầng;
- Khu điều trị nội trú - Khoa nội: Nhà xây cấp II, chiều cao 04 tầng;
- Khu điều trị nội trú - Khoa ngoại: Nhà xây cấp II, chiều cao 03 tầng;
- Khu điều trị nội trú - Khoa ngoại: Nhà xây cấp II, chiều cao 03 tầng;
- Khoa chống nhiễm khuẩn: Nhà xây cấp II, chiều cao 01 tầng;
- Khoa giải phẫu bệnh lý: Nhà xây cấp II, chiều cao 01 tầng;

b) Công trình phụ trợ:

- Khôi dịch vụ tổng hợp: Nhà xây cấp II, chiều cao 02 tầng (xã hội hóa);
- Nhà cầu nối: Nhà xây cấp II, chiều cao 03- 04 tầng;
- Kỹ thuật- hậu cần: Nhà xây cấp II, chiều cao 01 tầng gồm: Nhà để xe ô tô, nhà để xe máy nhà thường trực, nhà trạm điện, trạm bơm nước thải, khu xử lý nước thải, bể nước PCCC).

c) Hạ tầng kỹ thuật:

Bãi đậu xe ô tô + Sân đường nội bộ; Hoa viên, cây xanh, thảm cỏ; Cây xanh cách ly ; Tường rào xây kín; Tường rào xây thoáng; Cổng chính 02 cổng; Cổng phụ; San lấp mặt bằng; Hệ thống cấp, thoát nước tổng thể; Hệ thống cấp điện tổng thể.

3. Dự án nhóm: Nhóm B.

4. Tổng mức đầu tư dự án: 503.400.000.000 đồng (Năm trăm lẻ ba tỷ, bốn trăm triệu đồng).

5. Nguồn vốn đầu tư:

- Ngân sách Trung ương: 488.400.000.000 đồng.

- Ngân sách tỉnh: 15.000.000.000 đồng.

6. Khả năng cân đối vốn: Không quá 04 (bốn) năm kể từ năm bố trí vốn để khởi công.

7. Thời gian thực hiện dự án: Khởi công trong giai đoạn 2021-2025.

8. Địa điểm đầu tư: Phường Đoàn Kết, thị xã Buôn Hồ./.

Phụ lục I.8**Dự án Trường THPT Dân tộc nội trú Đam San (giai đoạn 2)**

(Kèm theo Nghị quyết số 08/NQ-HĐND ngày 19/3/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk)

1. Mục tiêu đầu tư:

- Đảm bảo đủ chỗ học tập và sinh hoạt cho 540 học sinh các dân tộc thiểu số thuộc phía Đông Bắc của tỉnh Đắk Lắk, nhằm củng cố và phát triển hệ thống trường nội trú theo chủ trương của Chính phủ. Góp phần đào tạo nguồn nhân lực có chất lượng cho phát triển kinh tế - xã hội của địa phương trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế.

- Xây dựng và phát triển hệ thống trường THPT theo đúng quy hoạch của ngành Giáo dục và Đào tạo, từng bước xây dựng các trường THPT đạt chuẩn Quốc gia vào những năm tới.

2. Quy mô đầu tư: 540 học sinh.**a) Công trình xây dựng:**

- Nhà lớp học 08 phòng, phòng học bộ môn và thư viện. Nhà xây cấp III, chiều cao 03 tầng.

- Nhà hiệu bộ. Nhà xây cấp III, chiều cao 03 tầng.

- Nhà nội trú học sinh (số 2). Nhà xây cấp III, chiều cao 03 tầng.

- Nhà sinh hoạt, giáo dục văn hóa dân tộc. Nhà xây cấp III, chiều cao 01 tầng.

- Nhà đa năng. Nhà xây cấp III, chiều cao 01 tầng.

- Nhà công vụ giáo viên. Nhà xây cấp III, chiều cao 03 tầng.

- Nhà để xe 2 bánh. Nhà xây cấp IV, chiều cao 01 tầng.

b) Hạ tầng kỹ thuật gồm: San nền (diện tích đất giai đoạn 2); Kè đá (diện tích đất giai đoạn 2); Cổng, tường rào (toàn bộ); Hệ thống cấp điện (cấp cho giai đoạn 2); Hệ thống cấp, thoát nước, PCCC; Sân đường nội bộ (diện tích đất giai đoạn 2).

c) Trang thiết bị: Bàn ghế phòng học, bàn ghế giáo viên, bảng chống lóa,

3. Dự án nhóm: Nhóm B.

4. Tổng mức đầu tư dự án: 104.000.000.000 đồng (*Một trăm lẻ bốn tỷ đồng*).

5. Nguồn vốn đầu tư:

- Ngân sách Trung ương: 100.000.000.000 đồng.

- Ngân sách tỉnh: 4.000.000.000 đồng.

6. Khả năng cân đối vốn: Không quá 04 (bốn) năm kể từ năm bố trí vốn để khởi công.

7. Thời gian thực hiện dự án: Khởi công trong giai đoạn 2021-2025.

8. Địa điểm đầu tư: Xã Ea Blang, thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk (trong khuôn viên nhà trường đang quản lý sử dụng)/.

Phụ lục I.9**Dự án Các trục đường khu trung tâm hành chính (D6 và N16), huyện Krông Búk**

(Kèm theo Nghị quyết số 08/NQ-HĐND ngày 19/3/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk)

1. Mục tiêu đầu tư:

- Từng bước hoàn chỉnh mạng lưới giao thông trong trung tâm hành chính của huyện Krông Búk.
- Xây dựng định hướng phát triển không gian đô thị, hình thành trung tâm huyện lỵ mới, thúc đẩy tốc độ đô thị hóa, phát triển kinh tế bền vững, nâng cao chất lượng sống cho người dân trong khu vực.

2. Nội dung và quy mô đầu tư:

Đầu tư xây dựng đường giao thông, hệ thống thoát nước, hệ thống cấp nước, hệ thống điện và điện chiếu sáng.

*** Đường giao thông:**

- Chiều dài tuyến: Khoảng 960m.
- Cấp công trình: Cấp IV.
- Vận tốc thiết kế: $V_{tk} = 30 \text{ km/h}$.
- Công thoát nước: Vĩnh cửu, tải trọng thiết kế HL93.
- Mặt cắt ngang:
 - + Bề rộng nền đường: $B_n = 16\text{m}$;
 - + Bề rộng mặt đường: $B_m = 8\text{m}$;
 - + Bề rộng vỉa hè: $B_{vh} = 4\text{m} \times 2\text{bên} = 8\text{m}$.

- Kết cấu áo đường: Xây dựng mặt đường cấp cao A1, bằng bê tông nhựa.

* Hệ thống điện, điện chiếu sáng: Xây dựng mới khoảng 960m hệ thống đường dây hạ áp và khoảng 960m hệ thống chiếu sáng; Đầu tư xây dựng mới 01 trạm biến áp với công suất đảm bảo cho khu vực cấp điện.

* Hệ thống cấp nước: Xây dựng mới khoảng 960m hệ thống cấp nước với quy mô kỹ thuật đảm bảo cấp nước cho dân cư 2 bên.

* Hệ thống thoát nước.

* Vỉa hè, cây xanh.

3. Dự án nhóm: Nhóm C.

4. Tổng mức đầu tư dự án: 46.000.000.000 đồng (*Bốn mươi sáu tỷ đồng chẵn*)

5. Nguồn vốn đầu tư: Ngân sách tỉnh.

6. Khả năng cân đối vốn: Không quá 03 (ba) năm kể từ năm bố trí vốn để khởi công.

7. Thời gian thực hiện dự án: Khởi công trong giai đoạn 2021-2025.

8. Địa điểm thực hiện dự án: Xã Chư Kbo, huyện Krông Búk./.

Phụ lục I.10**Dự án Đường liên huyện Ea H'leo - Krông Năng (Đoạn từ xã Dliê Yang, xã Ea Hiao, huyện Ea H'leo đi xã Ea Tân, huyện Krông Năng)**

(Kèm theo Nghị quyết số 08/NQ-HĐND ngày 19/3/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk)

1. Mục tiêu đầu tư:

- Từng bước hoàn chỉnh mạng lưới giao thông trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.
- Tạo động lực thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội đối với các xã vùng sâu vùng xa của huyện Ea H'leo, huyện Krông Năng nói riêng và cả tỉnh Đắk Lắk nói chung.
- Tuyến đường được đầu tư sẽ góp phần rất lớn để phát triển kinh tế - xã hội của các xã Dliê Yang, xã Ea Hiao, huyện Ea H'leo và xã Ea Tân huyện Krông Năng. Tạo điều kiện thuận lợi trong vận chuyển vật tư nông nghiệp, nông sản, giao thương hàng hoá, tạo điều kiện thuận lợi cho các em học sinh tới trường; từng bước hoàn thiện các tiêu chí về giao thông theo quy hoạch nông thôn mới các xã Dliê Yang và Ea Hiao huyện Ea H'leo.
- Phục vụ quốc phòng an ninh các xã và khu vực mà tuyến đi qua.

2. Nội dung và quy mô đầu tư:

- Cấp công trình: Cấp IV.
- Chiều dài tuyến: 13Km.
- Tốc độ thiết kế: $V_{tk} = 40 \text{ Km/h}$.
- Bề rộng mặt đường: $B_{mặt} = 5,5\text{m}$.
- Bề rộng nền đường: $B_{nền} = 7,5\text{m}$.
- Bề rộng lề đường: $B_{lề} = 1,0\text{m} \times 2 \text{ bên}$.
- Mặt đường cấp cao A1.
- Hệ thống thoát nước và hệ thống an toàn giao thông (theo quy định).

3. Dự án nhóm: Nhóm C

4. Tổng mức đầu tư dự án: 75.000.000.000 đồng (*Bảy mươi lăm tỷ đồng*)

5. Nguồn vốn đầu tư: Ngân sách tỉnh

6. Khả năng cân đối vốn: Không quá 03 (ba) năm kể từ năm bố trí vốn để khởi công.

7. Thời gian thực hiện dự án: Khởi công trong giai đoạn 2021-2025.

8. Địa điểm thực hiện dự án: Xã Ea Hiao, huyện Ea H'leo, tỉnh Đắk Lắk./.

Phụ lục I.11**Dự án Cầu Hàm Long, xã Xuân Phú, huyện Ea Kar**

(Kèm theo Nghị quyết số 08/NQ-HĐND ngày 19/3/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk)

1. Mục tiêu đầu tư:

- Từng bước xây dựng hoàn chỉnh hệ thống đường giao thông theo quy hoạch chung của huyện cũng như của tỉnh.
- Phục vụ nhu cầu vận tải chính như vận chuyển nông sản, công cụ sản xuất phân bón...
- Đáp ứng nhu cầu về giao thông trong khu vực, phục vụ tốt việc đi lại và giao lưu của nhân dân trong vùng cũng như nhân dân.
- Góp phần tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo an ninh, quốc phòng và từng bước hoàn chỉnh mạng lưới giao thông của tỉnh.

2. Nội dung và quy mô đầu tư:

Các hạng mục đầu tư: Cầu bê tông cốt thép DƯL Lnhịp=3x33m và đường dẫn hai đầu cầu khoảng 500m.

*** Phần cầu:**

- Cấp công trình : Cấp III.
- Tải trọng thiết kế : HL93.
- Chiều dài nhịp : 3x33m.
- Chiều rộng toàn cầu : $B_{\text{cầu}} = (7,5 \text{ m} + 0,5 \text{ m} \times 2) = 8,5 \text{ m}$.
- Tần suất thiết kế : $P = 1\%$.

*** Phần đường hai đầu cầu:**

- Chiều dài xây dựng khoảng 500m.
- Loại công trình : Cầu đường bộ.
- Cấp kỹ thuật : Cấp IV (Miền Núi).
- Vận tốc thiết kế : $V_{tk} = 40 \text{ km/h}$.
- Kết cấu mặt đường cấp cao A11.
- B nền = 7,5m.
- B mặt = 5,5m.
- B lề gia cố = 1mx2 bên.

3. Dự án nhóm: Nhóm C

4. Tổng mức đầu tư dự án: 29.950.000.000 đồng (Hai mươi chín tỷ, chín trăm năm mươi triệu đồng).

5. Nguồn vốn đầu tư: Ngân sách tỉnh.
6. Khả năng cân đối vốn: Không quá 03 (ba) năm kể từ năm bố trí vốn để khởi công.
7. Thời gian thực hiện dự án: Khởi công trong giai đoạn 2021-2025.
8. Địa điểm thực hiện dự án: Xã Xuân Phú, huyện Ea Kar./.

Phụ lục I.12**Dự án Công trình cấp nước liên xã Ea Đar - thị trấn Ea Knốp, huyện Ea Kar**

(Kèm theo Nghị quyết số 08/NQ-HĐND ngày 19/3/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk)

1. Mục tiêu đầu tư:

Trung tâm hành chính công huyện Ea Kar, đang từng bước đầu tư xây dựng mới tại vị trí mới trên trục Quốc lộ 26, kết nối với trung tâm cũ thành đô thị trung tâm huyện lỵ, là trung tâm chính trị, kinh tế, văn hóa, giáo dục, đào tạo và khoa học kỹ thuật của huyện Ea Kar, quy hoạch xây dựng đảm bảo đáp ứng kết cấu về hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội, xung tầm là đô thị loại IV.

Việc đầu tư không chỉ đáp ứng nhu cầu nước sinh hoạt của dân cư, với chất lượng nước đạt quy định góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống và bảo vệ sức khỏe con người, mà còn góp phần không nhỏ về tiêu chí xây dựng nông thôn mới, là một trong những tiêu chí có kinh phí đầu tư lớn mới có thể hoàn thành mục tiêu chương trình đúng thời hạn mà Đảng bộ, nhân dân huyện Ea Kar quyết tâm phấn đấu trong nhiều năm.

Cung cấp nước sinh hoạt cho khoảng 41.500 người thuộc thị trấn Ea Kar, Ea Knốp và Ea Đar (khu trung tâm hành chính mới) huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk.

2. Nội dung và quy mô đầu tư:

2.1. Nguồn nước: Hồ Krông Buk Hạ: Dung tích khoảng 109,34 triệu m³, diện tích lưu vực 452,0km². Hiện do Công ty TNHH MTV Quản lý công trình Thủy lợi Đắk Lắk quản lý. Xây dựng trạm xử lý nước sinh hoạt đặt ở hạ lưu của hồ Krông Buk Hạ. Chất lượng nước sau xử lý phải đạt quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước ăn uống số 01:2009/BYT và nước sinh hoạt số 02:2009/BYT, ban hành theo Thông tư số 04 và 05/2009/TT-BYT ngày 17 tháng 6 năm 2009.

2.2. Quy mô đầu tư chủ yếu:

Với quy mô công suất $Q = 5.000 \text{ m}^3/\text{ng}$, đề xuất áp dụng quy trình làm sạch chính là: Lắng lamemla, Lọc nhanh trọng lực.

a) Công trình thu nước hồ kết hợp trạm bơm nước thô: Nước thô được lấy từ hồ dẫn về trạm xử lý nước đặt khu vực hồ Krông Buk Hạ với diện tích xây dựng dự kiến $S = 140\text{m} \times 140\text{m} \cong 2 \text{ ha}$. Bao gồm có các hạng mục: thiết bị trộn và bể phản ứng, bể lắng Lamemla, bể lọc chậm, bể chứa 200m³, 1 nhà hoá chất, 1 nhà vận hành, trạm bơm cấp I, bể thu hồi nước rửa lọc, hồ lắng bùn, công tường rào, sân bê tông và phụ kiện kèm theo.

b) Mạng lưới đường ống

- Ống nước thô: Lấy từ hồ Krông Buk Hạ về khu xử lý.

- Ống HDPE-DN280mm truyền tải nước sạch chính từ bể chứa về thị trấn Ea Kar đi dọc tuyến Quốc lộ 26 khoảng 11.000m.

- Ống HDPE-DN225mm truyền tải nước sạch chính từ đầu thị trấn Ea Kar về thị trấn Ea Knốp đi dọc tuyến Quốc lộ 26 khoảng 15.000m.

- Mạng lưới ống phân phối đến các hộ dân là ống HDPE DN DN63÷110mm.

c) Kết nối hộ gia đình: Dự kiến số hộ đăng ký và được đấu nối giai đoạn này là 1.500 hộ.

d) Hệ thống điện: Lắp đặt đường dây trung áp từ quốc lộ 26 vào khu xử lý khoảng 1,3km. Tại đây hạ trạm biến áp 320 KVA.

e) Thiết bị: Thiết bị điện năng lượng mặt trời, các loại máy bơm.

3. Dự án nhóm: Nhóm B

4. Tổng mức đầu tư dự án: 90.000.000.000 đồng (*Chín mươi tỷ đồng*).

5. Nguồn vốn đầu tư: Ngân sách tỉnh.

6. Khả năng cân đối vốn: Không quá 04 (bốn) năm kể từ năm bố trí vốn để khởi công.

7. Thời gian thực hiện dự án: Khởi công trong giai đoạn 2021-2025.

8. Địa điểm thực hiện dự án: Huyện Ea Kar, huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk./.

Phụ lục I.13**Dự án Đường giao thông từ Quốc lộ 26 đi xã Ea Ô, huyện Ea Kar
kết nối trung tâm xã Vụ Bản, huyện Krông Pắc**

(Kèm theo Nghị quyết số 08/NQ-HĐND ngày 19/3/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk)

1. Mục tiêu đầu tư:

- Đáp ứng nhu cầu giao thông đi lại, đảm bảo an toàn giao thông trong mọi thời tiết, phục vụ sản xuất cũng như đảm bảo an ninh quốc phòng, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, thương mại và dịch vụ trong khu vực.

- Từng bước hoàn chỉnh mạng lưới giao thông trên địa bàn của huyện Ea Kar đã được cấp có thẩm quyền quy hoạch và phê duyệt.

2. Nội dung và quy mô đầu tư:

- Loại công trình: Công trình giao thông.

- Cấp công trình: Cấp III.

- Hình thức đầu tư: Nâng cấp, mở rộng mặt đường cũ và làm mới.

- Quy mô đầu tư: Đầu tư xây dựng đường giao thông, hệ thống thoát nước, an toàn giao thông với các thông số kỹ thuật sau:

a) Đường giao thông:

+ Cấp đường: Cấp IV.

+ Vận tốc tính toán: $V_{tt}=40\text{km/h}$.

+ Tải trọng tính toán: 100KN.

- Quy mô mặt cắt ngang: Bề rộng nền đường 7.5m, trong đó: Mặt đường rộng 5,5m + lề đường gia cố 1,0m x 2 bên.

- Kết cấu mặt đường bê tông nhựa đoạn qua trung tâm xã Ea Kmút.

- Kết cấu mặt đường bê tông nhựa trên đường lán nhựa cũ.

- Kết cấu mặt đường bê tông nhựa mở rộng và làm mới trên đường đất.

- Kết cấu mặt đường bê tông xi măng làm mới trên đường đất yếu.

b) Hệ thống thoát nước: Rãnh thoát nước, cống thoát nước.

c) Hệ thống an toàn giao thông: Được bố trí theo QCVN 41:2019/BGTVT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về báo hiệu đường bộ.

3. Dự án nhóm: Nhóm B

4. Tổng mức đầu tư dự án: 200.000.000.000 đồng (Hai trăm tỷ đồng chẵn).

5. Nguồn vốn đầu tư:

- Ngân sách Trung ương: 192.000.000.000 đồng.

- Ngân sách tỉnh: 8.000.000.000 đồng.

6. Khả năng cân đối vốn: Không quá 04 (bốn) năm kể từ năm bố trí vốn để khởi công.

7. Thời gian thực hiện dự án: Khởi công trong giai đoạn 2021-2025.

8. Địa điểm thực hiện dự án: Xã Ea Kmút, xã Ea Ô, huyện Ea Kar và xã Vụ Bồn, huyện Krông Pắc./.

Phụ lục I.14**Dự án Đường vào khu giãn dân, tái định cư (Buôn Ea Chôr,
Buôn Kiêu, Buôn Hằng Năm), xã Yang Mao, huyện Krông Bông**

(Kèm theo Nghị quyết số 08/NQ-HĐND ngày 19/3/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk)

1. Mục tiêu đầu tư:

- Mở rộng quỹ đất, phát triển giãn dân và tái định cư cho khoảng 150 hộ dân của Buôn Ea Chôr, Buôn Kiêu và Buôn Hằng Năm.
- Từng bước hoàn chỉnh mạng lưới giao thông trên địa bàn theo quy hoạch xây dựng huyện Krông Bông cũng như quy hoạch xây dựng nông thôn mới xã Yang Mao.
- Đáp ứng nhu cầu đi lại, vận chuyển nguyên liệu, sản phẩm trong sản xuất và đời sống của người dân.
- Phục vụ nhu cầu phát triển kinh tế, xã hội và quốc phòng - an ninh.

2. Nội dung và quy mô đầu tư:

- Cấp công trình: Cấp IV.
- Cấp thiết kế: Đường giao thông nông thôn cấp B theo TCVN 10380:2014.
- Hình thức đầu tư: Xây dựng mới.
- Chiều dài tuyến khoảng: $L = 3,23\text{km}$.
- Vận tốc thiết kế: $V_{tt} = 20\text{km/h}$.
- Tải trọng trục tiêu chuẩn: 25kN, tải trọng trục xe vượt tải: 60kN.
- Công trình thoát nước vĩnh cửu, tải trọng thiết kế: 0.65HL93.
- Mặt cắt ngang:
 - + Bề rộng nền đường: $B_n = 6,00\text{ m}$;
 - + Bề rộng mặt đường: $B_m = 3,50\text{ m}$;
 - + Bề rộng lề đường: $B_{lè} = 1,25\text{ m} \times 2\text{ bên}$.
- Nền đường :
 - Kết cấu mặt đường dự kiến: Bê tông xi măng (BTXM) đá 1x2 M300 dày 18cm.
 - Công trình thoát nước ngang tuyến:
 - + Tải trọng tính toán công trình thoát nước: 0,65 HL93
 - + Tần suất thiết kế công trình thoát nước: 4%
 - + Khổ cống: Theo khổ nền đường.
 - + Kết cấu cống: Móng bằng bê tông đá 1x2 mác 150#. Thân cống, tường cánh

bằng bê tông đá 1x2 mác 150#. Ống tấm bản bằng BTCT đá 1x2 mác 250.

- Phần cầu treo:

Kết cấu công trình: Cầu bán vĩnh cửu.

Tải trọng xe thiết kế: Một xe nặng 2.2T hoặc đoàn người 100Kg/m² hoặc đoàn xe thô sơ 5 chiếc mỗi chiếc nặng 0,6T.

Chiều dài cầu L=80m (không tính đường đầu cầu)

Khổ cầu : K=2.7m (bao gồm đà chắn bánh, không lề bộ hành).

Tần suất thiết kế : P=4%

Phần đường đầu cầu:

- Đường giao thông nông thôn cấp B theo TCVN 10380:2014.

- Vận tốc thiết kế: V_{tt} = 20km/h.

- Tải trọng trục tiêu chuẩn: 100kN.

- Mặt cắt ngang:

+ Bề rộng nền đường: B_n = 6,00 m;

+ Bề rộng mặt đường: B_m = 3,50 m;

+ Bề rộng lề đường: B_l = 1,25 m x 2.

- Kết cấu áo đường cấp cao A1(BTXM), BTXM đá 1x2 M300 dày 18cm.

- Hệ thống thoát nước trên tuyến: Xây dựng vĩnh cửu bằng bê tông, bê tông cốt thép.

- Hệ thống an toàn giao thông: Hệ thống an toàn giao thông theo QCVN 41:2016/BGTVT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về báo hiệu đường bộ.

3. Dự án nhóm: Nhóm C.

4. Tổng mức đầu tư dự án: 29.900.000.000 đồng (*Hai mươi chín tỷ, chín trăm triệu đồng chẵn*).

5. Nguồn vốn đầu tư: Ngân sách tỉnh.

6. Khả năng cân đối vốn: Không quá 03 (ba) năm kể từ năm bố trí vốn để khởi công.

7. Thời gian thực hiện dự án: Khởi công trong giai đoạn 2021-2025.

8. Địa điểm thực hiện dự án: Xã Yang Mao, huyện Krông Bông./.

Phụ lục I.15**Dự án Hệ thống trạm bơm và công trình thủy lợi Dur Kmăl,
xã Dur Kmăl, huyện Krông Ana**

(Kèm theo Nghị quyết số 08/NQ-HĐND ngày 19/3/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk)

1. Mục tiêu đầu tư:

- Về mặt kinh tế: Đáp ứng nhu cầu chủ động nguồn nước tưới cho khoảng 1.425 ha cà phê và 1.216ha lúa nước, hoa màu, nhằm góp phần phát triển kinh tế nhanh và bền vững cho địa phương.

- Về mặt xã hội: Trên cơ sở phát triển kinh tế, tạo thêm việc làm từ việc thâm canh tăng vụ, ổn định đời sống kinh tế cho nhân dân sẽ hạn chế các tệ nạn xã hội, nâng cao chất lượng cuộc sống cho nhân dân, trên cơ sở đó giữ vững an ninh chính trị, quốc phòng khu vực.

- Đồng thời sau khi triển khai dự án sẽ góp phần cải thiện cảnh quan môi trường, khí hậu, nâng cao ý thức bảo vệ tài nguyên rừng, khai thác tổng hợp tài nguyên trong khu vực.

2. Nội dung và quy mô đầu tư:**- Cụm đầu mối:**

+ 01 Trạm bơm cấp 1: Lưu lượng 6000m³/h, cung cấp nước tưới cho khoảng 1041,4 ha cây cà phê và 162,29 ha lúa và 994,5 ha ngô và một số cây trồng khác.

+ Ống đẩy: Dài 1080,0m; ống thép D1000.

+ Tuyến hầm: dài 230m, đường kính D=2,8m, kết cấu BTCT 250.

+ Bể điều hòa: 1 Kích thước LxBxH (65x35x5)m và 1 bể LxBxH (35x15x4)m, kết cấu BTCT 250 đá 1x2 đổ liền khối. Bể này sẽ có nhiệm vụ điều áp, bù lưu lượng cho toàn bộ hệ thống, trữ đủ lượng nước để tưới cho toàn bộ hệ thống khoảng 0,5h khi trạm bơm gặp sự cố.

- Hệ thống ống tưới:**• Khu tưới 1:**

- Ống chính tự chảy 1: Dài 7.490m, gồm các đoạn ống (HDPE D1000; D800; D600; D500; D400).

- Ống nhánh:

+ Ống nhánh 1: dài 1.115m ,ống HDPE DN225.

+ Ống nhánh 2: dài 3.150m ,ống HDPE DN225.

+ Ống nhánh 3: dài 1.270m ,ống HDPE DN225.

+ Ống nhánh 4: dài 6.050m ,ống HDPE DN225.

- Khu tưới 2:

- Ống chính tự chảy 2: Dài 1.670m, ống HDPE D400.

- Ống nhánh 5: Dài 1.740m, ống HDPE DN225.

- Xây dựng học chờ tưới trên dọc các tuyến ống dẫn nước: Mỗi học chờ phụ trách tưới cho khoảng 5ha, trong học chờ có bố trí các họng chờ tưới đường kính ống D60mm, đồng hồ đo nước. Bố trí van xả cạn, xả khí và van giảm áp tại một số điểm đặc thù trên đường ống chính và ống tưới.

- Hệ thống điện: 01 trạm biến áp công suất 400KVA; 0,3km đường dây điện 22Kv.

- Nhà quản lý vận hành: Xây dựng một nhà cấp 4 và nhà đặt trạm bơm để QLVH toàn bộ hệ thống.

3. Dự án nhóm: Nhóm B.

4. Tổng mức đầu tư dự án: 164.000.000.000 đồng (*Một trăm sáu mươi bốn tỷ đồng*).

5. Nguồn vốn đầu tư:

- Ngân sách Trung ương: 160.000.000.000 đồng.

- Ngân sách tỉnh: 4.000.000.000 đồng.

6. Khả năng cân đối vốn: Không quá 03 (ba) năm kể từ năm bố trí vốn để khởi công.

7. Thời gian thực hiện dự án: Khởi công trong giai đoạn 2021-2025.

8. Địa điểm thực hiện dự án: Xã Dur Kmăl, huyện Krông Ana./.

Phụ lục I.16**Dự án Nâng cấp, mở rộng đường giao thông vào khu du lịch cụm thác Dray Sáp Thượng và Dray Nur, xã Dray Sáp, huyện Krông Ana**

(Kèm theo Nghị quyết số 08/NQ-HĐND ngày 19/3/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk)

1. Mục tiêu đầu tư:

- Đáp ứng nhu cầu phát triển du lịch tại địa phương. Tạo điều kiện phát triển các cơ sở hạ tầng, các dịch vụ các ngành nghề thu hút đầu tư thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội.

- Góp phần vận chuyển hàng hóa phục vụ phát triển sản xuất và phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương.

2. Quy mô đầu tư:

a) Tuyến 1: (Km0 – Km9+200) Từ Khu công nghiệp Hòa Phú đến cụm thác thiết kế với tiêu chuẩn đường cấp IV miền núi, tốc độ thiết kế 40 km/giờ:

+ Bề rộng nền đường: $B_{nền} = 7,5m$.

+ Bề rộng mặt đường gồm 2 làn xe: $B_{mặt} = 2 \times 2,75m = 5,5m$.

+ Bề rộng lề gia cố: $B_{lgc} = 2 \times 0,5m = 1,0m$.

+ Bề rộng lề đất: $B_{ld} = 2 \times 0,5m = 1,0m$.

- Đoạn Km 0+0,00 - Km7+0,00; thiết kế kết cấu áo đường cứng, mặt đường BTXM, cấp nặng; Thiết kế theo quy mô đường Cấp IV, miền núi.

- Đoạn Km7+0,00 – Km 9+200 thiết kế kết cấu áo đường mềm: Thiết kế theo quy mô đường Cấp IV, miền núi; $E_{yc} \geq 130Mpa$.

b) Tuyến 2 (Km 0 – Km1+700) Từ ngã tư vào cổng thác Dray Nur, thiết kế với tiêu chuẩn đường giao thông nông thôn

+ Bề rộng nền đường: $B_{nền} = 6,5m$.

+ Bề rộng mặt đường: $B_{mặt} = 1 \times 5,5m = 5,5m$.

+ Bề rộng lề đất: $B_{ld} = 2 \times 0,5m = 1,0m$.

- Đoạn từ km 00- km 900, dài 900 m, mặt đường bê tông xi măng rộng 3,5 m có sẵn. Mở rộng ra mỗi 1 m (thành mặt đường bê tông xi măng rộng 5,5 m)

- Đoạn từ km 900 - km 1+700, dài 800 m hiện là đường đất. Làm mới mặt đường BTXM rộng 5,5 m.

c) Thoát nước: Bố trí cống thoát nước theo địa hình; rãnh dọc 2 bên tuyến;

d) Hệ thống báo hiệu, công trình phòng hộ: Bố trí vạch sơn, biển báo, cọc tiêu, cột km, tường hộ lan can mềm theo quy định.

e) Đền bù giải phóng mặt bằng.

3. Dự án nhóm: Nhóm B.

4. Dự kiến tổng mức đầu tư: 100.000.000.000 đồng (*Một trăm tỷ đồng*).

5. Nguồn vốn đầu tư:

- Ngân sách Trung ương: 96.000.000.000 đồng.

- Ngân sách tỉnh: 4.000.000.000 đồng.

6. Khả năng cân đối vốn: Không quá 04 (bốn) năm kể từ năm bố trí vốn để khởi công.

7. Thời gian thực hiện dự án: Khởi công trong giai đoạn 2021-2025.

8. Địa điểm đầu tư: Xã Hòa Phú, thành phố Buôn Ma Thuột và xã Dray Sáp, huyện Krông Ana, tỉnh Đắk Lắk./.

Phụ lục I.17**Dự án Đường giao thông phía Tây Quốc lộ 14 (đoạn từ Quốc lộ 14 thuộc phường Đạt Hiếu đến suối A Jun, phường Thống Nhất), thị xã Buôn Hồ - giai đoạn 1**

(Kèm theo Nghị quyết số 08/NQ-HĐND ngày 19/3/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk)

1. Mục tiêu đầu tư:

- Góp phần xây dựng cơ sở hạ tầng đô thị theo quy hoạch đô thị thị xã Buôn Hồ đã được UBND tỉnh phê duyệt nhằm xây dựng thị xã Buôn Hồ phát triển bền vững, có hệ thống cơ sở hạ tầng kỹ thuật đồng bộ, hiện đại, phát triển hài hòa giữa văn hóa với kinh tế - xã hội, trong đó chú trọng bảo vệ môi trường.

- Xây dựng cơ sở hạ tầng đồng bộ nhằm chỉnh trang đô thị, đảm bảo vệ sinh môi trường, đảm bảo lưu thông thông suốt, hạn chế tai nạn giao thông, góp phần phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng an ninh của địa phương và khu vực.

2. Quy mô đầu tư:

- Cấp công trình: Cấp III.

- Cấp thiết kế của đường: Đường cấp IV(miền núi).

- Vận tốc thiết kế: $V_{tk} = 40\text{Km/h}$.

- Chiều dài tuyến khoảng: $L = 3,7\text{km}$.

- Công trình thoát nước vĩnh cửu, tải trọng thiết kế: HL93.

- Mặt cắt ngang:

+ Bề rộng nền đường: $B_n = 7,5\text{m}$;

+ Bề rộng mặt đường: $B_m = 5,5\text{m}$;

+ Bề rộng lề đường: $B_l = 1\text{m} \times 2 \text{ bên} = 2\text{m}$.

- Kết cấu mặt đường cấp cao A1, $E_{yc} > 130\text{Mpa}$.

- Hệ thống thoát nước:

+ Công trình cầu:

01 Cầu bản bê tông cốt thép dài 6m, rộng 7,5m, mô cầu chữ U.

01 Cầu dầm Super T, dài 42m, rộng 7,5m, mô cầu chữ U.

+ Công trình thoát nước.

- Hệ thống an toàn giao thông theo quy định.

3. Dự án nhóm: Nhóm C.

4. Tổng mức đầu tư dự án: 78.000.000.000 đồng (*Bảy mươi tám tỷ đồng chẵn*).

5. Nguồn vốn đầu tư: Ngân sách tỉnh.

6. Khả năng cân đối vốn: Không quá 03 (ba) năm kể từ năm bố trí vốn để khởi công.

7. Thời gian thực hiện dự án: Khởi công trong giai đoạn 2021-2025.

8. Địa điểm thực hiện dự án: Thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk./.

Phụ lục I.18**Dự án Đường giao thông từ xã Bình Thuận, thị xã Buôn Hồ đi
Km111+950 Quốc lộ 26, xã Ea Phê, huyện Krông Pắc**

(Kèm theo Nghị quyết số 08/NQ-HĐND ngày 19/3/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk)

1. Mục tiêu đầu tư:

- Từng bước xây dựng hoàn chỉnh hệ thống đường giao thông liên huyện, tạo thành mạng lưới giao thông kết nối giữa Quốc lộ 14 với Quốc lộ 26, rút ngắn cự ly lưu thông giữa thị xã Buôn Hồ và huyện Krông Pắc;

- Đáp ứng nhu cầu giao thông đi lại và lưu thông hàng hóa của nhân dân, tạo bước đột phá cho phát triển kinh tế - xã hội, góp phần đảm bảo an ninh trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn thị xã Buôn Hồ - huyện Krông Pắc.

2. Quy mô đầu tư:

- Chiều dài tuyến khoảng : $L = 12\text{Km}$.

- Cấp công trình: Cấp IV.

Cấp thiết kế: Đường cấp IV (miền núi).

- Vận tốc thiết kế: $V_{tk} = 40\text{Km/h}$.

- Công trình thoát nước vĩnh cửu, tải trọng thiết kế: HL93.

- Mặt cắt ngang:

+ Bề rộng nền đường: $B_n = 7,5\text{m}$;

+ Bề rộng mặt đường: $B_m = 5,5\text{m}$;

+ Bề rộng lề đường: $B_l = 1,0\text{m} \times 2\text{bên}$.

(Riêng đoạn qua khu dân cư gia cố lề $1\text{m} \times 2\text{bên}$ như kết cấu mặt đường).

- Kết cấu mặt đường bằng bê tông nhựa nóng, $E_{yc} \geq 130$. Đối với một số đoạn cục bộ, tuyến đi qua vùng thường xuyên chịu ảnh hưởng ngập lụt hàng năm, một số đoạn nền đường ẩm ướt thì xây dựng kết cấu mặt đường bê tông xi măng.

- Hệ thống thoát nước và hệ thống an toàn giao thông (theo quy định).

- Điểm đầu: Km0 tại Ngã tư đi xã Bình Thuận, thị xã Buôn Hồ.

- Điểm cuối: Km12+00 tại Km111+950 Quốc lộ 26, xã Ea Phê, huyện Krông Pắc.

3. Dự án nhóm: Nhóm C.

4. Tổng mức đầu tư dự án: 79.000.000.000 đồng (Bảy mươi chín tỷ đồng chẵn).

5. Nguồn vốn đầu tư: Ngân sách tỉnh.

6. Khả năng cân đối vốn: Không quá 03 (ba) năm kể từ năm bố trí vốn để khởi công.

7. Thời gian thực hiện dự án: Khởi công trong giai đoạn 2021-2025.

8. Địa điểm thực hiện dự án: Thuộc địa phận xã Bình Thuận, thị xã Buôn Hồ và xã Ea Phê, huyện Krông Pắc./.

Phụ lục I.19**Dự án Hệ thống điện chiếu sáng công cộng các tuyến đường thị xã Buôn Hồ**

(Kèm theo Nghị quyết số 08/NQ-HĐND ngày 19/3/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk)

1. Mục tiêu đầu tư: Nhằm từng bước chỉnh trang đô thị, đảm bảo an toàn giao thông, an ninh, trật tự và an toàn xã hội.
2. Nội dung và quy mô đầu tư:
 - Quy mô đầu tư: Tổng chiều dài tuyến điện chiếu sáng khoảng 12.240m.
 - *Các thiết bị chủ yếu:*
 - Đèn Led IP66 loại 120W-220V : 360 bộ.
 - Cột thép tròn côn cao 9,0m và 10,0m : 360 cột.
 - Cần đèn chiếu sáng : 360 bộ.
 - Cáp ngầm Cu/XLPE/PVC/DSTA(3x16+1x10) mm² : 13.866 mét.
 - Dây lên đèn CVV(2x2,5) mm² : 4.693 mét.
 - Mương cáp ngầm chiếu sáng : 11.879 mét.
 - Móng trụ chiếu sáng các loại : 360 móng.
 - Tủ điều khiển chiếu sáng tự động LOGO : 11 tủ.
3. Dự án nhóm: Nhóm C.
4. Tổng mức đầu tư dự án: 29.623.537.000 đồng (*Hai mươi chín tỷ, sáu trăm hai mươi ba triệu, năm trăm ba mươi bảy nghìn đồng*).
5. Nguồn vốn đầu tư: Ngân sách tỉnh.
6. Khả năng cân đối vốn: Không quá 03 (ba) năm kể từ năm bố trí vốn để khởi công.
7. Thời gian thực hiện dự án: Khởi công trong giai đoạn 2021-2025.
8. Địa điểm thực hiện dự án: Dọc các trục đường nội thị thuộc các xã, phường: Đát Hiếu, An Lạc, An Bình, Thiện An, Đoàn Kết, Thống Nhất, Bình Tân, Cư Bao, Ea Blang./.

Phụ lục I.20**Dự án Đường giao thông trực chính vào khu du lịch
sinh thái Buôn Đôn, xã Krông Na**

(Kèm theo Nghị quyết số 08/NQ-HĐND ngày 19/3/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk)

1. Mục tiêu đầu tư:

- Đáp ứng nhu cầu vận chuyển hàng hóa, thuận tiện trong việc đi lại của khách du lịch, thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu ngành nghề tạo công ăn việc làm tăng thu nhập cho người dân.

- Tạo điều kiện phát triển các cơ sở hạ tầng, các dịch vụ các ngành nghề thu hút đầu tư thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội.

- Tạo mỹ quan đô thị, giảm ô nhiễm môi trường và giảm tai nạn giao thông.

2. Quy mô đầu tư: Tổng chiều dài tuyến $L=2,248\text{Km}$.**a) Loại và cấp công trình:**

+ Loại đường: Đường phố nội bộ

+ Cấp đường: Cấp III

+ Vận tốc tính toán: $V_{tt}=40\text{km/h}$

+ Tải trọng tính toán: 100KN

b) Quy mô mặt cắt ngang:

* Mặt cắt ngang phạm vi tuyến theo ranh giới cấp đất của huyện; Lý trình Km0+00 – Km1+753; $L=1.753\text{ m}$:

+ Chỉ giới đường đỏ: $B_{xd}=15,0\text{ m}$ trong đó:

+ Bề rộng mặt đường: $B_{mặt}=10,5\text{ m}$. Độ dốc ngang mặt đường $I_n=2\%$

+ Bề rộng vỉa hè $2,25\text{ m} + 2,25\text{ m} = 4,5\text{ m}$. Độ dốc ngang vỉa hè $I_n=-2\%$

* Mặt cắt ngang phạm vi tuyến đi qua di tích lịch sử, nhà cổ, cảnh quan thiên nhiên; Lý trình Km 1+753 – Km 2+248; $L=495\text{ m}$:

+ Chỉ giới đường đỏ: $B_{xd}=7,6\text{m}$ trong đó:

+ Bề rộng mặt đường: $B_{mặt}=7,0\text{m}$. Độ dốc ngang mặt đường $I_n=2\%$

c) Kết cấu mặt đường:

* Xây dựng mặt đường Bê tông nhựa trên mặt đường láng nhựa cũ $Br=3,5\text{m}$:

- Bê tông nhựa chặt nóng BTNC12,5 dày 7cm;

- Tưới nhựa pha dầu dính bám, tiêu chuẩn nhựa 0,5 Kg/m².

- Bù vênh bê tông nhựa chặt nóng BTNC 12,5 dày $H_{tb}=3\text{cm}$;

- Tưới nhựa pha dầu dính bám, tiêu chuẩn nhựa 0,5 Kg/m².

- Kết cấu mặt đường láng nhựa cũ;

* Hoàn trả mặt đường cũ :

- Láng nhựa 1 lớp 1,8Kg/m²;

- Vá ổ gà bằng đá dăm tiêu chuẩn dày 15cm .

* Xây dựng mặt đường Bê tông nhựa mở rộng:

- Bê tông nhựa chặt nóng BTNC12,5 dày 7cm;

- Tưới nhựa pha dầu dính bám, tiêu chuẩn nhựa 1,0 Kg/m²;

- Cấp phối đá dăm loại 1 (D_{max}=25mm), dày 15cm;

- Cấp phối đá dăm loại 2 (D_{max}=37,5mm), dày 18cm;

- Đất nền đầm chặt K_≥0,98.

d) Kết cấu vỉa hè: Kết cấu vỉa hè như sau: Gạch terrazzo; Vữa XM M75; Móng đá 4x6 chèn vữa xi măng M50 đầm chặt.

đ) Bó vỉa: Bó vỉa dạng chữ L cấu tạo bằng bê tông đá 1x2, M250 (đổ tại chỗ);

e) Hệ thống thoát nước: Hệ thống cống dọc tròn bằng BTCT khẩu độ Ø100 kết hợp giếng thu nước thiết kế với hình thức thu nước: thu đứng. Cửa thu bố trí bố trí các tấm chắn rác bằng thép đặt dưới lòng đường để thu đứng.

g) Hệ thống biển báo hiệu: Hệ thống an toàn giao thông được bố trí theo QCVN 41:2019/BGTVT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về báo hiệu đường bộ.

3. Dự án nhóm: Nhóm C.

4. Dự kiến tổng mức đầu tư: 25.000.000.000 đồng (Hai mươi lăm tỷ đồng).

5. Nguồn vốn đầu tư: Ngân sách tỉnh.

6. Khả năng cân đối vốn: Không quá 03 (ba) năm kể từ năm bố trí vốn để khởi công.

7. Thời gian thực hiện dự án: Khởi công trong giai đoạn 2021-2025.

8. Địa điểm đầu tư: Xã Krông Na, huyện Buôn Đôn./.

Phụ lục I.21**Dự án Xây dựng cơ sở hạ tầng khu vực Trung tâm điểm du lịch hồ Lắk**

(Kèm theo Nghị quyết số 08/NQ-HĐND ngày 19/3/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk)

1. Mục tiêu đầu tư: Cải tạo, nâng cấp hạ tầng phục vụ phát triển du lịch tại trung tâm điểm du lịch hồ Lắk; ổn định cuộc sống cho các hộ dân đang sinh sống trong phạm vi quy hoạch, cải tạo cảnh quan ven hồ và chỉnh trang đô thị.

2. Quy mô đầu tư:

- Mở rộng đường Âu Cơ; Lát gạch vỉa hè; Bờ kè; Hệ thống chiếu sáng; Hệ thống thoát nước;

- Mở rộng đường Âu Cơ: Mở rộng mặt đường hiện hữu và tiến hành thảm tăng cường, đoạn từ Km0-:-Km0+350 (ngã 3 Trung tâm Chính trị đến hết làng chài); Đoạn từ Km0+350-:-Km0+750 (cuối làng chài đến ngã 3 Hồ Xuân Hương); Đoạn từ Km0+750-:-Km1+650 (ngã 3 Hồ Xuân Hương đến hết Khu Resort); Đoạn từ Km1+650-:-Km2+180 (cuối Khu Resort đến ngã 3 huyện ủy);

- Lát gạch vỉa hè: Lát gạch dọc theo ven hồ đoạn từ Khu Resort đến dốc Công an;

- Bờ kè: Phạm vi từ Khu Resort đến dốc Công an, bao gồm các hạng mục: Đường bộ hành và kè gia cố mái taluy;

- Hệ thống chiếu sáng dọc đường Âu Cơ: Đoạn từ Ngã 3 TTBD Chính trị đến hết Khu Resort, bố trí 55 trụ đèn tròn cột;

- Hệ thống đèn trang trí đoạn từ Khu Resort đến dốc Công an, bố trí 40 trụ đèn trang trí.

- Hệ thống thoát nước: Bố trí 08 vị trí cống thoát nước phạm vi từ Khu Resort đến dốc Công an.

3. Dự án nhóm: Nhóm B.

4. Tổng mức đầu tư: 130.071.000.000 đồng (*Một trăm ba mươi tỷ, không trăm bảy mươi một triệu đồng chẵn*).

5. Nguồn vốn đầu tư:

- Ngân sách Trung ương: 125.071.000.000 đồng.

- Ngân sách tỉnh: 5.000.000.000 đồng.

6. Khả năng cân đối vốn: Không quá 04 (bốn) năm kể từ năm bố trí vốn để khởi công.

7. Thời gian thực hiện dự án: Khởi công trong giai đoạn 2021-2025.

8. Địa điểm thực hiện dự án: Thị trấn Liên Sơn, huyện Lắk, tỉnh Đắk Lắk./.

Phụ lục I.22**Dự án Hệ thống cấp nước cho thị trấn Liên Sơn
và các xã Đăk Liêng, xã Đăk Nuê, huyện Lăk**

(Kèm theo Nghị quyết số 08/NQ-HĐND ngày 19/3/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đăk Lăk)

1. Mục tiêu đầu tư:

- Giải quyết vấn đề thiếu nước trên phạm vi dự án, nhằm cải thiện đời sống - kinh tế - xã hội trong vùng. Giảm thiểu các bệnh liên quan đến việc sử dụng nước không đảm bảo chất lượng. Góp phần xây dựng nông thôn mới và thúc đẩy sự phát triển kinh tế, tạo công ăn việc làm cho người dân trong khi xây dựng dự án. Đảm bảo nguồn nước cung cấp cho khoảng 4.582 hộ dân hiện tại và cho 20 năm sau với tiêu chuẩn dùng nước 80 lít/người.ngày.đêm, chất lượng nước đảm bảo theo Quy chuẩn 01-2008/BYT của Bộ Y tế.

- Phát triển kinh tế kinh tế xã hội, hỗ trợ kinh tế địa phương phát triển thông qua các khoản thuế từ việc đầu tư xây dựng, quản lý vận hành.

- Từng bước ổn định và hoàn thiện việc cung ứng nước sạch cho đô thị và nông thôn theo Nghị định số 117/2007/NĐ-CP của Thủ tướng Chính phủ.

- Nhằm đảm bảo được nhu cầu thiết yếu sử dụng nước sạch hàng ngày cho nhân dân.

2. Nội dung và quy mô đầu tư:**2. 1. Các hạng mục đầu tư:**

- 01 hệ thống cấp nước

2. 2. Quy mô:

- Hệ thống cấp nước sinh hoạt tự chảy.

- Nguồn nước: Lấy nguồn tại đầu nguồn của suối Đăk Phoi ở tọa độ X = 1414418.5717; Y = 454843.1503; Z = 532.0.

- Chọn sơ đồ công nghệ.

Nước suối Đăk Phoi -> Bể lắng -> Bể lọc -> Bể chứa -> Khử trùng -> Mạng lưới đường ống -> Cấp cho dân.

- Số hộ áp dụng tính toán công suất: 4.582 hộ. Lưu lượng áp dụng tính toán là 80 lít/người.ngày.đêm.

Công suất lựa chọn để tính toán là: 4.000m³ngày.đêm.

Lưu lượng trung bình: $q = 4.000,0 \text{ m}^3/\text{ngđ} = 46 \text{ l/s}$.

- Chọn phương án thiết kế:

a) Đập dâng - Hồ thu nước:

b) Trạm xử lý.

c) Mạng lưới đường ống: Khối lượng các loại đường ống cấp nước: Tổng chiều dài đường ống đầu tư là 72,472 km

d) Kết nối hộ gia đình. Số hộ đăng ký và được đấu nối là 4.500 hộ với chiều dài đấu nối trung bình mỗi hộ từ 5 đến 10m bằng ống HDPE Ø21. Đồng hồ đo lưu lượng cấp độ C hoặc tương đương. Trụ vôi, van các loại.

đ) Đường vận hành: Nền đường đắp đất cấp phối, $K \geq 0,98$, nền đường rộng 4m, Lớp móng đá 4x6, dày 14cm, mặt đường bằng bê tông xi măng, rộng 3m, dày 14cm. Chiều dài 2Km.

e) Thiết bị: Thiết bị điện năng lượng mặt trời, bình tích điện áp 100KV-A. Máy khuấy hoá chất, máy châm hoá chất, hệ thống đấu nối, tủ điều khiển, đồng hồ, van giảm áp và các thiết bị không lắp đặt khác.

3. Dự án nhóm: Nhóm B.

4. Tổng mức đầu tư dự án: 90.000.000.000 đồng (*Chín mươi tỷ đồng chẵn*).

5. Nguồn vốn đầu tư: Ngân sách tỉnh.

6. Khả năng cân đối vốn: Không quá 04 (bốn) năm kể từ năm bố trí vốn để khởi công.

7. Thời gian thực hiện dự án: Khởi công trong giai đoạn 2021 - 2025.

8. Địa điểm thực hiện dự án: Thị trấn Liên Sơn, xã Đăk Liêng, xã Đăk Nuê, huyện Lăk./.

Phụ lục I.23**Dự án Nâng cấp vỉa hè, hệ thống điện bờ hồ
và trung tâm huyện phục vụ du lịch hồ Lắk**

(Kèm theo Nghị quyết số 08/NQ-HĐND ngày 19/3/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk)

1. Mục tiêu đầu tư: Phục vụ phát triển du lịch và chỉnh trang đô thị tại địa phương, từng bước hoàn thiện cơ sở hạ tầng huyện Lắk.

2. Quy mô đầu tư:

- Hoa viên Liên Sơn và Quảng trường: Lát gạch và cải tạo lại hệ thống điện chiếu sáng;

- Mở rộng vỉa hè và bố trí hệ thống điện chiếu sáng: Đường Âu Cơ (điểm đầu từ ngã 3 Y Ngông đến đường Nguyễn Huệ); Đường Y Ngông Niê (điểm đầu từ đường Âu Cơ đến ngã 3 đường Y Jút); Đường Y Jút (từ ngã 3 Y Ngông Niê đến bờ hồ Lắk); Đường Hùng Vương (Từ đường Âu Cơ đến đường Tôn Thất Tùng); Đường Trần Phú (Từ ngã 3 Nguyễn Thị Minh Khai đến đường Tôn Thất Tùng); Đường Lê Lai (Từ Quốc lộ 27 đến đường Lý Thường Kiệt); Đường Nguyễn Thị Minh Khai; Đường Lý Thường Kiệt (Từ đường Đinh Tiên Hoàng đi Yuk La); Đường Hai bà Trưng L=183m (từ QL 27 đến đường Lê Hồng Phong); Đường Trần Bình Trọng (từ đường Lý Thường Kiệt đến sân vận động); Đường Ngô Quyền (từ QL 27 đến đường Y Ngông Niê); Đường Phan Bội Châu (từ QL 27 đến Nơ Trang Long); Đường Nguyễn Du (từ QL 27 đến Nơ Trang Long);

3. Dự án nhóm: Nhóm C.

4. Tổng mức đầu tư dự án: 29.850.000.000 đồng (*Hai mươi chín tỷ, tám trăm năm mươi triệu đồng chẵn*).

5. Nguồn vốn đầu tư: Ngân sách tỉnh.

6. Khả năng cân đối vốn: Không quá 03 (ba) năm kể từ năm bố trí vốn để khởi công.

7. Thời gian thực hiện dự án: Khởi công trong giai đoạn 2021-2025.

8. Địa điểm thực hiện dự án: Thị trấn Liên Sơn, huyện Lắk, tỉnh Đắk Lắk./.

Phụ lục I.24**Dự án Đường ven hồ Lắc đoạn quanh điểm du lịch Buôn Jun,
thị trấn Liên Sơn, huyện Lắc**

(Kèm theo Nghị quyết số 08/NQ-HĐND ngày 19/3/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk)

1. Mục tiêu đầu tư: Nhằm bảo vệ tài nguyên du lịch, hạ tầng phục vụ du lịch tại điểm du lịch Buôn Jun cũng như khu vực trung tâm hồ Lắc, tạo điều kiện phát triển du lịch nói riêng, phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương nói chung.

2. Quy mô đầu tư:

* *Đường giao thông:*

- Cấp công trình: Cấp IV;

- Vận tốc thiết kế: $V_{tk}=30\text{km/h}$

- Chiều dài tuyến $L=766\text{ m}$; Bề rộng nền đường: $B_n=16,5\text{m}$; Bề rộng mặt đường $B_m=7,5\text{m}$;

- Vĩa hè: Chiều rộng vĩa hè phía lòng hồ có kết hợp bố trí dừng chân, tham quan thắng cảnh, ... rộng từ $(3,0;-15)\text{m}$; bên còn lại 3m ;

- Lan can, tay vịn: Bố trí dọc trên dầm đỉnh kè bờ hồ hệ thống lan can, tay vịn bằng thép không gỉ gia công tạo kiểu nhằm tăng tính thẩm mỹ;

- Diện tích đất sử dụng: Khoảng $2,1\text{ ha}$.

* *Hệ thống thoát nước:* Công thoát nước dọc tuyến bằng công tròn bê tông ly tâm đường kính $D60\text{cm}$; $D80\text{cm}$;

* *Gia cố mái taluy bờ hồ:* Gia cố quanh bờ hồ bằng tấm bê tông lắp ghép đúc sẵn trên lớp vữa đệm; chân khay mái taluy bằng bê tông xi măng trên hàng cọc đóng để chống trượt và chống xói mòn;

* *Hệ thống điện chiếu sáng:* Tháo dỡ, tận dụng, thay thế và lắp dựng lại khoảng 600m hệ thống đường dây hạ áp nằm trong phạm vi mặt đường và xây dựng mới khoảng 766m hệ thống chiếu sáng.

3. Dự án nhóm: Nhóm C.

4. Tổng mức đầu tư: $29.993.000.000$ đồng (*Hai mươi chín tỷ, chín trăm chín mươi ba triệu đồng chẵn*).

5. Nguồn vốn đầu tư: Ngân sách tỉnh.

6. Khả năng cân đối vốn: Không quá 03 (ba) năm kể từ năm bố trí vốn để khởi công.

7. Thời gian thực hiện dự án: Khởi công trong giai đoạn 2021-2025.

8. Địa điểm thực hiện dự án: Thị trấn Liên Sơn, huyện Lắc, tỉnh Đắk Lắk./.

Phụ lục I.25**Dự án Hệ thống cấp nước liên xã Cư Króa, xã Cư M'ta,
xã Krông Jing và thị trấn M'Drắk, huyện M'Drắk**

(Kèm theo Nghị quyết số 08/NQ-HĐND ngày 19/3/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk)

1. Mục tiêu đầu tư:

- Giải quyết vấn đề thiếu nước trong phạm vi dự án, nhằm cải thiện đời sống - kinh tế - xã hội trong vùng. Giảm thiểu các bệnh liên quan đến việc sử dụng nguồn nước không đảm bảo chất lượng. Góp phần xây dựng nông thôn mới và thúc đẩy sự phát triển kinh tế, tạo công ăn việc làm cho người dân trong khi xây dựng dự án. Đảm bảo nguồn nước cung cấp cho khoảng 24.363 người dân hiện tại và dự kiến cho 20 năm sau với tiêu chuẩn dùng nước 100 lít/người.ngày.đêm, chất lượng nước đảm bảo theo Quy chuẩn 01-2008/BYT của Bộ Y tế.

- Phát triển kinh tế của doanh nghiệp, hỗ trợ kinh tế địa phương phát triển thông qua các khoản thuế từ việc đầu tư xây dựng, quản lý vận hành.

2. Nội dung và quy mô đầu tư:

2.1. Nội dung đầu tư: Đầu tư xây dựng các hạng mục: Công trình thu, tuyến đường ống lấy nước thô; nhà máy xử lý nước; công nghệ xử lý nước; mạng lưới phân phối nước và đầu nối đồng hồ cho các hộ dân.

2.2. Quy mô đầu tư:

- Công trình công cộng, cấp III (phân cấp theo Thông tư 03/2016/TT-BXD của Bộ xây dựng Quy định về phân cấp công trình xây dựng và hướng dẫn áp dụng trong quản lý hoạt động đầu tư xây dựng).

- Cấp nước sinh hoạt tự chảy.

- Nguồn nước tự chảy: Lấy tại đầu nguồn của suối Thác bay.

- Chọn sơ đồ công nghệ.

Nước suối Thác bay -> Bể lắng -> Bể lọc -> Bể chứa -> Khử trùng -> Mạng lưới đường ống -> Cấp cho dân.

- Chọn phương án thiết kế:

+ Xây dựng công trình thu nước sở phía thượng nguồn của suối Thác bay: Tường ngăn ở dòng suối có lưu lượng nước nhiều bằng bê tông cốt thép, dạng đập tràn, có ống xả đáy, hồ thu nước.

+ Đường ống dẫn nước thô từ hồ thu về bể lắng, trạm xử lý: Bể ống thép tráng kẽm.

+ Công trình xử lý: Bể lắng có ngăn thu cặn khi keo tụ, ngăn có tấm lamen, ngăn lọc sơ bộ. Bể lọc chậm, bể chứa nước sạch. Hệ thống đường ống vào ra, xả cặn, bơm súc rửa,...

+ Thiết bị: Hệ thống khử trùng, châm hoá chất để keo tụ, máy bơm các loại và các thiết bị không lắp đặt.

+ Hệ thống mạng lưới đường ống: Tất cả sử dụng ống HDPE(PE100).

Trên các tuyến ống có bố trí các van điều tiết, xả khí, xả cặn. Các vị trí qua đường phải khoan kích và lòng ống thép bảo vệ ống. Trên tuyến ống chính về khu dân cư lắp 1 van giảm áp từ động giảm từ 8 bar xuống 3 bar ở giờ thấp điểm

3. Dự án nhóm: Nhóm B.

4. Tổng mức đầu tư dự án: 90.000.000.000 đồng (*Chín mươi tỷ đồng*).

5. Nguồn vốn đầu tư: Ngân sách tỉnh.

6. Khả năng cân đối vốn: Không quá 04 (bốn) năm kể từ năm bố trí vốn để khởi công.

7. Thời gian thực hiện dự án: Khởi công trong giai đoạn 2021-2025.

8. Địa điểm thực hiện dự án: Thị trấn M'Drăk, xã Cư Króa, xã Cư Mta và xã Krông Jing, huyện M'Drăk./.

Phụ lục I.26**Dự án Đường giao thông nông thôn liên xã từ buôn Kram,
xã Ea Tiêu đến thôn Cao Thắng, xã Ea Kao**

(Kèm theo Nghị quyết số 08/NQ-HĐND ngày 19/3/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk)

1. Mục tiêu đầu tư: Đáp ứng nhu cầu giao thông thông suốt, thuận lợi, phục vụ nhu cầu đi lại, thúc đẩy phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, đảm bảo quốc phòng - an ninh của địa phương; góp phần quan trọng trong việc hoàn chỉnh mạng lưới giao thông trong vùng; góp phần cùng với các công trình kiến trúc khác sẵn có của đô thị tạo nên vẻ mỹ quan của khu vực.

2. Quy mô đầu tư:

- Chiều dài tuyến khoảng 7,3km.

- Cấp thiết kế: Cấp IV miền núi.

- Vận tốc thiết kế: $V_{tk} = 40\text{Km/h}$.

- Mặt cắt ngang:

+ Bề rộng nền đường: $B_n = 7,5\text{m}$.

+ Bề rộng mặt đường: $B_m = 5,5\text{m}$.

+ Bề rộng lề đường: $B_l = 1\text{m} \times 2\text{bên} = 2\text{m}$.

- Kết cấu áo đường cấp cao A2, mô đun đàn hồi yêu cầu tối thiểu $E_{yc} > 91\text{Mpa}$, ứng với kết cấu mặt đường láng nhựa.

- Công trình thoát nước: Tải trọng thiết kế HL93.

- Hệ thống phòng hộ và hệ thống an toàn giao thông theo quy định.

3. Dự án nhóm: Nhóm C.

4. Tổng mức đầu tư: 21.000.000.000 đồng (*Hai mươi một tỷ đồng chẵn*).

5. Nguồn vốn đầu tư: Ngân sách tỉnh.

6. Khả năng cân đối vốn: Không quá 03 (ba) năm kể từ năm bố trí vốn để khởi công.

7. Thời gian thực hiện dự án: Khởi công trong giai đoạn 2021-2025.

8. Địa điểm thực hiện dự án: Thuộc địa phận xã Ea Tiêu, huyện Cư Kuin./.

Phụ lục I.27**Dự án Hồ chứa nước Ea Khít, xã Ea Bhốk, huyện Cư Kuin**

(Kèm theo Nghị quyết số 08/NQ-HĐND ngày 19/3/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk)

1. Mục tiêu đầu tư:

- Nhằm khai thác tổng hợp nguồn nước từ suối, đáp ứng nhu cầu dùng nước ngày càng cao cho sinh hoạt, sản xuất và chăn nuôi của khu vực, cải tạo khí hậu tiểu vùng và môi trường sinh thái khu vực, nâng cao mực nước ngầm, phát triển du lịch sinh thái, ... góp phần ổn định đời sống nhân dân và thúc đẩy phát triển đời sống kinh tế - xã hội cho địa phương.

- Khắc phục tình trạng thiếu nước trầm trọng về mùa khô và úng lụt về mùa mưa cho vùng hạ du công trình và khu vực phụ cận.

2. Nội dung và quy mô đầu tư:

+ Vị trí dự kiến xây dựng công trình có toạ độ VN2000: X = 0466.620; Y = 1387.100 thuộc địa bàn xã Ea Bhốk, huyện Cư Kuin.

+ Công trình có nhiệm vụ đảm bảo cung cấp nguồn nước tưới ổn định cho 240 ha cây trồng các loại trong đó gồm 60 ha lúa nước hai vụ, 120 ha cà phê kinh doanh và 60ha màu thuộc cánh đồng Lộ Nhưom, Lộ Thơm và cánh đồng Trần Sĩ thuộc xã Ea Bhốk, huyện Cư Kuin.

+ Cấp công trình Cấp II;

+ Tần suất đảm bảo cấp nước yêu cầu:

- Tần suất lũ thiết kế P=1,0%;

- Tần suất lũ kiểm tra P=0,2%;

- Mức đảm bảo tưới yêu cầu P= 85%.

+ Các thông số cơ bản của các hạng mục công trình:

- Hồ chứa:

* Diện tích lưu vực (F) 6,0 km²

* Tổng lượng dòng chảy đến P=85% (Wđến) 2.800x10³m³

* Tổng lượng nước dùng (Wdùng) 1.920x10³m³

* Mực nước dâng bình thường dự kiến (MNDBT) + 447,00 m

* Mực nước gia cường dự kiến (MNGC) + 448,50 m

* Dung tích hữu ích của hồ dự kiến (Vhi) 1.000x10³m³.

- Đập đất

* Cao trình đỉnh đập dự kiến + 450,00 m

* Chiều cao đập lớn nhất dự kiến 27,0 m

* Chiều dài đập (theo đỉnh đập) dự kiến khoảng 600,0 m
(Trong đó đập chính dài khoảng 200m, đập phụ dài khoảng 400m).

* Chiều rộng đỉnh đập dự kiến 6,0m

- Tràn xả lũ:

* Tràn xả lũ hình thức tràn có cửa van điều tiết và tiêu năng dòng chảy đáy.

* Cao trình ngưỡng tràn dự kiến + 447,00m

* Chiều rộng tràn dự kiến khoảng 7,50m

* Cột nước tràn thiết kế dự kiến 1,50m

* Lưu lượng xả thiết kế dự kiến $Q_{x\text{TK}}$ (P=1.0%) 64,0 m³/s.

- Công lấy nước

* Hình thức công lấy nước: Công ngầm chảy không áp hoặc bán áp.

* Cao trình ngưỡng công dự kiến 430,00 m

* Tiết diện công khoảng 600 mm

* Lưu lượng thiết kế dự kiến $Q_{TK\acute{e}}$ 0,340 m³/s.

- Kênh và công trình trên kênh.

3. Dự án nhóm: Nhóm B.

4. Tổng mức đầu tư dự án: 100.000.000.000 đồng (Một trăm tỷ đồng).

5. Nguồn vốn đầu tư:

- Ngân sách Trung ương: 96.000.000.000 đồng.

- Ngân sách tỉnh: 4.000.000.000 đồng.

6. Khả năng cân đối vốn: Không quá 04 (bốn) năm kể từ năm bố trí vốn để khởi công.

7. Thời gian thực hiện dự án: Khởi công trong giai đoạn 2021-2025.

8. Địa điểm thực hiện dự án: Xã Ea Bốc, huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk./.

Phụ lục I.28**Dự án Đường giao thông liên huyện Krông Năng đi Ea H'leo**

(Kèm theo Nghị quyết số 08/NQ-HĐND ngày 19/3/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk)

1. Mục tiêu đầu tư:

- Từng bước xây dựng hoàn chỉnh hệ thống đường giao thông liên huyện, tạo thành mạng lưới giao thông kết nối giữa Quốc lộ 29 với Quốc lộ 14, rút ngắn cự ly lưu thông giữa 02 huyện Krông Năng và Ea H'leo;

- Đáp ứng nhu cầu giao thông đi lại và lưu thông hàng hóa của nhân dân, tạo bước đột phá cho phát triển kinh tế - xã hội, góp phần đảm bảo an ninh trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn 02 huyện Krông Năng - Ea H'leo.

2. Nội dung và quy mô đầu tư:

- Năng lực đầu tư khoảng: $L = 27,3\text{Km}$.

- Cấp công trình: Cấp IV.

- Cấp thiết kế: Đường cấp IV (miền núi).

- Vận tốc thiết kế: $V_{tk} = 40\text{Km/h}$.

- Mặt cắt ngang:

+ Bề rộng nền đường: $B_n = 7,5\text{m}$;

+ Bề rộng mặt đường: $B_m = 5,5\text{m}$;

+ Bề rộng lề đường: $B_l = 1,0\text{m} \times 2\text{bên}$.

- Kết cấu mặt đường bằng bê tông nhựa nóng, $E_{yc} \geq 130\text{Mpa}$. Một số đoạn cục bộ, tuyến đi qua vùng thường xuyên chịu ảnh hưởng ngập lụt hàng năm và một số đoạn nền đường ẩm ướt thì xây dựng mặt đường bê tông xi măng.

- Công trình cầu, cống thoát nước: Tải trọng thiết kế: HL93.

- Hệ thống an toàn giao thông theo quy định.

3. Dự án nhóm: Nhóm B.

4. Tổng mức đầu tư dự án: 150.000.000.000 đồng (*Một trăm năm mươi tỷ đồng chẵn*).

5. Nguồn vốn đầu tư:

- Ngân sách Trung ương: 144.000.000.000 đồng.

- Ngân sách tỉnh: 6.000.000.000 đồng.

6. Khả năng cân đối vốn: Không quá 04 (bốn) năm kể từ năm bố trí vốn để khởi công.

7. Thời gian thực hiện dự án: Khởi công trong giai đoạn 2021-2025.

8. Địa điểm thực hiện dự án: Thuộc địa phận huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk./.

Phụ lục I.29**Dự án Đường giao thông từ Ea Hồ đi Tam Giang, huyện Krông Năng**

(Kèm theo Nghị quyết số 08/NQ-HĐND ngày 19/3/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk)

1. Mục tiêu đầu tư:

- Đầu tư xây dựng công trình nhằm đáp ứng nhu cầu vận tải, phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của huyện Krông Năng đặc biệt khu vực trung tâm thị trấn Krông Năng.

- Từng bước hình thành mạng lưới giao thông đô thị khu vực thị trấn Krông Năng với các khu vực xã Phú Lộc, Xã Ea Hồ và các xã lân cận tạo động lực phát triển, hình thành các khu đô thị mới, giảm áp lực hạ tầng tại khu vực trung tâm thị trấn Krông Năng, đảm bảo an toàn giao thông trên địa bàn huyện.

- Đáp ứng nhu cầu giao thông cấp bách hiện nay, giảm thiểu tai nạn giao thông, ô nhiễm môi trường, phục vụ mục đích an sinh xã hội, đảm bảo an ninh - quốc phòng.

- Góp phần đẩy nhanh tốc độ đô thị hoá và sự tăng trưởng kinh tế, phù hợp với kế hoạch và định hướng phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, cũng như của huyện Krông Năng.

2. Nội dung và quy mô đầu tư:

- Đầu tư xây dựng mới hệ thống nền, mặt đường, an toàn giao thông và các công trình trên tuyến phù hợp với qui mô của đường.

- Hình thức xây dựng : Xây dựng mới

- Loại công trình : Công trình giao thông.

- Cấp thiết kế đường : Đường cấp III – đồng bằng

- Tốc độ thiết kế : $V_{tk} = 80 \text{ Km/h}$

- Mặt cắt ngang: Theo TCVN 4054-2005 đường cấp III, tốc độ thiết kế $V_{tk}=80\text{km/h}$, có bề rộng mặt cắt ngang đường là: $9,0\text{m} = (3,5 \times 2 + 1,0 \times 2)\text{m}$ - Kết cấu mặt đường: Mặt đường cấp cao A1, mô đun đàn hồi tối thiểu $E_{vc} \geq 147\text{Mpa}$.

3. Dự án nhóm: Nhóm B.

4. Tổng mức đầu tư dự án: 140.000.000.000 đồng (*Một trăm bốn mươi tỷ đồng*).

5. Nguồn vốn đầu tư:

- Ngân sách Trung ương: 134.000.000.000 đồng.

- Ngân sách tỉnh: 6.000.000.000 đồng.

6. Khả năng cân đối vốn: Không quá 04 (bốn) năm kể từ năm bố trí vốn để khởi công.

7. Thời gian thực hiện dự án: Khởi công trong giai đoạn 2021-2025.

8. Địa điểm thực hiện dự án: Thị trấn Krông Năng, xã Phú Lộc, xã Ea Hồ, huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk./.

Phụ lục I.30**Dự án Đường giao thông nối từ Ngã ba Quảng Đại,
xã Ea Rốc đi Quốc lộ 14C, huyện Ea Súp**

(Kèm theo Nghị quyết số 08/NQ-HĐND ngày 19/3/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk)

1. Mục tiêu đầu tư:

- Đáp ứng nhu cầu về giao thông, tạo động lực phát triển kinh tế xã hội, đảm bảo an ninh quốc phòng, từng bước hoàn thiện mạng lưới giao thông trong khu vực.
- Đảm bảo hệ thống phòng thủ bảo vệ biên giới các tỉnh Tây Nguyên đạt hiệu quả. Kết nối với các đồn biên phòng 735; 737; 741; 739 và Đoàn kinh tế Quốc phòng 737 (thuộc Quân khu 5) được thuận lợi, hiệu quả, đáp ứng kịp thời về an ninh, quốc phòng của khu vực.
- Đảm bảo hình thành trục vận chuyển hàng hoá nông sản trong huyện đến xuất nhập khẩu với các nước trong khu vực.

2. Nội dung và quy mô đầu tư:

- Cấp thiết kế: Đường cấp IV.
- Cấp kỹ thuật: Cấp IV (miền núi).
- Tốc độ thiết kế: $V_{tk} = 40 \text{ Km/h}$.
- Chiều dài tuyến khoảng 7km.
- Quy mô cắt ngang:
 - + Bề rộng nền đường: $B_{nền} = 7,5\text{m}$;
 - + Bề rộng mặt đường: $B_{mặt} = 5,5\text{m}$;
 - + Bề rộng lề đường: $B_{lề} = 1\text{m} \times 2\text{bên} = 2\text{m}$.
- Kết cấu mặt đường: Mặt đường cấp cao A1, mô đun đàn hồi yêu cầu tối thiểu $E_{yc} \geq 130\text{Mpa}$.
- Khổ công trình cầu, cống: Thiết kế vĩnh cửu, quy mô phù hợp với quy mô nền đường.
- Hệ thống thoát nước và hệ thống an toàn giao thông theo quy định.

3. Dự án nhóm: Nhóm B.

4. Tổng mức đầu tư dự án: 100.000.000.000 đồng (*Một trăm tỷ đồng*).

5. Nguồn vốn đầu tư:

- Ngân sách Trung ương: 96.000.000.000 đồng.
- Ngân sách tỉnh: 4.000.000.000 đồng.

6. Khả năng cân đối vốn: Không quá 04 (bốn) năm kể từ năm bố trí vốn để khởi công.

7. Thời gian thực hiện dự án: Khởi công trong giai đoạn 2021-2025.

8. Địa điểm thực hiện dự án: Thuộc địa phận xã Ea Rốc và xã Ya Tờ Mốt, huyện Ea Súp, tỉnh Đắk Lắk./.

Phụ lục I.31**Dự án Đường giao thông từ trung tâm xã Ia Jloi đi Làng Thanh niên lập nghiệp xã Ia Lốp, huyện Ea Súp (Từ Km9+00 - Km11+050)**

(Kèm theo Nghị quyết số 08/NQ-HĐND ngày 19/3/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk)

1. Mục tiêu đầu tư: Đáp ứng nhu cầu giao thông an toàn, thuận lợi, tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội; đảm bảo an ninh quốc phòng và từng bước hoàn chỉnh hệ thống giao thông địa phương nói riêng và tỉnh Đắk Lắk nói chung.

2. Nội dung và quy mô đầu tư:

- Cấp công trình: Cấp III.

- Cấp kỹ thuật: Đường cấp IV miền núi.

- Vận tốc thiết kế: $V_{tk} = 40\text{Km/h}$.

- Tổng chiều dài tuyến khoảng: $L = 2,05\text{Km}$;

- Mặt cắt ngang:

+ Bề rộng nền đường: $B_n = 7,5\text{m}$;

+ Bề rộng mặt đường: $B_m = 5,5\text{m}$;

+ Bề rộng lề đường: $B_l = 1,0\text{m} \times 2\text{bên}$.

- Kết cấu áo đường Bê tông xi măng.

- Hệ thống thoát nước và hệ thống an toàn giao thông theo quy định.

3. Dự án nhóm: Nhóm C.

4. Tổng mức đầu tư dự án: 29.000.000.000 đồng (*Hai mươi chín tỷ đồng*).

5. Nguồn vốn đầu tư: Ngân sách tỉnh.

6. Khả năng cân đối vốn: Không quá 03 (ba) năm kể từ năm bố trí vốn để khởi công.

7. Thời gian thực hiện dự án: Khởi công trong giai đoạn 2021-2025.

8. Địa điểm thực hiện dự án: Xã Ea Rốk, huyện Ea Súp, tỉnh Đắk Lắk./.

Phụ lục I.32**Dự án Cải tạo, nâng cấp đường giao thông liên huyện Cư M'gar - Ea Súp**

(Kèm theo Nghị quyết số 08/NQ-HĐND ngày 19/3/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk)

1. Mục tiêu đầu tư:

- Tuyến đường kết nối khu tái định cư người H'Mông với các trung tâm hành chính xã Ea Kiết cũng như trung tâm huyện Cư M'gar và huyện Ea Súp. Hình thành mạng lưới giao thông khép kín liên hoàn nối Quốc lộ 29 với các tuyến giao thông khác như Tỉnh lộ 8, Tỉnh lộ 1; tạo điều kiện hấp dẫn cho các dự án khác, rút ngắn sự cách biệt giữa vùng kinh tế phát triển dọc theo Quốc lộ 29, huyện Cư M'gar và huyện Ea Súp;

- Từng bước hoàn thiện quy hoạch phát triển mạng lưới giao thông vận tải và quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội các tỉnh Đắk Lắk. Góp phần đưa tỉnh Đắk Lắk trở thành trung tâm vùng Tây Nguyên, là đầu mối giao lưu kinh tế - xã hội, văn hoá giữa Tây Nguyên với miền Đông Nam Bộ, duyên hải miền Trung; đồng thời là cực tăng trưởng tác động lan tỏa tới các tỉnh trong vùng, là trung tâm giao lưu, cửa ngõ và đầu mối giao lưu buôn bán hợp tác trong khu vực tam giác Việt Nam - Lào - Campuchia theo Kết luận số 67-KL/TW ngày 16/12/2019 của Bộ Chính trị.

2. Nội dung và quy mô đầu tư:

- Chiều dài tuyến đường: Khoảng 19,8 km.

- Vận tốc thiết kế $V_{tk} = 40$ km/h.

- Thiết kế theo tiêu chuẩn đường cấp IV miền núi – 2 làn xe, gồm:

+ Bề rộng nền đường: $B_{nền} = 7,50m$.

+ Bề rộng mặt đường gồm 2 làn xe: $B_{mặt} = 2 \times 2,75m = 5,5m$.

+ Bề rộng lề gia cố: $B_{dpc} = 2 \times 0,5m = 1,0m$.

+ Bề rộng lề đất: $B_{lề} = 2 \times 0,5m = 1,0m$.

- Quy mô phân cầu: Các cầu trên tuyến còn tốt, tận dụng hoàn toàn.

- Công trình thoát nước; Công trình phòng hộ và an toàn giao thông.

3. Dự án nhóm: Nhóm B.

4. Tổng mức đầu tư dự án: 190.000.000.000 đồng (*Một trăm chín mươi tỷ đồng*).

5. Nguồn vốn đầu tư:

- Ngân sách Trung ương: 184.000.000.000 đồng.

- Ngân sách tỉnh: 6.000.000.000 đồng.

6. Khả năng cân đối vốn: Không quá 04 (bốn) năm kể từ năm bố trí vốn để khởi công.

7. Thời gian thực hiện dự án: Khởi công trong giai đoạn 2021-2025.

8. Địa điểm thực hiện dự án: Huyện Cư M'gar và huyện Ea Súp, tỉnh Đắk Lắk./.

Phụ lục I.33**Dự án Đường giao thông liên huyện Cư M'gar - thị xã Buôn Hồ**

(Kèm theo Nghị quyết số 08/NQ-HĐND ngày 19/3/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk)

1. Mục tiêu đầu tư:

- Tuyến đường được đầu tư đồng bộ sẽ góp phần giảm tải cho tuyến đường Quốc lộ AH.17, Tỉnh lộ 8, đồng bộ mạng lưới đường giao thông; kết nối giao thông các xã, đồng thời định hình để phát triển mạng lưới đường khu vực tuyến đi qua; đảm bảo an toàn cho người và các phương tiện khi tham gia lưu thông trên tuyến.

- Đáp ứng nhu cầu đi lại, vận chuyển nguyên liệu, sản phẩm trong sản xuất và đời sống của người dân; từng bước hoàn thiện cơ sở hạ tầng giao thông; thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội và đảm bảo quốc phòng an ninh trong khu vực.

- Kết nối hai khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh (Cụm công nghiệp Tân An - Khu công nghiệp Phú Xuân); góp phần hoàn thiện tiêu chí số 2 về giao thông, tạo điều kiện cho hai xã Ea Đrong, xã Cuôr Đăng, có điều kiện đạt chuẩn Nông thôn mới vào thời gian tới.

2. Nội dung và quy mô đầu tư:

- Chiều dài tuyến: $L = 13\text{km}$.
- Cấp công trình: Cấp III.
- Cấp thiết kế: Đường cấp V miền núi.
- Vận tốc thiết kế: $V_{tk} = 40\text{km/h}$.
- Công trình thoát nước vĩnh cửu, tải trọng thiết kế: HL93.
- Mặt cắt ngang: Bề rộng nền đường: $B_n = 7,5\text{m}$; Bề rộng mặt đường: $B_m = 5,5\text{m}$; Bề rộng lề đường: $B_l = 1,0\text{m} \times 2 \text{ bên}$.
- Kết cấu mặt đường láng nhựa 3 lớp, tiêu chuẩn $4,5\text{kg/m}^2$.
- Hệ thống thoát nước và hệ thống an toàn giao thông (theo quy định).

3. Dự án nhóm: Nhóm C.

4. Tổng mức đầu tư dự án: 70.000.000.000 đồng (*Bảy mươi tỷ đồng chẵn*).

5. Nguồn vốn đầu tư: Ngân sách tỉnh.

6. Khả năng cân đối vốn: Không quá 03 (ba) năm kể từ năm bố trí vốn để khởi công.

7. Thời gian thực hiện dự án: Khởi công trong giai đoạn 2021-2025.

8. Địa điểm thực hiện dự án: Thuộc địa bàn huyện Cư M'gar và thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk.

Ghi chú: Chỉ được triển khai bước lập Báo cáo nghiên cứu khả thi khi được Bộ Giao thông vận tải có văn bản thống nhất cho phép đấu nối vào đường uy hoạch cao tốc theo quy định./.

Phụ lục I.34**Dự án Đường giao thông liên huyện Cư M'gar - huyện Ea H'leo
(đoạn từ Ea K'pam đi xã Ea Kuêh), huyện Cư M'gar**

(Kèm theo Nghị quyết số 08/NQ-HĐND ngày 19/3/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk)

1. Mục tiêu đầu tư:

- Hình thành mạng lưới giao thông, kết nối giữa huyện Cư M'gar và huyện Ea H'leo nói chung, tạo sự lưu thông thuận lợi giữa 3 xã Ea Kpam, Ea Tar, Ea Kuêh, huyện Cư M'gar và xã Ea Tir, huyện Ea H'Leo, tạo điều kiện phát triển vùng trung tâm, phía Bắc của huyện Cư M'gar nói riêng và tỉnh Đắk Lắk nói chung.

- Khai thác hiệu quả các dự án sản xuất nông, lâm sản, thực phẩm tinh chế trên địa bàn dự án đi qua. Tạo động lực thu hút đầu tư, nhằm khai thác hiệu quả đối với các nông sản như cà phê, hồ tiêu, các loại cây ăn trái, cây nông sản ngắn ngày.

- Đáp ứng nhu cầu về giao thông, tạo động lực phát triển kinh tế xã hội, đảm bảo an ninh quốc phòng, từng bước hoàn thiện mạng lưới giao thông trên địa bàn tỉnh. Góp phần thực hiện hoàn thành mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng - an ninh.

2. Nội dung và quy mô đầu tư:

- Đầu tư nâng cấp, sửa chữa đoạn đường từ nút giao Tỉnh lộ 8 đến trung tâm xã Ea Kuêh.

- Cấp thiết kế đường: Đường cấp IV.

- Cấp kỹ thuật: Cấp IV(miền núi).

- Tốc độ thiết kế $V_{tk} = 40$ Km/h.

- Kết cấu mặt đường bê tông nhựa chặt. Đối với các đoạn nền đường bị ngập, nền đường chịu ảnh hưởng của nước ngầm thì áp dụng kết cấu mặt đường bê tông xi măng.

- Giải pháp thiết kế cầu: Tận dụng lại các cầu trên tuyến đã được đầu tư, sửa chữa các hư hỏng đường 2 đầu cầu và thảm bê tông nhựa mặt cầu.

- Hệ thống thoát nước, an toàn giao thông, biển báo trên tuyến.

3. Dự án nhóm: Nhóm B.

4. Tổng mức đầu tư dự án: 140.000.000.000 đồng (*Một trăm tỷ đồng*).

5. Nguồn vốn đầu tư:

- Ngân sách Trung ương: 136.000.000.000 đồng.

- Ngân sách tỉnh: 4.000.000.000 đồng.

6. Khả năng cân đối vốn: Không quá 04 (bốn) năm kể từ năm bố trí vốn để khởi công.

7. Thời gian thực hiện dự án: Khởi công trong giai đoạn 2021-2025.

8. Địa điểm thực hiện dự án: Huyện Cư M'gar, tỉnh Đắk Lắk./.

Phụ lục I.35**Dự án Nâng cấp đường cơ động vào biên giới, các Đồn Biên phòng 735, 737 thuộc Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh Đắk Lắk**

(Kèm theo Nghị quyết số 08/NQ-HĐND ngày 19/3/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk)

1. Mục tiêu đầu tư:

- Xây dựng công trình đáp ứng nhu cầu giao thông, tạo điều kiện phát triển kinh tế xã hội và an ninh quốc phòng khu vực.
- Góp phần từng bước hoàn thiện hệ thống kết cấu hạ tầng giao thông trên địa bàn xã biên giới Ia Rvê huyện Ea Súp, tạo lợi ích trực tiếp, thúc đẩy việc phát triển kinh tế - xã hội, hoàn thành mục tiêu chung của huyện Ea Súp.
- Đáp ứng nhu cầu giao thông, vận tải hàng hóa, từng bước hoàn thiện quy hoạch mạng lưới giao thông huyện, tạo điều kiện phát triển kinh tế - Xã hội, đảm bảo an ninh Quốc phòng, mang lại vẻ đẹp mỹ quan.

2. Nội dung và quy mô đầu tư:

- Loại đường: Đường giao thông (theo TCVN 4054-2005);
- Cấp công trình: cấp VI
- Vận tốc thiết kế: 30 km/h.

Mặt đường:

- Mặt đường: Cấp cao A1 bê tông xi măng.
- Mô đun đàn hồi yêu cầu: $E_{yc} > 120 \text{ MPa}$;

*** Dự kiến năng lực đầu tư**

- Chiều rộng nền đường $B_{nền} = 6,5 \text{ m}$;
- Chiều rộng mặt đường: $B_{mặt} = 3,5 \text{ m}$;
- Chiều rộng lề: $B_{lề} = 1,5\text{m} \times 2 \text{ bên} = 3\text{m}$. Trong đó:
- + Lề gia cố giống mặt đường: $B_{lề \text{ gia cố}} = 1.0\text{m} \times 2 \text{ bên} = 2.0\text{m}$
- + Lề đất : $B_{lề \text{ đất}} = 0.5\text{m} \times 2 \text{ bên} = 1.0\text{m}$

- Kết cấu mặt đường: Kết cấu mặt đường cấp cao A1, BTXM đá 1x2 M350# dày 24cm; Móng đường: CPĐĐ loại 1 $D_{max} = 25\text{mm}$ dày 12cm $K=0.98$; Móng đường: CPĐĐ loại 2 $D_{max} = 37.5\text{mm}$ dày 12cm $K=0.98$; Nền đường: lu lèn chặt $K=0.98$

- Hệ thống thoát nước: Mương đất hình thang thoát nước dọc tuyến, bố trí cống ngang đường tại những vị trí còn thiếu hoặc đã hư hỏng, xuống cấp, tải trọng 0,65 HL93; một số vị trí đoạn tuyến bị ngập trong nước vào mùa mưa cần tiến hành gia cố mái taluy và chân khay.

- Hệ thống an toàn giao thông: Tuân theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về báo hiệu đường bộ QCVN 41:2019/BGTVT.

3. Dự án nhóm: Nhóm C.
4. Tổng mức đầu tư dự án: 60.000.000.000 đồng (*Sáu mươi tỷ đồng*).
5. Nguồn vốn đầu tư: Ngân sách tỉnh.
6. Khả năng cân đối vốn: Không quá 03 (ba) năm kể từ năm bố trí vốn để khởi công.
7. Thời gian thực hiện dự án: Khởi công trong giai đoạn 2021-2025.
8. Địa điểm thực hiện dự án: Huyện Ea Súp, tỉnh Đắk Lắk./.

Phụ lục I.36**Dự án Đường từ xã Krông Na - khu vực Đồn Biên phòng 749
ra biên giới, huyện Buôn Đôn**

(Kèm theo Nghị quyết số 08/NQ-HĐND ngày 19/3/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk)

1. Mục tiêu đầu tư:

- Xây dựng công trình đáp ứng nhu cầu giao thông, tạo điều kiện phát triển kinh tế xã hội và an ninh quốc phòng khu vực.
- Góp phần từng bước hoàn thiện hệ thống kết cấu hạ tầng giao thông trên địa bàn xã biên giới huyện Buôn Đôn, tạo lợi ích trực tiếp, thúc đẩy việc phát triển kinh tế - xã hội.
- Đáp ứng nhu cầu giao thông, vận tải hàng hóa, từng bước hoàn thiện quy hoạch mạng lưới giao thông huyện, tạo điều kiện phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo an ninh Quốc phòng, mang lại vẻ đẹp mỹ quan.

2. Nội dung và quy mô đầu tư:

Chiều dài tuyến 17,479km

a) Cấp hạng kỹ thuật:

- Cấp công trình: Cấp III;
- Loại công trình: Đường bộ;
- Cấp kỹ thuật: Cấp VI (Đồng bằng);
- Vận tốc thiết kế: 30Km/h.

b) Tiêu chuẩn kỹ thuật:

- Bề rộng nền: 6,5 m
- Chiều rộng nền đường: 6,5m; mặt đường: 3,5m; lề đường 1,5m x 2 bên.

c) Kết cấu áo đường: Cấp cao bê tông xi măng, cụ thể như sau:

- + Mặt đường bê tông xi măng đá 1x2 M300# dày 20cm.
- + Lớp ngăn cách lớp tạo phẳng bằng giấy dầu 2 lớp.
- + Móng dưới CPĐD loại 2 ($D_{max} = 37.5mm$), dày 18cm.
- + Nền đắp, nền đào hệ số lu lèn $K \geq 0,95$.
- Công trình thoát nước: Xây dựng vĩnh cửu, tải trọng thiết kế HL93.
 - + Cống tròn: 4 cống; khẩu độ $D = 100cm$; Ống cống bê tông cốt thép mác 200; tường đầu, tường cánh, thân, móng cống, sân cống bằng bê tông xi măng mác 200 đá 1x2 lắp ghép, đáy rãnh đổ tại chỗ.
 - + Rãnh dọc: tiết diện hình thang, đáy rộng 0,4m; sâu 0,5m (tính từ mặt đường), riêng các đoạn có độ dốc dọc $>4\%$ gia cố rãnh dọc bằng tấm lát bê tông xi măng mác 200 đá 1x2 lắp ghép, đáy rãnh đổ tại chỗ.

- Hệ thống báo hiệu và công trình phòng hộ:

+ Cọc tiêu: 520 bộ;

+ Biển báo hiệu: 16 bộ;

+ Cột Km: 17 cái.

3. Dự án nhóm: Nhóm B.

4. Tổng mức đầu tư dự án: 81.000.000.000 đồng (*Tám mươi một tỷ đồng*).

5. Nguồn vốn đầu tư:

- Ngân sách Trung ương: 76.000.000.000 đồng.

- Ngân sách tỉnh: 5.000.000.000 đồng.

6. Khả năng cân đối vốn: Không quá 04 (bốn) năm kể từ năm bố trí vốn để khởi công.

7. Thời gian thực hiện dự án: Khởi công trong giai đoạn 2021-2025.

8. Địa điểm thực hiện dự án: Xã Krông Na, huyện Buôn Đôn./.

Phụ lục I.37**Dự án Xây dựng hệ thống tường rào bảo vệ
Kho vũ khí - Đạn thuộc Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Đắk Lắk**

(Kèm theo Nghị quyết số 08/NQ-HĐND ngày 19/3/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk)

1. Mục tiêu đầu tư: Nhằm đảm bảo an ninh, an toàn, phục vụ cho công tác quản lý và bảo vệ Kho vũ khí, đạn.
2. Nội dung và quy mô đầu tư:
 - Chức năng và số lượng: Xây dựng hệ thống tường rào hoàn chỉnh cho toàn bộ khuôn viên đất rộng 450.000m² của Kho vũ khí, đạn thuộc Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Đắk Lắk.
 - Trụ kích thước 300x300, cao 1500, trên đỉnh gắn thép V30x30 cao 300; tường rào xây gạch ống XMCL VXM mac 75 dày 100, cao 1500; trên giăng dây kẽm gai cao 300; lăn sơn 3 nước.
 - Tổng chiều dài của tường rào khoảng 3.230m.
3. Dự án nhóm: Nhóm C.
4. Tổng mức đầu tư dự án: 10.000.000.000 đồng (*Mười tỷ đồng chẵn*).
5. Nguồn vốn đầu tư: Ngân sách tỉnh
6. Khả năng cân đối vốn: Không quá 03 (ba) năm kể từ năm bố trí vốn để khởi công.
7. Thời gian thực hiện dự án: Khởi công trong giai đoạn 2021-2025.
8. Địa điểm thực hiện dự án: Thôn 3, xã Hòa Tiến, huyện Krông Pắc./.

Phụ lục I.38**Dự án Hệ thống kênh và công trình trên kênh có $F_{\text{tươi}} < 150$ ha (địa bàn tỉnh Đắk Lắk) thuộc dự án Công trình thủy lợi Hồ chứa nước Ia Mơr - giai đoạn 2**

(Kèm theo Nghị quyết số 08/NQ-HĐND ngày 19/3/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk)

1. Mục tiêu đầu tư

- Hoàn thiện đồng bộ hệ thống kênh và công trình trên kênh, công trình thủy lợi hồ chứa nước Ia Mơr, đảm bảo cung cấp nước tưới cho khoảng 3.044 ha đất canh tác huyện Ea Súp, tỉnh Đắk Lắk.

- Thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh - quốc phòng.

2. Nội dung và quy mô đầu tư

- Cấp thiết kế: Cấp III.

- Tần suất đảm bảo cấp nước tưới: $P=85\%$.

- Nội dung quy mô đầu tư: Đầu tư xây dựng mới 55 tuyến kênh kết cấu BTCT với tổng chiều dài các tuyến kênh khoảng 50km phục vụ đảm bảo tưới cho khoảng 3.044 ha đất canh tác thuộc xã Ia Lốp, huyện Ea Súp, tỉnh Đắk Lắk.

- Kết cấu kênh:

+ Kênh kết cấu bằng BTCT M200 có mặt cắt chữ nhật, được chia thành các đơn nguyên dài 6m, liên kết giữa các đơn nguyên bằng khớp nối bao tải nhựa đường.

+ Các tuyến kênh kết hợp giao thông, bờ kênh kết hợp giao thông rộng tối thiểu 3,0m, bờ còn lại rộng tối thiểu 0,8m; các tuyến kênh không kết hợp giao thông hai bờ kênh rộng tối thiểu 0,8m.

- Công trình trên kênh: Bố trí các công trình trên kênh phù hợp đảm bảo các tuyến kênh phục vụ hiệu quả.

3. Dự án nhóm: Nhóm B.

4. Tổng mức đầu tư dự án: 114.000.000.000 đồng (*Một trăm mười bốn tỷ đồng*).

5. Nguồn vốn đầu tư:

- Ngân sách Trung ương: 110.000.000.000 đồng.

- Ngân sách tỉnh: 4.000.000.000 đồng.

6. Khả năng cân đối vốn: Không quá 04 (bốn) năm kể từ năm bố trí vốn để khởi công.

7. Thời gian thực hiện dự án: Khởi công trong giai đoạn 2021-2025.

8. Địa điểm thực hiện dự án: Xã Ia Lốp, huyện Ea Súp./.

Phụ lục I.39**Dự án Đường Tôn Đức Thắng (đoạn từ đường Nguyễn Đình Chiểu đến đường Trần Khánh Dư và đoạn từ đường Phan Trọng Tuệ đến đường Lê Quý Đôn), thành phố Buôn Ma Thuột**

(Kèm theo Nghị quyết số 08/NQ-HĐND ngày 19/3/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk)

1. Mục tiêu đầu tư:

- Xây dựng công trình để đáp ứng nhu cầu giao thông và tạo điều kiện phát triển kinh tế - xã hội; làm giảm ô nhiễm môi trường và tai nạn giao thông trong thành phố Buôn Ma Thuột, phân luồng giao thông và giảm hiện tượng ùn tắc do quá tải tại bùng binh Km3, phường Tân An .

- Thúc đẩy việc đầu tư xây dựng hệ thống giao thông trên địa bàn thành phố, phù hợp với định hướng phát triển cơ sở hạ tầng của tỉnh; Tạo điều kiện cho việc gắn liền các trung tâm, các cụm dân cư và các buôn đồng bào dân tộc với nhau.

- Đáp ứng nhu cầu vận chuyển hành hóa và giao lưu văn hoá của Nhân dân trong vùng. Góp phần đảm bảo an ninh quốc phòng trong vùng thành phố Buôn Ma Thuột và các khu vực lân cận.

2. Nội dung và quy mô đầu tư:

- Chiều dài tuyến đường: 1.228 m, gồm 02 đoạn.

Đoạn 1: L=310m

+ Điểm đầu: Km0+00_ giao với đường Nguyễn Đình Chiểu.

+ Điểm cuối: Km0+310_ giao với đường Trần Khánh Dư.

Đoạn 2: L=898m

+ Điểm đầu: Km0+617_ giao với đường Phan Trọng Tuệ.

+ Điểm cuối: Km1+515_ giao với đường Lê Quý Đôn.

- Loại công trình: Công trình giao thông (đường bộ).

- Cấp công trình: Cấp III.

- Cấp kỹ thuật của đường đô thị: Cấp 40 ($V_{tk}=40\text{Km/h}$).

- Chỉ giới đường đỏ = chỉ giới xây dựng theo quy hoạch $B_{đđ}=B_{xd}=30\text{m}$, lòng đường rộng 14m, vỉa hè $8\text{m} \times 2$ bên.

- Kết cấu áo đường cấp cao A1.

- Kết cấu mặt đường dự kiến: Mặt đường bê tông nhựa nóng.

- Hệ thống thoát nước:

+ Tải trọng thiết kế: HL-93 bố trí theo quy hoạch được phê duyệt.

+ Công ngang, dọc: Sử dụng công tròn, cấu tạo BTCT công nghệ quay ly tâm kết hợp va rung.

+ Giếng thu, giếng thăm bằng BTCT.

- Hệ thống điện sinh hoạt, chiếu sáng, vỉa hè, cây xanh, cấp nước: Đầu tư mới theo tuyến.

3. Dự án nhóm: Nhóm B

4. Tổng mức đầu tư dự án: 565.000.000.000 đồng (*Năm trăm sáu mươi lăm tỷ đồng*).

5. Nguồn vốn đầu tư: Ngân sách tỉnh

6. Khả năng cân đối vốn: Không quá 04 (bốn) năm kể từ năm bố trí vốn để khởi công.

7. Thời gian thực hiện dự án: Khởi công trong giai đoạn 2021-2025.

8. Địa điểm thực hiện dự án: Phường Tân Lợi và phường Tân An, thành phố Buôn Ma Thuột./.

Phụ lục I.40**Dự án Đường Nguyễn Tri Phương nối dài đến đường Vành đai phía Tây, thành phố Buôn Ma Thuột**

(Kèm theo Nghị quyết số 08/NQ-HĐND ngày 19/3/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk)

1. Mục tiêu đầu tư:

- Hình thành mạng lưới giao thông, kết nối giữa trung tâm thành phố Buôn Ma Thuột với trung tâm xã Cư E Bur và các khu vực lân cận.

- Đảm bảo hình thành các khu đô thị, dân cư và thúc đẩy hình thành và mở rộng các trung tâm thương mại, dịch vụ khu vực trung tâm thành phố Buôn Ma Thuột.

- Đáp ứng nhu cầu về giao thông, tạo động lực phát triển kinh tế xã hội, đảm bảo an ninh quốc phòng, từng bước hoàn thiện mạng lưới giao thông trên địa bàn tỉnh. Góp phần thực hiện hoàn thành mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng - an ninh.

2. Nội dung và quy mô đầu tư:**a) Phân loại công trình và hình thức đầu tư:**

- Chiều dài tuyến dự kiến: $L = 1,2\text{km}$.

- Loại đường : Đường phố chính thứ yếu

- Cấp công trình : Cấp II

- Cấp kỹ thuật : Cấp 50

- Vận tốc thiết kế : 50 km/h .

- Kết cấu mặt đường : Mô đun đàn hồi tối thiểu: $E_{yc} \geq 155\text{Mpa}$; Mặt đường cấp cao A1.

- Tải trọng thiết kế công trình thoát nước: HL93

- Mặt cắt ngang: Tuân thủ theo Quyết định số 06/2010/QĐ-UBND ngày 08/02/2010 của UBND tỉnh Đắk Lắk về việc ban hành quy định chỉ giới đường đỏ, kích thước mặt cắt ngang quy hoạch một số tuyến đường giao thông đô thị tại thành phố Buôn Ma Thuột, cụ thể như sau:

+ Bề rộng nền đường: $B_{nd} = 18\text{ m}$

+ Bề rộng mặt đường: $B_{mđ} = 9\text{ m}$

+ Bề rộng vỉa hè: $B_{vh} = 4,5\text{m} \times 2\text{ bên}$

* Hình thức đầu tư: Đầu tư xây dựng mới

b) Quy mô đầu tư: Đầu tư xây dựng đồng bộ theo quy hoạch được duyệt: Nền, móng, mặt đường, vỉa hè, hệ thống thoát nước, cây xanh, điện chiếu sáng và tổ chức giao thông.

3. Dự án nhóm: Nhóm B.

4. Tổng mức đầu tư dự án: 110.000.000.000 đồng (*Một trăm mười tỷ đồng*).
5. Nguồn vốn đầu tư: Ngân sách tỉnh
6. Khả năng cân đối vốn: Không quá 04 (bốn) năm kể từ năm bố trí vốn để khởi công.
7. Thời gian thực hiện dự án: Khởi công trong giai đoạn 2021-2025.
8. Địa điểm thực hiện dự án: Thành phố Buôn Ma Thuột./.

Phụ lục I.41**Dự án Đường Nguyễn Đình Chiểu nối dài, thành phố Buôn Ma Thuột**

(Kèm theo Nghị quyết số 08/NQ-HĐND ngày 19/3/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk)

1. Mục tiêu đầu tư:

- Đáp ứng nhu cầu đi lại thuận tiện của người dân trong khu vực, góp phần giảm ùn tắc giao thông, giảm thiểu ô nhiễm môi trường và tai nạn giao thông trong thành phố Buôn Ma Thuột, đáp ứng nhu cầu vận chuyển hàng hóa và giao lưu văn hoá của nhân dân trong vùng và góp phần đảm bảo an ninh quốc phòng trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột và các khu vực lân cận.

- Tiềm đề để phát triển các cơ sở hạ tầng, phát triển sự nghiệp giáo dục, y tế, du lịch, thúc đẩy việc đầu tư xây dựng hệ thống giao thông trên địa bàn thành phố, phù hợp với định hướng phát triển cơ sở hạ tầng của tỉnh trong những năm đến.

- Tạo điều kiện phát triển kinh tế nông nghiệp, công nghiệp, lâm nghiệp và dịch vụ, nhu cầu vận chuyển hàng hóa, đáp ứng nhu cầu vận chuyển hành hóa và giao lưu văn hoá của nhân dân trong vùng.

- Đáp ứng được tâm tư nguyện vọng chính sách của Đảng và nhà nước về xây dựng các Tỉnh miền núi.

- Tuyến đường có vị trí quan trọng và có ý nghĩa rất lớn trong việc phát triển kinh tế, an ninh quốc phòng khu vực.

2. Nội dung và quy mô đầu tư: Đầu tư xây dựng đồng bộ theo quy hoạch được duyệt: Nền, móng, mặt đường, bó vỉa, hệ thống thoát nước, công trình trên tuyến, điện chiếu sáng và hệ thống an toàn giao thông, cây xanh.

- Chiều dài tuyến dự kiến: $L = 1616,04\text{m}$;

- Loại đường : Đường phố chính thứ yếu

- Cấp công trình : Cấp II

- Cấp kỹ thuật : Cấp 50

- Vận tốc thiết kế : 50 km/h.

- Kết cấu mặt đường : Mô đun đàn hồi tối thiểu: $E_{yc} \geq 155\text{Mpa}$; Mặt đường cấp cao A1.

- Tải trọng thiết kế công trình thoát nước: HL93

- Mặt cắt ngang: Tuân thủ theo Quyết định số 06/2010/QĐ-UBND ngày 08/02/2010 của UBND tỉnh Đắk Lắk về việc ban hành quy định chỉ giới đường đỏ, kích thước mặt cắt ngang quy hoạch một số tuyến đường giao thông đô thị tại thành phố Buôn Ma Thuột, cụ thể như sau:

+ Bề rộng nền đường: $B_{nd} = 24\text{ m}$

+ Bề rộng mặt đường: $B_{md} = 14\text{ m}$

(i) Phần mặt bê tông nhựa: $B_m = 13,4\text{ m}$

(ii) Phần rãnh đan thu nước: $0,3\text{ m} \times 2\text{ bên} = 0,6\text{ m}$.

+ Bề rộng vỉa hè: $B_{vh} = 5\text{ m} \times 2\text{ bên}$

(iii) Phần gờ bó vỉa bê tông 2 bên: $0,3\text{ m} \times 2\text{ bên} = 0,6\text{ m}$.

- Công trình trên tuyến: Phù hợp với quy mô đường

- Hình thức đầu tư: Đầu tư xây dựng mới.

3. Dự án nhóm: Nhóm B.

4. Tổng mức đầu tư dự án: 280.767.000.000 đồng (*Hai trăm tám mươi tỷ, bảy trăm sáu mươi bảy triệu đồng*).

5. Nguồn vốn đầu tư: Ngân sách tỉnh.

6. Khả năng cân đối vốn: Không quá 04 (bốn) năm kể từ năm bố trí vốn để khởi công.

7. Thời gian thực hiện dự án: Khởi công trong giai đoạn 2021-2025.

8. Địa điểm thực hiện dự án: Thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk./.

Phụ lục I.42**Dự án Trục đường số 14 thuộc quy hoạch phân khu 1/2000 khu đô thị mới Đồi Thủy Văn (đoạn từ cuối đường Ama Khê đến đường Đông Tây), thành phố Buôn Ma Thuột**

(Kèm theo Nghị quyết số 08/NQ-HĐND ngày 19/3/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk)

1. Mục tiêu đầu tư: Xây dựng công trình để kết nối các trục đường chính trung tâm thành phố với khu đô thị mới Đồi thủy văn; bệnh viện vùng Tây Nguyên, đáp ứng nhu cầu giao thông và tạo điều kiện phát triển kinh tế - xã hội; làm giảm ô nhiễm môi trường và tai nạn giao thông trong thành phố Buôn Ma Thuột. Thúc đẩy việc đầu tư xây dựng hệ thống giao thông trên địa bàn thành phố, phù hợp với định hướng phát triển cơ sở hạ tầng của tỉnh. Góp phần đảm bảo an ninh Quốc phòng, mang lại vẻ đẹp mỹ quan đô thị.

2. Nội dung và quy mô đầu tư:

- Cấp công trình: Cấp III
- Loại đường: Đường chính khu vực
- Cấp kỹ thuật của đường: Cấp 40 ($V_{tk} = 40\text{Km/h}$);
- Tổng chiều dài tuyến đường đề xuất đầu tư: $L = (1.967\text{m} - 456\text{m}) = 1.511\text{m}$.
- + Điểm đầu: Tại cuối đường Ama Khê.
- + Điểm cuối: Nối vào đường Đông Tây.

Trong đó: Chiều dài $L=456\text{m}$ trùng với dự án đường Bao quanh hồ thuộc dự án Hồ Thủy Lợi Ea Tam đang triển khai;

- Mặt cắt ngang đầu tư: Đường N14 (nối đến đường Đông Tây): Mặt đường rộng 18m; vỉa hè 6,0m x 2 bên = 12m; Đoạn nối từ Ama Khê đến đường N14 (mặt đường rộng 10m; vỉa hè 4,0m x 2 bên = 8m).

- Kết cấu áo đường: Cấp cao A1.
- Kết cấu mặt đường dự kiến: Mặt đường bê tông nhựa chặt, nóng.
- Hệ thống thoát nước: Tải trọng thiết kế: 0.65HL93 và HL-93;
- Hệ thống điện; vỉa hè, cây xanh.
- Hệ thống an toàn giao thông theo QCVN 41-2019.

3. Dự án nhóm: Nhóm B.

4. Tổng mức đầu tư dự án: 180.000.000.000 đồng (*Một trăm tám mươi tỷ đồng*).

5. Nguồn vốn đầu tư: Ngân sách tỉnh

6. Khả năng cân đối vốn: Không quá 04 (bốn) năm kể từ năm bố trí vốn để khởi công.

7. Thời gian thực hiện dự án: Khởi công trong giai đoạn 2021-2025.

8. Địa điểm thực hiện dự án: Phường Tự An, phường Tân Lập, thành phố Buôn Ma Thuột./.

Phụ lục I.43**Dự án Cải tạo, nâng cấp đường Trần Phú,
thành phố Buôn Ma Thuột (đoạn nối dài)**

(Kèm theo Nghị quyết số 08/NQ-HĐND ngày 19/3/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk)

1. Mục tiêu đầu tư:

- Cải tạo, nâng cấp đường Trần Phú đoạn nối dài nhằm phát huy hết chức năng là đường phố gom của toàn tuyến đường Trần Phú và hoàn thiện cơ sở hạ tầng đô thị, từng bước cải tạo, chỉnh trang đô thị, đồng thời tạo quỹ đất thu hút các nguồn lực đầu tư và tạo điều kiện hình thành các khu phát triển quỹ đất ở, bán đấu giá quyền sử dụng đất bổ sung ngân sách nhà nước.

- Xây dựng công trình để đáp ứng nhu cầu giao thông, tạo cảnh quan và tạo điều kiện phát triển kinh tế – xã hội, góp phần đảm bảo an ninh quốc phòng khu vực.

- Tạo tiền đề chuyển dịch cơ cấu lao động nông thôn, hằng năm thu hút lao động lao động sang làm các ngành, nghề: Du lịch, dịch vụ;

- Từng bước hoàn chỉnh hệ thống hạ tầng trên địa bàn thành phố đã được cấp có thẩm quyền quy hoạch và phê duyệt.

2. Nội dung và quy mô đầu tư:**a) Phân loại công trình và hình thức đầu tư:**

- Loại công trình : Công trình giao thông
- Cấp công trình : Cấp III
- Hình thức đầu tư : Cải tạo, nâng cấp
- Diện tích xây dựng : 1,95 Ha

b) Quy mô đầu tư:

Đầu tư xây dựng đồng bộ theo quy hoạch được duyệt: Nền, móng mặt đường, vỉa hè, cây xanh, hệ thống thoát nước, công trình trên tuyến, hệ thống an toàn giao thông; Cải tạo, di dời hệ thống điện hạ áp và xây dựng mới hệ thống điện chiếu sáng; Cải tạo, di dời hệ thống cấp nước.

- Chiều dài tuyến dự kiến: 1.041m

- Loại đường : Đường khu vực

- Cấp công trình : Cấp III

- Vận tốc thiết kế : $V_{tk} = 40 \text{ km/h}$

- Kết cấu mặt đường : Mô đun đàn hồi tối thiểu $E_{yc} \geq 120 \text{ Mpa}$; Mặt đường cấp cao A1.

- Hệ thống thoát nước : Quy mô vĩnh cửu bằng bê tông và bê tông cốt thép, tải trọng thiết kế công trình thoát nước: HL93.

- Mặt cắt ngang:

- + Bề rộng nền đường : Bn=18,0m
- + Bề rộng mặt đường : Bm=9,0m
- + Bề rộng vỉa hè : Bvh=4,5m x 2bên

3. Dự án nhóm: Nhóm C.

4. Tổng mức đầu tư dự án: 37.000.000.000 đồng (*Ba mươi bảy tỷ đồng chẵn*).

5. Nguồn vốn đầu tư: Ngân sách tỉnh.

6. Khả năng cân đối vốn: Không quá 03 (ba) năm kể từ năm bố trí vốn để khởi công.

7. Thời gian thực hiện dự án: Khởi công trong giai đoạn 2021-2023.

8. Địa điểm thực hiện dự án: Thành phố Buôn Ma Thuột./.

Phụ lục I.44**Dự án Cải tạo, nâng cấp hệ thống điện chiếu sáng công cộng tại một số tuyến trạm trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột**

(Kèm theo Nghị quyết số 08/NQ-HĐND ngày 19/3/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk)

1. Mục tiêu đầu tư:

- Cải tạo, nâng cấp hệ thống điện chiếu sáng mới nhằm tiết giảm về công suất chiếu sáng, giảm lượng điện năng tiêu thụ hàng năm mang lại hiệu quả cao về kinh tế, đảm bảo ánh sáng chiếu sáng về ban đêm, phục vụ cho người dân tham gia giao thông trong khu vực cũng như trên địa bàn Thành phố.

- Tạo mỹ quan, không gian đô thị sạch đẹp, an toàn, cải thiện đời sống tinh thần, nâng cao chất lượng cuộc sống cho cộng đồng.

- Tuyến chiếu sáng quan trọng và có ý nghĩa rất lớn trong việc thúc đẩy phát triển kinh tế, xã hội, đảm bảo an ninh quốc phòng trong thành phố Buôn Ma Thuột.

2. Nội dung và quy mô đầu tư:**a) Nội dung đầu tư:**

- Hình thức xây dựng: Cải tạo, nâng cấp.

- Chiều dài dự kiến đầu tư: 9,893 km.

- Nội dung đầu tư:

+ Cải tạo thay thế các trụ đèn chiếu sáng

+ Thay đèn chiếu sáng cao áp thành đèn Led.

+ Thay hệ thống cáp ngầm.

+ Thay tủ điều khiển chiếu sáng.

b) Quy mô đầu tư:

+ Tổng chiều dài các trục đường tuyến chiếu sáng cải tạo : 9.893 mét.

Trong đó sử dụng các thiết bị chủ yếu như sau:

- | | |
|---|---------------|
| - Đèn Led; IP66 loại 50/80/100/120/150W/220V | : 228 bộ. |
| - Tổng số cần đèn xây dựng mới | : 207 bộ. |
| - Cáp ngầm Cu/XLPE/PVC/DSTA(3x16+1x10)mm ² | : 12.040 mét. |
| - Dây dẫn lên đèn CXV(2x1,5)mm ² | : 2.938 mét. |
| - Mương cáp ngầm 1 mạch | : 8.917 mét. |
| - Kích ống qua đường | : 59 vị trí. |
| - Tủ điều khiển chiếu sáng tự động LOGO | : 04 tủ. |
| - Cột thép tròn côn 9 mét | : 207 Cột. |

- Móng cột MĐ-2 : 207 móng.

- Tiếp địa LR-1 : 207 vị trí.

- Dây cáp đi trong ống nhựa HPDE, mương cáp rải cát vàng, gạch thẻ và lớp băng bảo hiệu.

3. Dự án nhóm: Nhóm C.

4. Tổng mức đầu tư dự án: 20.000.000.000 đồng (*Hai mươi tỷ đồng*).

5. Nguồn vốn đầu tư: Ngân sách tỉnh.

6. Khả năng cân đối vốn: Không quá 03 (ba) năm kể từ năm bố trí vốn để khởi công.

7. Thời gian thực hiện dự án: Khởi công trong giai đoạn 2021-2025.

8. Địa điểm thực hiện dự án: Thành phố Buôn Ma Thuột, gồm các tuyến đường: Lê Duẩn, Phan Chu Trinh, Phan Bội Châu, Hoàng Diệu, Nguyễn Đức Cảnh, Hai Bà Trưng, Lý Thường Kiệt, Y Jút, Điện Biên Phủ, Nơ Trang Long./.

Phụ lục I.45**Dự án Xây dựng hạ tầng chuyển đổi số tỉnh Đắk Lắk
giai đoạn 2021-2025 và định hướng năm 2030**

(Kèm theo Nghị quyết số 08/NQ-HĐND ngày 19/3/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk)

1. Mục tiêu đầu tư:

- Xây dựng hạ tầng và nền tảng số tập trung, thống nhất của tỉnh Đắk Lắk để phục vụ kế hoạch chuyển đổi số và xây dựng đô thị thông minh của tỉnh, xây dựng chính quyền điện tử, hướng đến chính quyền số góp phần đẩy mạnh cải cách hành chính, cung cấp dịch vụ đa dạng và chất lượng cho người dân và tạo điều kiện cho các doanh nghiệp cung cấp các dịch vụ cho cộng đồng. Tăng cường đảm bảo an toàn, an ninh trên không gian mạng một cách tập trung và đồng bộ.

- Tạo bước đột phá trong thay đổi phương thức quản lý, chỉ đạo, điều hành dựa trên dữ liệu thời gian thực và nâng cao năng lực cung cấp các dịch vụ công và dịch vụ tiện ích chất lượng và kịp thời phục vụ người dân và doanh nghiệp trên nền tảng hạ tầng số.

- Xây dựng Trung tâm điều hành của tỉnh đảm bảo thu thập, kết nối thông tin, số liệu từ các hệ thống IoT, từ các cơ sở dữ liệu của các ngành, các cấp một cách liên tục; xây dựng kho dữ liệu, thông tin tổng hợp chung và chi tiết về lĩnh vực chuyên môn của các sở, ngành, huyện. Đảm bảo ứng dụng các công cụ hiện đại AI/BI để phân tích, dự báo và hỗ trợ lãnh đạo ra quyết định và tạo lập Data Open.

- Tích hợp các CSDL của tỉnh thông qua một nền tảng chung thống nhất, đảm bảo tích hợp, liên thông với các hệ thống trong và ngoài tỉnh theo kiến trúc đã được UBND tỉnh phê duyệt và các hướng dẫn của Bộ Thông tin truyền thông;

- Xây dựng một nền tảng phân tích bảo mật toàn diện, không điểm mù cho phép triển khai các hệ thống giám sát bảo mật trên diện rộng từ trung tâm đến toàn bộ các sở, ban, ngành, đơn vị trực thuộc trên nhiều môi trường mạng và các nền tảng hệ điều hành khác nhau một cách đơn giản, nhanh chóng và đạt hiệu quả cao.

- Đào tạo, chuyển giao cho đội ngũ cán bộ quản trị vận hành, khai thác sử dụng hiệu quả hệ thống trang thiết bị, phần mềm, hệ thống mạng của trung tâm điều hành. Đào tạo nghiệp vụ, phần mềm cho đội cán bộ, công nhân viên để có thể sử dụng được hệ thống Trung tâm giám sát, điều hành thông minh và An toàn thông tin.

2. Nội dung và quy mô đầu tư:

Xây dựng cơ sở hạ tầng, phần mềm nền tảng ĐTTM tỉnh Đắk Lắk (SCP) đạt tiêu chuẩn theo Công văn số 4176/BTTTT-THH của Bộ Thông tin và Truyền thông

- Nâng cấp Trung tâm điều hành ĐTTM (IOC) đạt tiêu chuẩn theo công văn 328/THH-DVCNTT của Cục Tin học hóa.

- Xây dựng nền tảng tích hợp chia sẻ dữ liệu LGSP, Các hệ thống cơ sở dữ liệu nền và hệ thống lưu trữ cơ sở dữ liệu tập trung (Data Warehouse).

- Xây dựng hệ thống giám sát, điều hành an toàn, an ninh mạng (SOC).

Các nhiệm vụ xây dựng ứng dụng ĐTTM trong các lĩnh vực, sẽ được dự án đảm bảo dịch vụ hạ tầng và dịch vụ an toàn bảo mật:

- Đảm bảo hạ tầng và an toàn bảo mật cho xây dựng tiện ích, dịch vụ ĐTTM trong lĩnh vực Quản lý quy hoạch đô thị.

- Đảm bảo hạ tầng và an toàn bảo mật cho ứng dụng phục vụ trong lĩnh vực an ninh, an toàn.

- Đảm bảo hạ tầng và an toàn bảo mật cho ứng dụng phục vụ Tài nguyên môi trường thông minh.

- Đảm bảo hạ tầng và an toàn bảo mật cho ứng dụng phục vụ du lịch thông minh.

- Đảm bảo hạ tầng và an toàn bảo mật cho ứng dụng phục vụ giáo dục thông minh.

- Đảm bảo hạ tầng và an toàn bảo mật cho ứng dụng phục vụ Y tế thông minh.

- Đảm bảo hạ tầng và an toàn bảo mật cho ứng dụng phục vụ Giao thông thông minh.

- Đảm bảo hạ tầng và an toàn bảo mật cho xây dựng hệ thống nông nghiệp thông minh tỉnh Đắk Lắk.

3. Dự án nhóm: Nhóm B.

4. Tổng mức đầu tư dự án: 330.000.000.000 đồng (*Ba trăm ba mươi tỷ đồng*).

5. Nguồn vốn đầu tư:

- Ngân sách Trung ương: 317.000.000.000 đồng.

- Ngân sách tỉnh: 13.000.000.000 đồng.

6. Khả năng cân đối vốn: Không quá 04 (bốn) năm kể từ năm bố trí vốn để khởi công.

7. Thời gian thực hiện dự án: Khởi công trong giai đoạn 2021-2025.

8. Địa điểm thực hiện dự án: Thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk./.

Phụ lục II**Quyết định chủ trương đầu tư các Dự án tạo nguồn thu ngân sách từ quỹ đất của tỉnh**

(Kèm theo Nghị quyết số 08/NQ-HĐND ngày 19/3/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk)

STT	Tên dự án	Tổng mức đầu tư (đồng)	Ghi chú	Số báo cáo thẩm định
1	Hạ tầng kỹ thuật Khu đất đường Thủ Khoa Huân, thành phố Buôn Ma Thuột (phía Tây)	247,079,000,000	Chi tiết tại Phụ lục II.1	
2	Hạ tầng kỹ thuật Khu đất đường Thủ Khoa Huân, thành phố Buôn Ma Thuột (phía Đông)	259,192,000,000	Chi tiết tại Phụ lục II.2	
3	Hạ tầng kỹ thuật Khu ở mới thuộc thị trấn Ea Pôk, huyện Cư M'gar, tỉnh Đắk Lắk (giai đoạn 3)	46,500,000,000	Chi tiết tại Phụ lục II.3	

Phụ lục II.1**Dự án Hạ tầng kỹ thuật Khu đất đường Thủ Khoa Huân,
thành phố Buôn Ma Thuột (phía Tây)**

(Kèm theo Nghị quyết số 08/NQ-HĐND ngày 19/3/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk)

1. Mục tiêu đầu tư:

- Xây dựng khu dân cư đô thị theo quy hoạch tỷ lệ 1/500 được duyệt, nhằm giải quyết đất ở đầu giá quyền sử dụng đất tạo nguồn thu cho ngân sách cho tỉnh; từng bước hoàn thiện hệ thống hạ tầng khu dân cư ngày càng khang trang, sạch đẹp; phục vụ nhu cầu về nhà ở, dịch vụ công cộng và thương mại cho người dân.

- Tạo cơ sở pháp lý cho việc đầu tư xây dựng, quản lý xây dựng, bảo vệ môi trường, đảm bảo cảnh quan kiến trúc tại khu vực, hình thành không gian khu dân cư phù hợp với điều kiện sống hiện đại, đáp ứng nhu cầu phát triển bền vững.

- Xây dựng hoàn chỉnh hệ thống hạ tầng kỹ thuật đồng bộ của từng phạm vi dự án, đảm bảo tính kết nối tốt với các hệ thống “hạ tầng khung” của toàn khu vực.

2. Nội dung và quy mô đầu tư:

- Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật Khu đô thị mới đồng bộ theo quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 được duyệt trên diện tích 11,53ha.

+ Loại công trình: Công trình hạ tầng kỹ thuật.

+ Cấp công trình: Cấp III.

- Nội dung đầu tư, gồm các hạng mục: San nền, giao thông, thoát nước, cấp nước, thoát nước thải, cấp điện, điện chiếu sáng, cây xanh, vỉa hè, cảnh quan theo qui hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 được duyệt.

- Hình thức đầu tư: Đầu tư xây dựng mới.

3. Nhóm dự án: Nhóm B.

4. Tổng mức đầu tư dự án: 247.079.000.000 đồng (*Hai trăm bốn mươi bảy tỷ, không trăm bảy mươi chín triệu đồng*).

5. Nguồn vốn đầu tư: Ứng vốn Quỹ Phát triển Nhà - Đất tỉnh Đắk Lắk.

6. Khả năng cân đối vốn: Không quá 04 (bốn) năm kể từ năm bố trí vốn để khởi công.

7. Thời gian thực hiện dự án: Khởi công trong giai đoạn 2021-2025.

8. Địa điểm thực hiện dự án: Tổ dân phố 4, phường Thành Nhất, thành phố Buôn Ma Thuột./.

Phụ lục II.2**Dự án Hạ tầng kỹ thuật Khu đất đường Thủ Khoa Huân,
thành phố Buôn Ma Thuột (phía Đông)**

(Kèm theo Nghị quyết số 08/NQ-HĐND ngày 19/3/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk)

1. Mục tiêu đầu tư:

- Xây dựng khu dân cư đô thị theo quy hoạch tỷ lệ 1/500 được duyệt, nhằm giải quyết đất ở đầu giá quyền sử dụng đất tạo nguồn thu cho ngân sách cho tỉnh; từng bước hoàn thiện hệ thống hạ tầng khu dân cư ngày càng khang trang, sạch đẹp; phục vụ nhu cầu về nhà ở, dịch vụ công cộng và thương mại cho người dân.

- Tạo cơ sở pháp lý cho việc đầu tư xây dựng, quản lý xây dựng, bảo vệ môi trường, đảm bảo cảnh quan kiến trúc tại khu vực, hình thành không gian khu dân cư phù hợp với điều kiện sống hiện đại, đáp ứng nhu cầu phát triển bền vững.

- Xây dựng hoàn chỉnh hệ thống hạ tầng kỹ thuật đồng bộ của từng phạm vi dự án, đảm bảo tính kết nối tốt với các hệ thống “hạ tầng khung” của toàn khu vực.

2. Nội dung và quy mô đầu tư:

- Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật Khu đô thị mới đồng bộ theo qui hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 được duyệt trên diện tích 15,77ha.

+ Loại công trình: Công trình hạ tầng kỹ thuật.

+ Cấp công trình: Cấp III.

- Nội dung đầu tư, gồm các hạng mục: San nền, giao thông, thoát nước, cấp nước, thoát nước thải, cấp điện, điện chiếu sáng, cây xanh, vỉa hè, cảnh quan theo qui hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 được duyệt.

- Hình thức đầu tư: Đầu tư xây dựng mới.

3. Nhóm dự án: Nhóm B.

4. Tổng mức đầu tư dự án: 259.192.000.000 đồng (*Hai trăm năm mươi chín tỷ, một trăm chín mươi hai triệu đồng*).

5. Nguồn vốn đầu tư: Ứng vốn Quỹ Phát triển Nhà - Đất tỉnh Đắk Lắk.

6. Khả năng cân đối vốn: Không quá 04 (bốn) năm kể từ năm bố trí vốn để khởi công.

7. Thời gian thực hiện dự án: Khởi công trong giai đoạn 2021-2025.

8. Địa điểm thực hiện dự án: Tổ dân phố 4, phường Thành Nhất, thành phố Buôn Ma Thuột./.

Phụ lục II.3**Dự án Hạ tầng kỹ thuật Khu ở mới thuộc thị trấn Ea Pốk,
huyện Cư M'gar, tỉnh Đắk Lắk (giai đoạn 3)**

(Kèm theo Nghị quyết số 08/NQ-HĐND ngày 19/3/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk)

1. Mục tiêu đầu tư:

- Cụ thể hóa đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu ở mới thuộc thị trấn Ea Pốk, huyện Cư M'gar, tỉnh Đắk Lắk tại quyết định số 512/QĐ-UBND ngày 07/3/2012 của UBND tỉnh Đắk Lắk.

- Nhằm hoàn thiện cơ sở hạ tầng khu khu ở mới, thúc đẩy sự phát triển và tạo điều kiện cho người dân có chỗ ở ổn định.

- Tạo quỹ đất để bán đấu giá thu ngân sách cho tỉnh giai đoạn 2021-2025, hạn chế tình trạng xây dựng nhà ở trái phép trên đất nông nghiệp, tránh sự lấn chiếm đất công.

2. Nội dung và quy mô đầu tư:

- Đường giao thông dài khoảng 1,3 km.

- Mặt cắt ngang đường gồm 02 loại, trục D1, D4 là 18m, với kích thước lòng đường 10m và hai bên vỉa hè mỗi bên 04m; Trục D3, N2 là 15m, với kích thước lòng đường là 07m và 02 bên vỉa hè mỗi bên 04m.

- Mặt đường Bê tông nhựa nóng: Cấp cao chủ yếu loại A2.

- Hệ thống thoát nước mưa:

- Hệ thống báo hiệu và an toàn giao thông.

- Vỉa hè, cây xanh.

- Hệ thống điện chiếu sáng.

- Hệ thống cấp nước sinh hoạt.

3. Nhóm dự án: Nhóm C.

4. Tổng mức đầu tư dự án: 46.500.00.000 đồng (*Bốn mươi sáu tỷ, năm trăm triệu đồng*).

5. Nguồn vốn đầu tư: Ứng vốn Quỹ Phát triển Nhà - Đất tỉnh Đắk Lắk.

6. Khả năng cân đối vốn: Không quá 03 (ba) năm kể từ năm bố trí vốn để khởi công.

7. Thời gian thực hiện dự án: Khởi công trong giai đoạn 2021-2025.

8. Địa điểm thực hiện dự án: Thị trấn Ea Pốk, huyện Cư M'gar./.

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 09/NQ-HĐND

Đắk Lắk, ngày 19 tháng 3 năm 2021

NGHỊ QUYẾT

Về Tiêu chí phân bổ và phương án phân bổ kế hoạch vốn đầu tư phát triển từ nguồn ngân sách tỉnh bố trí đối ứng thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, kế hoạch năm 2021

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK
KHÓA IX, KỲ HỌP CHUYÊN ĐỀ**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Xét Tờ trình số 22/TTr-UBND ngày 10 tháng 3 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh đề nghị ban hành Nghị quyết về Tiêu chí phân bổ và phương án phân bổ kế hoạch vốn đầu tư phát triển từ nguồn ngân sách tỉnh bố trí đối ứng thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, kế hoạch năm 2021; Báo cáo thẩm tra số 14/BC-HĐND ngày 17 tháng 03 năm 2021 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua tiêu chí phân bổ vốn từ nguồn ngân sách tỉnh và ngân sách Trung ương kế hoạch năm 2021 bố trí thực hiện các dự án theo cơ chế đầu tư thông thường và phương án phân bổ 180.000 triệu đồng kế hoạch vốn đầu tư phát triển từ nguồn ngân sách tỉnh bố trí đối ứng thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, kế hoạch năm 2021 (*Nghị quyết số 32/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh về kế hoạch xây dựng cơ bản năm 2021*), cụ thể như sau:

1. Tiêu chí phân bổ vốn từ nguồn ngân sách tỉnh và ngân sách Trung ương kế hoạch năm 2021 bố trí thực hiện các dự án theo cơ chế đầu tư thông thường:

Phân bổ cho các huyện, thị xã, thành phố (gọi chung là huyện) để thực hiện các dự án đầu tư theo cơ chế thông thường trên cơ sở đưa ra các tiêu chí để tính điểm, bao gồm:

1.1. Tiêu chí chính:

- Tiêu chí về số km giao thông đường xã cần cải tạo, nâng cấp hoặc xây dựng mới theo quy hoạch còn thiếu để đạt chuẩn nông thôn mới;

- Tiêu chí về nhu cầu vốn đầu tư cải tạo, nâng cấp các hồ đập có dung tích chứa dưới 500.000 m³;
- Tiêu chí về nhu cầu vốn đầu tư cải tạo, nâng cấp hoặc xây dựng mới các công trình nước sinh hoạt tập trung khu vực nông thôn;
- Tiêu chí về số xã trên địa bàn đến hết năm 2020 cơ bản chưa được bố trí đủ vốn đầu tư để đạt chuẩn nông thôn mới;
- Tiêu chí về số tổng nguồn thu sử dụng đất năm 2021 của cấp huyện.

1.2. Tiêu chí bổ sung:

- Tiêu chí cho 05 huyện nghèo;
- Tiêu chí cho 02 huyện cận nghèo thuộc Nhóm IV trong Nghị quyết số 22/2020/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh về phân cấp, cơ cấu nguồn vốn đầu tư xây dựng trường học và cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk, giai đoạn 2021-2025;
- Tiêu chí cho thị xã Buôn Hồ để thực hiện Nghị quyết số 09-NQ/TU ngày 08 tháng 12 năm 2017 của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ về tiếp tục xây dựng, phát triển thị xã Buôn Hồ giai đoạn đến năm 2020 và định hướng đến năm 2025 (để xây dựng xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao);
- Tiêu chí cho thành phố Buôn Ma Thuột để thực hiện Kết luận số 67/KL-TW ngày 16 tháng 12 năm 2019 của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển thành phố Buôn Ma Thuột đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 (để xây dựng xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao).

2. Phương án phân bổ 180.000 triệu đồng kế hoạch vốn đầu tư phát triển từ nguồn ngân sách tỉnh bố trí đối ứng thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, kế hoạch năm 2021:

2.1. Bố trí đủ phần vốn còn thiếu cho các dự án đã phê duyệt quyết toán, dự án hoàn thành và dự án chuyển tiếp theo tiến độ là 9.864 triệu đồng.

2.2. Bố trí khen thưởng cho các xã đạt chuẩn nông thôn mới trong giai đoạn 2016-2020 đủ điều kiện để khen thưởng theo quy định (1.000 triệu đồng/xã) là 10.000 triệu đồng.

2.3. Bố trí để khởi công mới các dự án đầu tư theo cơ chế đầu tư thông thường thuộc các lĩnh vực giao thông, thủy lợi, cấp nước sinh hoạt tập trung,... trên địa bàn 15 huyện, thị xã, thành phố là 160.136 triệu đồng, cụ thể:

- Thống nhất bố trí tối thiểu 65% tổng vốn ngân sách tỉnh và ngân sách Trung ương kế hoạch năm 2021 của Chương trình và tổng mức vốn từ nguồn ngân sách tỉnh và ngân sách Trung ương, giai đoạn 2021-2023 là 700.000 triệu đồng để đầu tư các dự án theo cơ chế thông thường thuộc các lĩnh vực giao thông, thủy lợi, cấp nước sinh hoạt tập trung,... để tạo liên kết xã, nhằm thúc đẩy phát triển sản xuất, nâng cao đời sống cho người dân khu vực nông thôn.

- Phân bổ 160.136 triệu đồng từ nguồn ngân sách tỉnh đối ứng kế hoạch

năm 2021 cho 15 huyện, thị xã, thành phố để khởi công mới 82 dự án đầu tư trong năm 2021.

(Chi tiết tại Phụ lục I, II, III và IV kèm theo)

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết và báo cáo kết quả thực hiện tại các Kỳ họp của Hội đồng nhân dân tỉnh.

Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết.

Điều 3. Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk khoá IX, Kỳ họp Chuyên đề thông qua ngày 19 tháng 3 năm 2021 và có hiệu lực kể từ ngày 19 tháng 3 năm 2021./.

CHỦ TỊCH

Y Biêr Niê

Phụ lục I

TỔNG HỢP NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN TỪ NGÂN SÁCH TỈNH BỐ TRÍ ĐỐI ỨNG THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI NĂM 2021

(Kèm theo Nghị quyết số 09NQ-HĐND ngày 19 tháng 3 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Chương trình/nguồn vốn	Kế hoạch năm 2021			Ghi chú
		Tổng số	Trong đó:		
			Thu tiền sử dụng đất	Xổ số kiến thiết	
	Tổng cộng	180,000	165,000	15,000	
1	Bố trí cho các dự án quyết toán, hoàn thành và chuyển tiếp	9,864	4,864	5,000	Chi tiết tại Phụ lục II
2	Bố trí khen thưởng cho các xã đạt chuẩn nông thôn mới, giai đoạn 2016-2020 đã đủ điều kiện khen thưởng theo quy định	10,000		10,000	Chi tiết tại Phụ lục III
3	Bố trí cho các dự án khởi công mới đầu tư theo cơ chế thông thường	160,136	160,136		Chi tiết tại Phụ lục IV

Phụ lục II

**KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CHO CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI NĂM 2021
(NGUỒN NGÂN SÁCH TỈNH) BỐ TRÍ CHO CÁC DỰ ÁN THANH TOÁN NỢ, CHUYỂN TIẾP - BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU CHO NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN**

(Kèm theo Nghị quyết số 09/NQ-HĐND ngày 19/3/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Đơn vị	Địa điểm đầu tư	Chủ đầu tư	Quyết định phê duyệt DA	Tổng mức đầu tư			Đã bố trí đến hết 2020		Số vốn còn thiếu		KH năm 2021 nguồn NST			Ghi chú
					Tổng số	Trong đó:		Tổng	Trong đó: NSTW và NST	Tổng	Trong đó: NSTW và NST	Tổng	Trong đó:		
													Thu tiền sử dụng đất	Xổ số kiến thiết	
	TỔNG CỘNG				129,924	88,155	37,692	77,997	74,021	14,134	14,134	9,864	4,864	5,000	
I	Dự án đã phê duyệt quyết toán				12,815	6,981	5,834	6,659	6,274	707	707	632	632	—	
1	Nhà văn hóa và sân thể thao xã Cư Êbur, thành phố Buôn Ma Thuột (NST hỗ trợ 50% dự toán mẫu)	Xã Cư Êbur	UBND xã Cư Êbur	261/QĐ-UBND xã 08/11/2017	6,618	2,653	3,965	2,520	2,520	133	133	133	133		QT
2	Nhà văn hóa xã Cư Mốt, huyện Ea H'leo	Xã Cư Mốt	BQL xã Cư Mốt	17/QĐ-UBND ngày 14/02/2020	3,084	2,166	918	1,700	1,700	466	466	425	425		QT
3	Nhà văn hóa xã Băng Adrênh (NST hỗ trợ 70%), huyện Krông Ana	Xã Băng Adrênh	BQL xã Băng Adrênh	36a/QĐ-UBND xã 03/5/2019	3,113	2,162	951	2,439	2,054	108	108	74	74	—	QT
II	Dự án đã bàn giao đưa vào sử dụng và chưa phê duyệt Quyết toán				46,793	27,082	15,635	28,483	24,992	2,090	2,090	700	700	—	
1	Nhà văn hóa xã Ea Drông, thị xã Buôn Hồ	Xã Ea Drông	BQL xã Ea Drông	59/QĐ-UBND ngày 25/5/2020	3,200	2,161	1,039	1,700	1,700	461	461	350	350		HT
2	Nhà văn hóa xã Ea Siên (NST hỗ trợ 50%), huyện Buôn Hồ	Xã Ea Siên	BQL xã Ea Siên	129/QĐ-UBND xã 06/9/2018	3,123	1,544		1,467	1,467	77	77	0		0	HT
3	Nhà văn hóa xã Tam Giang, huyện Krông Năng	Xã Tam Giang	BQL xã Tam Giang	84/QĐ-UBND ngày 23/4/2020	3,606	2,174	1,432	1,700	1,700	474	474	350	350		HT
4	Nhà văn hoá xã Bình Hoà, huyện Krông Ana (NST hỗ trợ 70%)	Xã Bình Hòa	UBND xã Bình Hòa	4913/QĐ-UBND ngày 24/11/2015	6,998	3,260	3,738	3,097	3,097	163	163	0		0	HT
5	Nhà văn hóa xã Quảng Hiệp, huyện Cư M'gar (NST hỗ trợ 70%)	Xã Quảng Hiệp	UBND xã Quảng Hiệp	75/QĐ-UBND xã 28/9/2017	4,980	3,287	1,693	3,123	3,123	164	164	0		0	HT
6	Nhà văn hoá xã Ea M'nam, huyện Cư M'gar (NST hỗ trợ 50%)	Xã Ea M'nam	UBND xã Ea M'nam	141/QĐ-UBND xã 31/8/2017	4,980	2,348	2,632	2,043	2,043	108	108	0		0	HT

STT	Đơn vị	Địa điểm đầu tư	Chủ đầu tư	Quyết định phê duyệt DA	Tổng mức đầu tư			Đã bố trí đến hết 2020		Số vốn còn thiếu		KH năm 2021 nguồn NST			Ghi chú
					Tổng số	Trong đó:		Tổng	Trong đó: NSTW và NST	Tổng	Trong đó: NSTW và NST	Tổng	Trong đó:		
													Thu tiền sử dụng đất	Xổ số kiến thiết	
7	Nhà văn hóa xã Ea Kiết (NST 70%), huyện Cư Mgar	Xã Ea Kiết	BQL xã Ea Kiết	110/QĐ-UBND xã 02/8/2018	3,093	2,151		2,043	2,043	108	108	0		0	HT
8	Nhà văn hóa xã Ea Tar (NST 50%), huyện Cư Mgar	Xã Ea Tar	BQL xã Ea Tar	168/QĐ-UBND xã 01/8/2018	3,093	1,537		1,460	1,460	77	77	0		0	HT
9	Nhà văn hóa xã Ea H'đing (NST hỗ trợ 70%), huyện Cư M'gar	Xã Ea H'đing	BQL xã Ea H'đing	103/QĐ-UBND xã 20/6/2019	3,775	2,151	1,624	2,863	2,043	108	108	0		0	HT
10	Nhà văn hóa xã Ea Drong (NST hỗ trợ 70%), huyện Cư M'gar	Xã Ea Drong	BQL xã Ea Drong	150/QĐ-UBND xã 26/6/2019	3,762	2,151	1,611	2,863	2,043	108	108	0		0	HT
11	Nhà văn hóa xã Ea Khal (NST hỗ trợ 70%), huyện Ea H'leo	Xã Ea Khal	BQL xã Ea Khal	48/QĐ-UBND xã 16/4/2019	3,094	2,165	929	2,986	2,057	108	108	0	0		HT
12	Nhà văn hóa xã Ea Knuéc (NST hỗ trợ 70%), huyện Krông Pắc	Xã Ea Knuéc	BQL xã Ea Knuéc	1199/QĐ-UBND huyện 07/5/2019	3,089	2,153	936	2,967	2,045	108	108	0		0	HT
III	Các dự án chuyển tiếp				70,316	54,092	16,224	42,855	42,755	11,337	11,337	8,532	3,532	5,000	
1	Cải tạo, nâng cấp Công trình Cấp nước sinh hoạt tập trung tại 09 buôn, thuộc xã Ea Rók, huyện Ea Súp, tỉnh Đắk Lắk. Hạng mục: Nâng cấp giếng khoan, đài nước, khu xử lý nước - nhà quản lý vận hành, mạng lưới đường ống và đầu nối hộ, thiết bị đi kèm	Xã Ea Rók	Ban QLDA ĐTXD H.Ea Súp	464a/QĐ-UBND ngày 31/10/2017 của UBND huyện	14,867	13,380	1,487	12,711	12,711	669	669	0		0	
2	Nhà văn hóa xã Ea Bung, huyện Ea Súp	Xã Ea Bung	BQL xã Ea Bung	270b/QĐ-UBND ngày 24/6/2020	3,205	2,862	343	2,256	2,256	606	606	300	300		CT
3	Nước sinh hoạt tập trung tại Buôn Tul A, Buôn Tul B thuộc xã Ea Wer, huyện Buôn Đôn	Xã Ea Wer	Ban QLDA ĐTXD H.Buôn Đôn	5048/QĐ-UBND ngày 31/10/2017 của UBND huyện	12,695	11,426	1,269	10,955	10,855	571	571	0		0	
4	Cấp nước sinh hoạt tập trung tại Buôn Niêng I, Buôn Niêng II, Buôn Niêng III, Buôn Ko Đung A, Buôn Ko Đung B, thôn Hòa An, xã Ea Nuôl, huyện Buôn Đôn, tỉnh Đắk Lắk	Xã Ea Nuôl	Ban QLDA ĐTXD H.Buôn Đôn	3052/QĐ-UBND 31/10/2019 của UBND huyện	14,995	13,465	1,530	6,733	6,733	6,732	6,732	6,732	1,732	5,000	Đủ phần 90% NST hỗ trợ
5	Nhà văn hóa xã Ea Tam, huyện Krông Năng	Xã Ea Tam	BQL xã Ea Tam	110/QĐ-UBND ngày 29/5/2020	3,606	2,174	1,432	1,700	1,700	474	474	250	250		CT
6	Nhà văn hóa xã Dray Sáp, huyện Krông Ana	Xã Dray Sáp	BQL xã Dray Sáp	235/QĐ-UBND ngày 26/6/2020	4,400	2,162	2,238	1,700	1,700	462	462	250	250		CT

STT	Đơn vị	Địa điểm đầu tư	Chủ đầu tư	Quyết định phê duyệt DA	Tổng mức đầu tư			Đã bố trí đến hết 2020		Số vốn còn thiếu		KH năm 2021 nguồn NST			Ghi chú
					Tổng số	Trong đó:		Tổng	Trong đó: NSTW và NST	Tổng	Trong đó: NSTW và NST	Tổng	Trong đó:		
													Thu tiền sử dụng đất	Xổ số kiến thiết	
7	Nhà văn hóa xã Ea Ning, huyện Cư Kuin	Xã Ea Ning	BQL xã Ea Ning	Số 133/QĐ-UBND ngày 28/4/2020 của UBND xã	4,066	2,147	1,919	1,700	1,700	447	447	250	250		CT
8	Nhà văn hóa xã Tân Lập, huyện Krông Búk	Xã Tân Lập	BQL xã Tân Lập	185/QĐ-UBND ngày 21/4/2020	3,100	2,170	930	1,700	1,700	470	470	250	250		CT
9	Nhà văn hóa xã Cư M'gar, huyện Cư M'gar	Xã Cư M'gar	BQL xã Cư M'gar	132/QĐ-UBND ngày 18/5/2020	4,232	2,151	2,081	1,700	1,700	451	451	250	250		CT
10	Nhà văn hóa xã Cư Huê, huyện Ea Kar	Xã Cư Huê	BQL xã Cư Huê	173/QĐ-UBND ngày 26/11/2020	5,151	2,155	2,996	1,700	1,700	455	455	250	250		CT

Phụ lục III

KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CHO CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI NĂM 2021 (NGUỒN THU TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT THUỘC NGÂN SÁCH TỈNH) BỐ TRÍ KHEN THƯỞNG CHO CÁC XÃ ĐÃ ĐƯỢC CÔNG NHẬN ĐẠT CHUẨN LŨY KẾ ĐẾN HẾT 2019, CHƯA ĐƯỢC KHEN THƯỞNG VÀ KHÔNG CÒN NỢ ĐONG XDCB -BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU CHO NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN

(Kèm theo Nghị quyết số 09/NQ-HĐND ngày 19/3/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Đơn vị	Địa điểm đầu tư	Chủ đầu tư	Kế hoạch năm 2020		Ghi chú
				Tổng	Trong đó: Nguồn thu tiền sử dụng đất từ NST	
	TỔNG CỘNG			10,000	10,000	
I	Thành phố Buôn Ma Thuột			1,000	1,000	
1	Xã Hoà Phú	Xã Hoà Phú	BQL xã	1,000	1,000	
II	Huyện Cư M'gar			2,000	2,000	
2	Xã Ea H'đing	Xã Ea H'đing	BQL xã	1,000	1,000	
3	Xã Ea Drong	Xã Ea Drong	BQL xã	1,000	1,000	
III	Huyện Krông Pắc			1,000	1,000	
4	Xã Ea Knuéc	Xã Ea Knuéc	BQL xã	1,000	1,000	
IV	Huyện Cư Kuin			1,000	1,000	
5	Xã Ea Ktur	Xã Ea Ktur	BQL xã	1,000	1,000	
V	Huyện Krông Ana			1,000	1,000	
6	Xã Băng A drênh	Xã Băng A drênh	BQL xã	1,000	1,000	
VI	Huyện Ea H'leo			3,000	3,000	
7	Xã Ea Wy	Xã Ea Wy	BQL xã	1,000	1,000	
8	Xã Ea Hiao	Xã Ea Hiao	BQL xã	1,000	1,000	
9	Xã Ea Khal	Xã Ea Khal	BQL xã	1,000	1,000	
VII	Huyện Ea Kar			1,000	1,000	
10	Xã Ea Týh	Xã Ea Týh	BQL xã	1,000	1,000	

Phụ lục IV

**PHÂN KHAI CHI TIẾT KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN TỪ NGUỒN NGÂN SÁCH TỈNH ĐỐI ỨNG THỰC HIỆN
KHỞI CÔNG MỚI CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ THEO CƠ CHẾ ĐẦU TƯ THÔNG THƯỜNG TRONG CHƯƠNG TRÌNH
MỤC TIÊU QUỐC GIA XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI, KẾ HOẠCH NĂM 2021- BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU CHO NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN**

(Kèm theo Nghị quyết số 09/NQ-HĐND ngày 19/3/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Địa điểm đầu tư	Thời gian KC- HT	Tổng mức đầu tư dự kiến GD 2021-2023		Vốn NST, kế hoạch 2021 (Nguồn thu tiền sử dụng đất)	Ghi chú
				Tổng số	Trong đó: Tổng vốn NST và NSTW dự kiến GD 2021-2023		
	TỔNG SỐ				700,000	160,136	
I	HUYỆN EA SÚP				79,000	18,000	
1	Đường GT liên xã Ya Tờ Mốt-Ia Rvê, huyện Ea Súp	Xã Y Tờ Mốt và Xã Ia Rvê	2021-2023		21,000	4,790	
2	Đường GT từ trung tâm xã Cư K'bang đi khu sản xuất đầu nối vào đường liên huyện Ea Súp - Ea H'Leo	Xã Cư Khang	2021-2023		11,500	2,620	
3	Nâng cấp tuyến đường trên kênh N8 thuộc hệ thống kênh chính tây, công trình thủy lợi Ea Súp thượng đoạn từ xã Ea Bung đến xã Ya Tờ Mốt	Xã Ea Bung và Xã Ya Tờ Mốt	2021-2023		6,000	1,370	
4	Đường giao thông từ ngã tư xã Cư M'Lan đi khu sản xuất của đồng bào dân tộc xã Cư M'Lan, huyện Ea Súp đầu nối vào đường liên huyện Ea Súp - Cư M'gar	Xã Cư M'Lan	2021-2023		13,000	2,960	
5	Đường giao thông liên xã Cư M'Lan đi xã Ea Rvê, huyện Ea Súp (GD 2)	Xã Cư M'Lan	2021-2023		8,000	1,820	
6	Đường giao thông từ xã Ia Lốp đi xã Ia Jloi (Đoạn ngã ba Công ty Lâm nghiệp Ya Lốp đi xã Ia Lốp), huyện Ea Súp	Huyện Ea Súp	2021-2023		13,000	2,960	
7	Đường giao thông từ trung tâm xã Ia Jloi đi buôn Ba Na xã Ia Jloi, huyện Ea Súp	Xã Ia Jloi	2021-2023		6,500	1,480	
II	HUYỆN CƯ M'GAR				44,400	10,200	
1	Đường GT liên xã Cư M'gar đi thôn 6 xã Quảng Hiệp, huyện Cư M'gar	Xã Cư M'gar và Xã Quảng Hiệp	2021-2023		8,000	1,820	
2	Đường GT liên xã Ea M'ngang, huyện Cư M'gar đi xã Cuôr Knia, huyện Buôn Đôn (Đoạn qua thôn 6 và thôn 8 xã Ea M'ngang)	Xã Ea M'ngang	2021-2023		5,400	1,230	
3	Cải tạo, nâng cấp đường GT liên xã Quảng Hiệp đi xã Ea H'ding, huyện Cư M'gar (giai đoạn 2)	Xã Quảng Hiệp	2021-2023		3,000	680	

4	Đường GT liên xã Ea M'droh - Ea H'đing (điểm đầu ngã 3 dốc đỏ, Ea M'droh- điểm cuối ngã 3 Thanh Hóa buôn Tar, Ea H'đing), huyện Cư M'gar	Xã Ea M'droh và Xã EaH'đing	2021-2023		10,000	2,280	
5	Nâng cấp, cải tạo đường GT liên xã Cư M'gar đi xã Ea Kpam, huyện Cư M'gar	Xã Cư M'gar và xã Ea Kpam	2021-2023		6,000	1,370	
6	Đập dâng Ea Nung 1, xã Cư M'gar	Xã Cư M'gar	2021-2023		12,000	2,820	
III	HUYỆN KRÔNG PẮC				54,700	12,470	
1	Đường GT từ xã Vụ Bồn, huyện Krông Pắc đi xã Ea Ô, huyện Ea Kar	Xã Vụ Bồn	2021-2023		13,500	3,080	
2	Đường giao thông liên xã Tân Tiến - Ea Uy - Ea Yieăng, huyện Krông Pắc	Xã Tân Tiến - Ea Uy- Ea Yieăng	2021-2023		9,800	2,230	
3	Đường GT liên xã Ea Uy đi xã Vụ Bồn, huyện Krông Pắc	Xã Ea Uy - Vụ Bồn	2021-2023		13,400	3,060	
4	Đường giao thông liên xã Ea Hiu - Ea Uy	Xã Ea Hiu và xã Ea Uy	2021-2023		8,000	1,820	
5	Đường giao thông từ trung tâm xã Ea Phê, huyện Krông Pắc đi xã Bình Thuận, thị xã Buôn Hồ	Xã Ea Phê	2021-2023		10,000	2,280	
IV	HUYỆN BUÔN ĐÔN				42,000	9,660	
1	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông liên xã từ xã Ea Bar huyện Buôn Đôn đi xã Ea M'Nang huyện Cư M'gar	Xã Ea Bar	2021-2023		11,000	2,510	
2	Bê tông hóa đường GT liên xã phục vụ sản xuất xã Ea Bar đi xã Ea Nuôl, huyện Buôn Đôn	Xã Ea Bar và xã Ea Nuôl	2021-2023		5,000	1,140	
3	Đường giao thông liên xã Ea Nuôl - Cuôr Knia, huyện Buôn Đôn (Km0 - Km 3+900)	Xã Ea Nuôl và xã Cuôr Knia	2021-2023		10,000	2,280	
4	Đường GT liên xã từ xã Ea Nuôl, huyện Buôn Đôn đi phường Thành Nhất, thành phố Buôn Ma Thuột	Xã Ea Nuôl	2021-2023		5,000	1,140	
5	Đập dâng Hoà Nam 2, Xã Ea Nuôl, huyện Buôn Đôn	Xã Ea Nuôl	2021-2023		11,000	2,590	
V	HUYỆN LẮK				44,300	10,280	
1	KCH kênh chính đập dâng Yang Lah - GD 2, xã Đăk Liêng, huyện Lăk	Xã Đăk Liêng	2021-2023		7,500	1,800	
2	Nâng cấp, cải tạo hệ thống công trình thủy lợi đập dâng Buôn Dren B, xã Đăk Liêng	Xã Đăk Liêng	2021-2023		8,000	1,820	
3	Đường GT liên xã Đăk Nuê- Đăk Phoi, huyện Lăk	Xã Đăk Nuê- Đăk Phoi	2021-2023		7,000	1,600	
4	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông liên xã Đăk Liêng- Đăk Phoi, huyện Lăk	Xã Đăk Liêng - Đăk Phoi	2021-2023		7,000	1,600	
5	Nâng cấp, kiên cố hóa kênh N2 trạm bơm buôn Cuôr, xã Yang Tao	Xã Yang Tao	2021-2023		7,000	1,680	
6	Nâng cấp, kiên cố hóa kênh cánh đồng Bông Krang, xã Bông Krang	Xã Bông Krang	2021-2023		7,800	1,780	
VI	HUYỆN KRÔNG BÔNG				45,500	10,360	
1	Đường GT liên xã Hòa Sơn đi xã Ea Trul, huyện Krông Bông	Xã Hòa Sơn và Xã Ea Trul	2021-2023		8,000	1,820	

2	Đường giao thông liên xã Hòa Tân đi xã Ea Trul, huyện Krông Bông	Xã Hòa Tân và xã Ea Trul	2021-2023		8,000	1,820	
3	Cải tạo, nâng cấp đường GT từ xã Hòa Thành, huyện Krông Bông đi xã Ea Hu, huyện Cư Kuin	Xã Hòa Thành	2021-2023		10,500	2,390	
4	Cấp nước sinh hoạt xã Ea Trul, huyện Krông Bông	Xã Ea Trul	2021-2023		11,000	2,510	
5	Cấp nước sinh hoạt tập trung tại 4 thôn Ea Uôl, Ea Lang, Cư Rang và Cư Tê, xã Cư Pui, huyện Krông Bông	Xã Cư Pui	2021-2023		8,000	1,820	
VII	HUYỆN CƯ KUIN				29,700	6,770	
1	Cải tạo, nâng cấp đường GT liên xã từ xã Ea Bhók đi xã Ea Hu, huyện Cư Kuin	Xã Ea Bhók	2021-2023		23,700	5,400	
2	Cải tạo, nâng cấp đường GT liên xã từ xã Hòa Hiệp đi xã Dray Bhang, huyện Cư Kuin	Xã Hòa Hiệp - Xã Dray Bhang	2021-2023		6,000	1,370	
VIII	HUYỆN EA H'LEO				48,000	11,040	
1	Hồ chứa thôn 5, xã Dliê Yang	Xã Dliê Yang	2021-2023		4,000	1,000	
2	Đường giao thông trục xã từ buôn Dang đi trung tâm xã Ea H'Leo	Xã Ea H'Leo	2021-2023		8,500	1,940	
3	Công trình cấp nước tập trung xã Ea Sol	Xã Ea Sol	2021-2023		7,000	1,600	
4	Đường giao thông trục xã từ thôn 11, thôn 5C đi trung tâm xã Ea Hiao	Xã Ea Hiao	2021-2023		8,500	1,940	
5	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông liên xã Ea Hiao đi các thôn buôn xã Ea Sol, huyện Ea H'Leo	Xã Ea Sol	2021-2023		6,000	1,370	
6	Đường giao thông trục xã từ thôn 5 đi trung tâm xã Ea Khal	Xã Ea Khal	2021-2023		5,500	1,250	
7	Đường giao thông trục xã từ thôn 1B đi thôn 8B, cánh đồng A6, xã Ea Wy	Xã Ea Wy	2021-2023		3,500	800	
8	Cải tạo, nâng cấp đường GT từ tỉnh lộ 15 xã Dliê Yang đi xã Ea Hiao, huyện Ea H'leo	Xã Dliê Yang và xã Ea Hiao	2021-2023		5,000	1,140	
IX	HUYỆN EA KAR				56,500	12,880	
1	Đường giao thông liên xã Ea Ô đi xã Cư Elang huyện Ea Kar (đoạn từ thôn 2A xã Ea Ô đi thôn 4 xã Cư Elang)	Xã Ea Ô và Cư Elang	2021-2023		9,000	2,050	
2	Đường trung tâm liên xã từ trung tâm xã Ea Pal đi xã Cư Prông, huyện Ea Kar	Xã Ea Pal và Xã Cư Prông	2021-2023		7,000	1,600	
3	Đường giao thông trục xã từ trung tâm xã đi thôn 2, thôn 3, xã Cư Yang, huyện Ea Kar	Xã Cư Yang	2021-2023		7,000	1,600	
4	Đường giao thông liên xã Ea Kmút đi xã Ea Ô, huyện Ea Kar	Xã Ea Kmút và Xã Ea Ô	2021-2023		6,500	1,480	
5	Đường giao thông liên xã Xuân Phú đi xã Ea Sar, huyện Ea Kar	Xã Xuân Phú và Xã Ea Sar	2021-2023		5,500	1,250	

6	Đường giao thông liên xã Cur Yang đi xã Cur Prông, huyện Ea Kar (đoạn qua thôn 8 xã Cur Yang)	Xã Cur Yang	2021-2023		6,000	1,370	
7	Đường giao thông trục xã từ trung tâm xã đi thôn 6, thôn 7 xã Xuân Phú, huyện Ea Kar	Xã Xuân Phú	2021-2023		4,000	910	
8	Đường GT trạm y tế nối đường liên xã, qua buôn Surk xã Ea Đar đi thôn 7 xã Cur Ni huyện Ea Kar	Xã Ea Đar và Xã Cur Ni	2021-2023		4,000	910	
9	Đường giao thông trục xã từ trung tâm xã đi thôn 8, thôn 1, thôn 3, thôn 6 và buôn Ea Sar, xã Ea Sar, huyện Ea Kar	Xã Ea Sar	2021-2023		7,500	1,710	
X	HUYỆN KRÔNG ANA				36,800	8,380	
1	Đường GT trục xã Ea Bông đi xã Băng Adrênh, huyện Krông Ana	Xã Ea Bông	2021-2023		3,300	750	
2	Nâng cấp mở rộng đường giao thông trục xã từ ngã ba Ea Tung, xã Ea Na (tại Km11 + 190 Tỉnh lộ 2) đi Thác Gia Long, xã Dray Sáp, huyện Krông Ana	Xã Ea Na và Xã Dray Sáp	2021-2023		10,500	2,390	
3	Nâng cấp, mở rộng đường giao thông liên xã từ ngã ba cây Hương, xã Băng Adrênh đến xã Dur Kmăl, huyện Krông Ana	Xã Dur Kmăl	2021-2023		8,000	1,820	
4	KCH kênh chính trạm bơm xóm lúa, xã Bình Hoà, huyện Krông Ana	Xã Bình Hoà	2021-2023		3,000	680	
5	KCH kênh chính trạm bơm T29, xã Bình Hoà, huyện Krông Ana	Xã Bình Hoà	2021-2023		12,000	2,740	
XI	HUYỆN KRÔNG BÚK				46,000	10,560	
1	Cải tạo, nâng cấp Hồ chứa nước Ea Puốc, xã Tân Lập, huyện Krông Búk	Xã Tân Lập	2021-2023		13,000	3,030	
2	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông liên xã từ thôn 6 xã Cur Né đến trung tâm xã Cur Pong	Xã Cur Né và xã Cur Pong	2021-2023		27,000	6,160	
3	Đường GT liên xã từ buôn Cur Yuốt, xã Cur Pong huyện Krông Búk đi buôn Wíng, xã Ea Kuếch, huyện Cur M'gar	Xã Cur Pong	2021-2023		6,000	1,370	
XII	HUYỆN M'DRẮK				57,000	12,980	
1	Đường giao thông liên xã từ nhà Ông Thắng thôn 1 xã Ea Lai đi xã Ea Riêng	Xã Ea Lai và xã Ea Riêng	2021-2023		3,000	680	
2	Cải tạo, nâng cấp đường GTLX Ea Pil đi xã Cur Prao (D22), huyện M'Drắk	Xã Cur Prao	2021-2023		10,000	2,280	
3	Đường giao thông liên xã từ QL 19 C (Thôn 8) xã Ea Riêng đi thôn 1 xã Ea HM'Lây	Xã Ea Riêng và xã Ea HM'Lây	2021-2023		4,000	910	
4	Đường giao thông trục xã Cur Prao (đoạn nối dài qua thôn 7, thôn 8, thôn 9, xã Cur Prao)	Xã Cur Prao	2021-2023		6,500	1,480	
5	Nâng cấp đường giao thông liên xã từ QL 26 xã Cur M'ta (đoạn nối tiếp), đi thôn 1 xã Cur Kroá, huyện M'Drắk (đường 21 Bis)	Xã Cur M'ta và xã Cur Kroá	2021-2023		5,500	1,250	

6	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông liên xã từ Quốc lộ 26 xã Cư M'ta đến Quốc lộ 19C xã Ea Riêng, huyện M'Đrăk	Xã Cư M'Ta và Xã Ea Riêng	2021-2023		28,000	6,380	
XIII	HUYỆN KRÔNG NĂNG				58,800	13,410	
1	Đường GT trục xã từ trung tâm xã Đliê Ya đến Buôn Tleh, xã Đliê Ya, huyện Krông Năng	Xã Đliê Ya	2021-2023		6,000	1,370	
2	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông liên xã từ xã Tam Giang đi xã Ea Púk, xã Ea Tam, xã Cư Klông huyện Krông Năng	Huyện Krông Năng	2021-2023		27,800	6,340	
3	Đường giao thông trục xã từ trung tâm xã Phú Lộc đến thôn Lộc Tài, thôn Lộc Thạnh xã Phú Lộc nối với TDP1 thị trấn Krông Năng, huyện Krông Năng	Xã Phú Lộc	2021-2023		10,000	2,280	
4	Đường GT trục xã từ trung tâm xã Ea Tam đến thôn Tam Phương - Tam Thủy - Tam Đồng xã Ea Tam, huyện Krông Năng	Xã Ea Tam	2021-2023		6,000	1,370	
5	Đường giao thông trục xã từ trung tâm xã Phú Xuân đến thôn Xuân Ninh, thôn Xuân Vĩnh, xã Phú Xuân nối với TDP3 thị trấn Krông Năng, huyện Krông Năng	Xã Phú Xuân	2021-2023		9,000	2,050	
XIV	THỊ XÃ BUÔN HỒ				32,800	7,566	
1	Đường giao thông liên xã từ thôn 6, xã Ea Drông đi xã Ea Blang, thị xã Buôn Hồ	Xã Ea Drông và Xã Ea Blang	2021-2023		4,000	910	
2	Đường giao thông liên xã từ xã Ea Drông đi xã Ea Siên, thị xã Buôn Hồ	Xã Ea Drông và Xã Ea Siên	2021-2023		6,000	1,370	
3	Đường giao thông liên xã từ QL 14 xã Cư Bao, thị xã Buôn Hồ đi QL 26 xã Ea Kênh, huyện Krông Pắc	Xã Cư Bao	2021-2023		7,000	1,600	
4	Nâng cấp, cải tạo hồ Ea Phê, xã Bình Thuận, thị xã Buôn Hồ	Xã Bình Thuận	2021-2023		11,000	2,596	
5	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông liên xã từ xã Ea Siên đi xã Bình Thuận, thị xã Buôn Hồ	Xã Ea Siên và Xã Bình Thuận	2021-2023		4,800	1,090	
XV	THÀNH PHỐ BUÔN MA THUẬT				24,500	5,580	
1	Đường giao thông trục xã từ QL14 vào thôn 2 và thôn 7, xã Hoà Thuận (Trục số 5A và 17A)	Xã Hoà Thuận	2021-2023		3,000	680	
2	Đường giao thông trục xã Hòa Thuận - Đoạn qua các thôn 2, thôn 3, thôn 7, xã Hoà Thuận (03 trục 7A, 9S, 13A)	Xã Hoà Thuận	2021-2023		3,000	680	
3	Nâng cấp đập kết hợp đường giao thông trên đập hồ ông Thao, xã Ea Tu	Xã Ea Tu	2021-2023		3,500	800	
4	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông từ trung tâm xã đi thôn 5, xã Hoà Khánh, thành phố Buôn Ma Thuột	Xã Hoà Khánh	2021-2023		13,200	3,010	
5	Cải tạo, nâng cấp đường từ trung tâm xã đi thôn 4, thôn 6 xã Hoà Thuận, thành phố Buôn Ma Thuột	Xã Hoà Thuận	2021-2023		1,800	410	

VĂN PHÒNG UBND TỈNH ĐẮK LẮK XUẤT BẢN

Địa chỉ : Số 09 Lê Duẩn - TP. Buôn Ma Thuột - tỉnh Đắk Lắk

Điện thoại : 080.50557 - 080.50584

Fax : 080.50554

E-mail: congbao@daklak.gov.vn

Website: <http://congbao.daklak.gov.vn>

In tại:

Giá: đồng